

**LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ
XÃ THUẬN MANG
(1948-2015)**

**BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ XÃ THUẦN MANG
HUYỆN NGÂN SƠN, TỈNH BẮC KẠN**

**LỊCH SỬ
ĐẢNG BỘ XÃ THUẦN MANG
(1948-2015)**

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

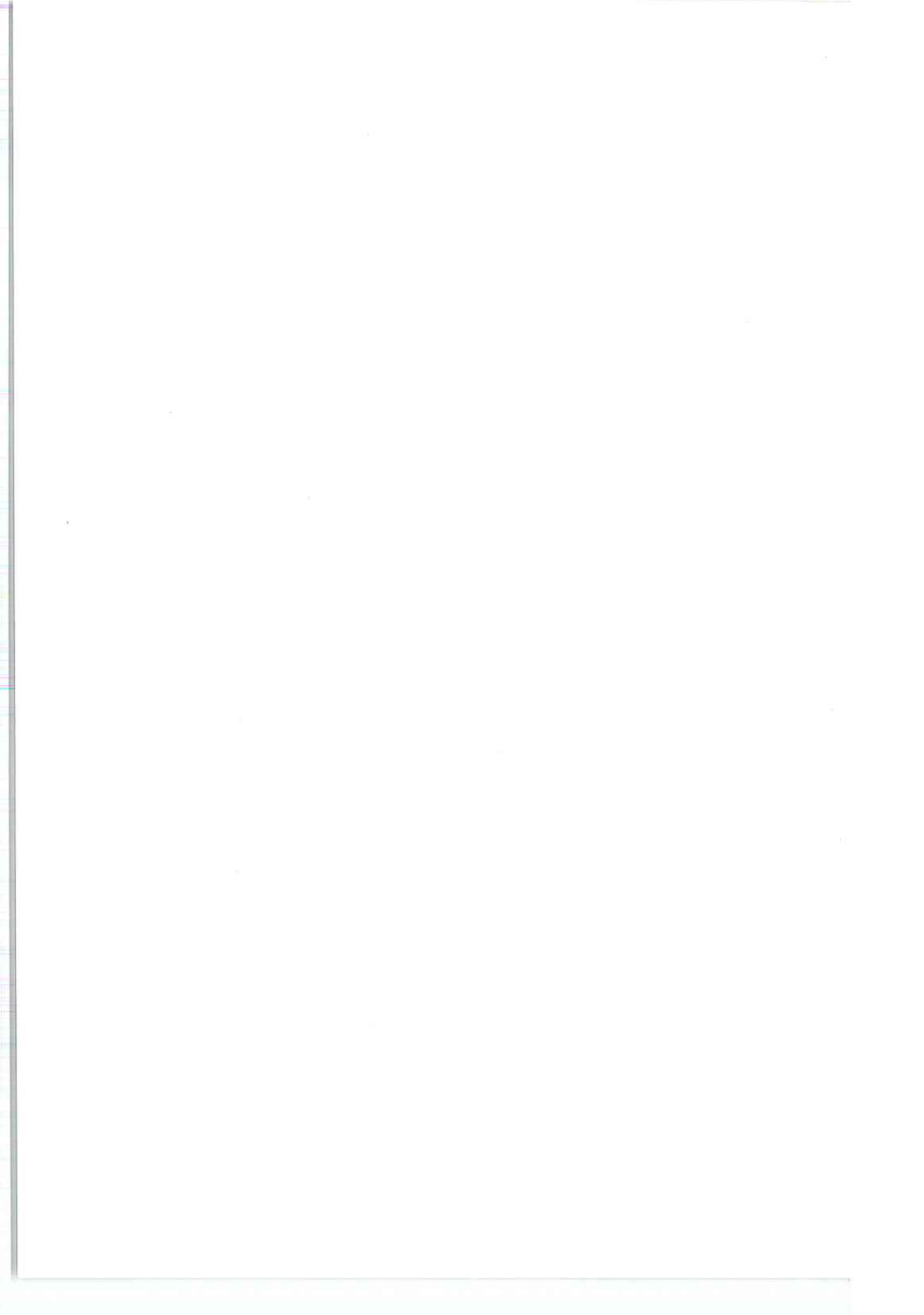
ĐIỀU 1. - (1) Điều này áp dụng cho tất cả các trường hợp.

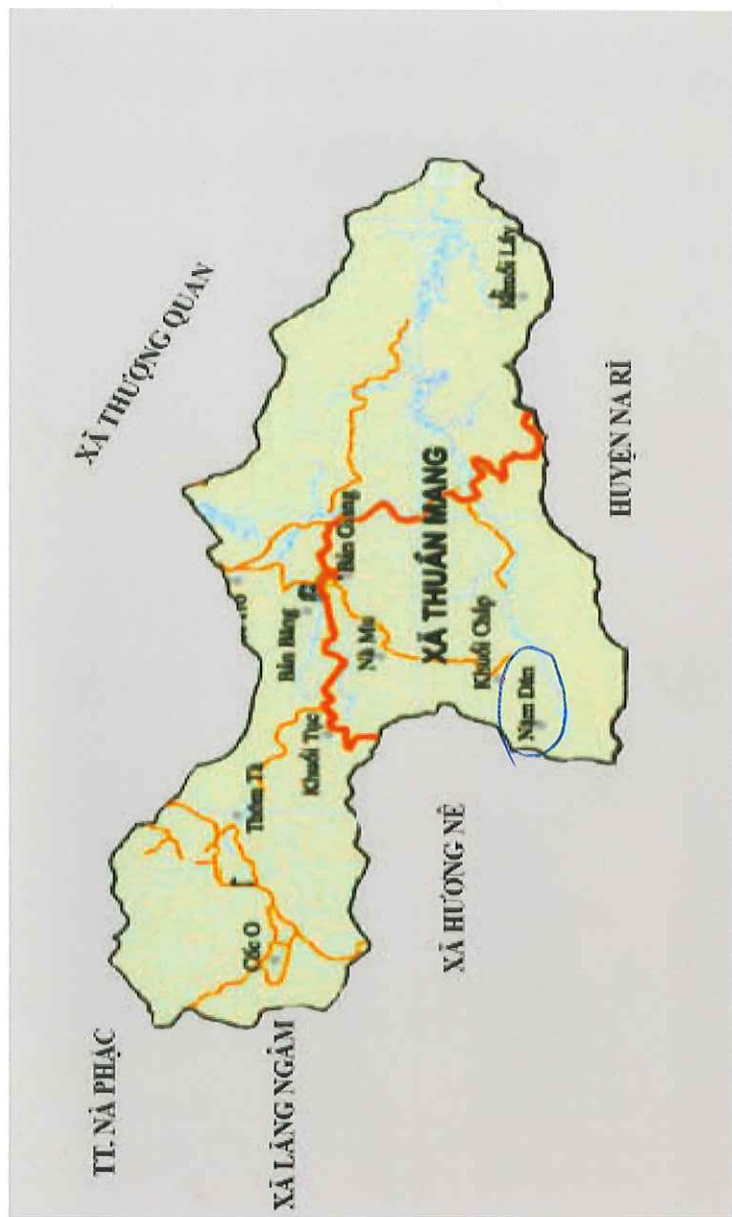
ĐIỀU 2. - (1) Điều này áp dụng cho tất cả các trường hợp.

ĐIỀU 3. - (1) Điều này áp dụng cho tất cả các trường hợp.



CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH
(1890-1969)
NGƯỜI SÁNG LẬP VÀ RÈN LUYỆN ĐẢNG TA





Bản đồ xã Thuận Mang

BAN CHỈ ĐẠO



Đào Việt Hưng
Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBND



Bế Đình Ngão
Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy



Lý Văn Phát
Chủ tịch HĐND



Hội thảo lịch sử Đảng bộ xã Thuận Mang, giai đoạn 1948 - 2015



Các đại biểu tham dự hội thảo



BAN CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN

Đào Việt Hưng

Bí thư ĐU, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã - Trưởng ban

Bế Đình Ngảo

Phó Bí thư Đảng ủy - Phó ban

Lý Văn Phát

UVBTV, Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã - Thành viên

BAN SƯU TẦM TƯ LIỆU

Bế Đình Ngảo

Phó Bí thư Đảng ủy - Trưởng ban

Lý Văn Phát

UVBTV, Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã - Phó ban

Hoàng Thị Thỏa

ĐUV, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã - Thành viên

Chu Văn Hường

ĐUV, Phó Chủ tịch UBND xã - Thành viên

Đinh Thiện Út

ĐUV, Chủ tịch UB MTTQ xã - Thành viên

Hoàng Trọng Tăng

Nguyên Bí thư Đảng ủy xã - Thành viên

BAN NGHIÊN CỨU - BIÊN SOẠN

Thạc sĩ Lịch sử: **Đoàn Văn Trường**

Cử nhân Lịch sử: **Trần Văn Hoàng**

Cố vấn khoa học: **PGS.TS. Phạm Xuân Mỹ**

Đến nay, chúng ta đã có một số thành tựu đáng kể trong việc nghiên cứu và ứng dụng công nghệ sinh học. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều thách thức cần vượt qua để đạt được những mục tiêu đề ra.

Trong thời gian qua, chúng ta đã có những bước tiến đáng kể trong việc nghiên cứu và ứng dụng công nghệ sinh học. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều thách thức cần vượt qua để đạt được những mục tiêu đề ra.

Để đạt được những mục tiêu đề ra, chúng ta cần tiếp tục đầu tư vào nghiên cứu và phát triển, đồng thời tăng cường hợp tác giữa các đơn vị nghiên cứu và ứng dụng.

LỜI GIỚI THIỆU

Thuần Mang là một xã nằm ở phía Đông Nam của huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Một vùng đất giàu truyền thống yêu nước và văn hóa. Từ xa xưa, nơi đây đã là địa bàn sinh sống của cư dân người Tày, Nùng. Qua thời gian, theo dòng chảy của lịch sử, nhiều thành phần cư dân (người Dao, Kinh, Mông...) đã cùng quần tụ về đây sinh sống, góp công sức vào sự nghiệp đấu tranh cách mạng và xây dựng quê hương.

Ngày 03/02/1930, Đảng Cộng sản Việt Nam thành lập. Từ đây, dưới sự lãnh đạo của Đảng, phong trào đấu tranh cách mạng đã phát triển rộng khắp trên cả nước với nhiều hình thức phong phú. Là xã miền núi phía Bắc, xa các trung tâm chính trị - xã hội, giao thông đi lại khó khăn, phải từ năm 1943 ánh sáng cách mạng của Đảng mới từng bước soi rọi đến với Thuần Mang. Được sự dẫn dắt và giác ngộ của cán bộ Việt Minh, nhiều thanh niên yêu nước ở khu Quang Khải, Thị Xuân đã nhiệt tình tham gia, đồng thời tiếp tục vận động nhiều người hưởng ứng, hòa nhập vào ngọn sóng cách mạng, đặc biệt là trong cuộc đấu tranh cách mạng giành chính quyền ở Ngân Sơn tháng 3/1945.

Cách mạng Tháng Tám (1945) nổ ra và nhanh chóng thành công trên phạm vi cả nước đã mở ra một kỷ nguyên mới cho lịch sử dân tộc: Độc lập, tự do và đi lên chủ nghĩa xã hội. Song với âm mưu xâm lược của thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, nhân dân các dân tộc Thuận Mang đã trải qua 30 năm sát cánh cùng các địa phương trong huyện và quân dân cả nước kháng chiến, lần lượt đánh bại 2 kẻ thù lớn mạnh là thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Từ sau tháng 4/1975, Thuận Mang cùng cả nước thực hiện nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TW ngày 28/8/2002 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về Tăng cường nâng cao chất lượng nghiên cứu, biên soạn lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; chủ trương của Tỉnh ủy Bắc Kạn, Huyện ủy Ngân Sơn về tổ chức nghiên cứu, biên soạn Lịch sử Đảng bộ cấp cơ sở, Ban Chấp hành Đảng bộ xã Thuận Mang nhiệm kỳ 2015-2020 ban hành Kế hoạch số 21-KH/ĐU ngày 17/11/2016 về việc xây dựng cuốn “Lịch sử Đảng bộ xã Thuận Mang (1948-2015)”.

Nội dung cuốn sách tái hiện chân thực vùng đất, con người, quá trình đấu tranh cách mạng anh dũng của cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc xã Thuận Mang dưới sự lãnh đạo của Đảng; đồng thời phản ánh công cuộc phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn qua các thời kỳ, nhất là từ sau đổi mới (1986). Cuốn “Lịch sử Đảng bộ xã Thuận Mang (1948-2015)” là nguồn tài liệu chính thống, góp phần giáo dục thế hệ trẻ, động viên nhân dân tiếp tục phát huy truyền thống đoàn kết, phát triển quê hương theo hướng văn minh, hiện đại.

Cuốn sách được xuất bản và ra mắt bạn đọc là sự cố gắng, nỗ lực của Ban Chấp hành Đảng bộ xã, các đồng chí trong Ban Chỉ đạo, Ban Suu tầm tư liệu, Ban Nghiên cứu - Biên soạn cũng như sự tham gia nhiệt tình của các đồng chí cán bộ, đảng viên là nhân chứng hoạt động qua các thời kỳ đã cung cấp thông tin, tư liệu và đóng góp ý kiến cho cuốn sách. Nhân dịp xuất bản cuốn sách, Ban Chấp hành Đảng bộ xã Thuận Mang xin trân trọng cảm ơn sự quan tâm, chỉ đạo của Ban Thường vụ Huyện ủy Ngân Sơn, Ban Tuyên giáo Huyện ủy, Ban Suu tầm tư liệu, Ban Nghiên cứu - Biên soạn, các đồng chí nguyên là cán bộ chủ chốt qua các thời kỳ, cán bộ, đảng viên và nhân dân trong xã đã giúp chúng tôi hoàn thành cuốn sách này.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng song cuốn sách không tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót. Do vậy, Ban Chấp hành Đảng bộ xã rất mong nhận được những ý kiến đóng góp của các đồng chí cán bộ, đảng viên, nhân dân và bạn đọc gần xa để hoàn thiện trong lần tái bản sau.

TM. BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ XÃ
Bí thư

Đào Việt Hưng

Chương I

THUẦN MANG - VÙNG ĐẤT, CON NGƯỜI VÀ TRUYỀN THỐNG LỊCH SỬ VĂN HÓA

I. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÙNG ĐẤT VÀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN XÃ THUẦN MANG

1. Quá trình hình thành vùng đất

Theo một số nguồn sử liệu còn lưu trữ được và công trình nghiên cứu được công bố, có thể khẳng định vùng đất thuộc huyện Ngân Sơn ngày nay, trong đó có xã Thuần Mang dưới thời Hùng Vương (thế kỷ thứ III TCN) thuộc bộ Vũ Định¹, một trong 15 bộ² của Nhà nước Văn Lang. Trải qua gần 1.000 năm Bắc thuộc³ đến thế kỷ X, vùng đất này thuộc các đơn vị hành chính khác nhau: quận Giao Chỉ, Giao Châu, Giao Long, châu Vũ Nga.

1. Bộ Vũ Định tương ứng với địa bàn 3 tỉnh: Thái Nguyên, Bắc Kạn và Cao Bằng.

2. 15 bộ thời Hùng Vương gồm: Giao Chỉ, Chu Diên, Vũ Ninh, Phúc Lộc, Việt Thường, Ninh Hải, Dương, Lục Hải, Vũ Định, Hoài Hoan, Cửu Chân, Bình Văn, Tân Hưng, Cửu Đức, Văn Lang.

3. Thời kỳ Bắc thuộc của nước ta bắt đầu từ năm 179 (TCN) đến năm 938 (SCN) khi Ngô Quyền đánh tan quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng, lập lại nền độc lập, chủ quyền cho dân tộc ta.

Từ thế kỷ XI đến thế kỷ XIX, dưới các triều đại Lý, Trần, Hồ, hậu Lê, Nguyễn..., vùng đất Thuận Mang có sự thay đổi thuộc các tổng, châu, trấn của xứ (tỉnh) Thái Nguyên. Năm 1858, thực dân Pháp nổ súng tấn công bán đảo Sơn Trà (Đà Nẵng), chính thức mở màn cho quá trình xâm lược nước ta. Sau khi tổ chức đánh chiếm thành Thái Nguyên (5/1884), bình định và đặt bộ máy cai trị lên toàn tỉnh, chính quyền thực dân Pháp đã nhiều lần thay đổi đơn vị hành chính tỉnh. Đặc biệt, ngày 11/4/1900, Toàn quyền Đông Dương ra Nghị định lấy phần đất thuộc phủ Thông Hóa thành lập tỉnh Bắc Kạn gồm 4 châu¹: Bạch Thông, Chợ Rã, Thông Hóa (Na Rì), Cẩm Hóa (Ngân Sơn). Từ đây cho đến trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945, châu Ngân Sơn có 3 tổng: Bằng Đức, Thượng Quan và Hạ Quan. Thời điểm này, tổng Thượng Quan gồm 3 xã: Thượng Quan, Thuận Mang và Vân Tùng. Địa bàn Thuận Mang (ngày nay) trước năm 1945 tương ứng với 2 khu vực: Khu Quang Khải (gồm 7 thôn, bản: Nà Mu, bản Bằng, Bản Giang, Nà Chúa, Bản Nìm, Khuổi Chắp và Cốc Tém thuộc xã Thuận Mang) và khu Thị Xuân (gồm 4 thôn, bản: Lũng Miêng, Nà Dầy, Đông Tào, Thôm Tà thuộc địa phận xã Thượng Quan).

Sau khi Cách mạng Tháng Tám (1945) nổ ra và thành công trên phạm vi cả nước, ngày 02/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt quốc dân đồng bào đọc bản Tuyên ngôn Độc lập, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng

1. Năm 1916, một số tổng thuộc châu Bạch Thông và châu Chợ Rã được tách ra để thành lập châu Chợ Đồn.

hòa. Trên cơ sở đó, năm 1946, Chính phủ đã có những chỉ đạo về việc tổ chức lại bộ máy hành chính các cấp: Bãi bỏ cấp phủ, châu, tổng. Cả nước thiết lập 3 cấp quản lý hành chính là: tỉnh, huyện, xã. Vì vậy, từ năm 1946-1953, địa bàn Thuần Mang (ngày nay) nhập vào thuộc xã Thượng Quan, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn.

Năm 1953, một mặt do địa bàn quản lý quá rộng, mặt khác để tạo thuận lợi cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo phong trào cách mạng của các địa phương, nhiều xã trên địa bàn huyện Ngân Sơn đã được chia tách thành các xã nhỏ hơn. Theo đó, cuối năm 1953, xã Thượng Quan tách ra thành 2 xã: Thượng Quan và Long Bằng (tương ứng 2 khu Quang Khải và Thị Xuân). Đến năm 1964, thực hiện Quyết định 150-NV ngày 12/5/1964 của Bộ Nội vụ về việc sửa đổi tên một số xã của tỉnh Bắc Kạn, xã Long Bằng chính thức đổi tên thành xã Thuần Mang.

Trải qua hơn 60 năm xây dựng và phát triển, xã Thuần Mang có những thay đổi nhất định về địa giới cấp quản lý hành chính¹: thập niên 70 của thế kỷ XX, xã lập thôn Khuổi Tục và Khau Thốc; năm 1985 lập thôn Khuổi Lầy và Nà Coóc; năm 1986 lập thôn Thôm Án; năm 1994 lập thôn khu chợ; năm 1998 lập thôn Cốc Ổ (trên cơ sở tách ra từ thôn Thôm Án). Trong khi đó, năm 1980, thôn

1. Từ năm 1965-1978, Thuần Mang thuộc huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Thái; từ năm 1978-1996, xã thuộc huyện Ngân Sơn, tỉnh Cao Bằng; từ ngày 01/01/1997 đến nay, sau khi tỉnh Bắc Kạn được tái lập, xã Thuần Mang nói riêng và huyện Ngân Sơn nói chung được điều chỉnh về trực thuộc tỉnh Bắc Kạn.

Cốc Tém (xã Thuận Mang) được điều chỉnh địa giới hành chính về thuộc xã Kim Hỷ, huyện Na Rì.

Như vậy, tính đến năm 2015, xã Thuận Mang có tổng cộng 17 thôn, bản gồm: Nà Mu, bản Bắng, bản Giang, Nà Chúa, bản Nìm, Khuổi Chắp, Lũng Miếng, Nà Dầy, Đông Tạo, Thôm Tà, Khuổi Tục, Khau Thốc, Khuổi Lầy, Nà Coóc, Thôm Án, Cốc Ổ và khu chợ.

2. Vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên xã Thuận Mang

Thuận Mang thuộc huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn; Phía Bắc giáp xã Thượng Quan (huyện Ngân Sơn); phía Nam giáp xã Kim Hỷ (huyện Na Rì); phía Đông giáp với xã Thượng Quan (huyện Ngân Sơn) và Lương Thượng (huyện Na Rì) và phía Tây giáp thị trấn Nà Phặc, xã Lãng Ngâm và xã Hương Nê (huyện Ngân Sơn).

Với đặc điểm là một xã thuộc vùng núi phía Bắc nên Thuận Mang có nền địa hình tương đối phức tạp, bị chia cắt với nhiều dạng khác nhau: từ địa hình núi cao đến đồi thoải, xen kẽ là các thung lũng; địa hình đồi bát úp với các cánh đồng nhỏ hẹp. Địa hình của Thuận Mang có thể chia thành 2 dạng chính: đồi núi dốc và cao tập trung chủ yếu ở phía Tây Bắc, Đông Nam; đồi thấp và thung lũng, phân bố chủ yếu dọc hai bên Quốc lộ 279. Theo đó, xã có tới khoảng 90% diện tích tự nhiên là đồi núi, trong khi diện tích bằng phẳng chỉ chiếm 10%. Do đó, để sản xuất được lúa và một số cây trồng khác, người dân Thuận Mang chủ yếu canh tác trên các chân ruộng bậc thang hoặc bãi bồi nhỏ hẹp dọc theo suối¹.

1. Báo cáo Quy hoạch xây dựng Nông thôn mới xã Thuận Mang, tr.6.

Năm 2015, tổng diện tích đất nông nghiệp là 4.858,61ha, trong đó đất lâm nghiệp là 4.499,41ha¹ (chiếm 92,61%), đất cho sản xuất nông nghiệp là 357,76ha (chiếm 7,36%), đất nuôi trồng thủy sản chỉ có 1,44ha (chiếm 0,03% diện tích đất nông nghiệp). Đất nông nghiệp là điều kiện thuận lợi của địa phương trong việc phát triển sản xuất, đẩy mạnh thâm canh tăng vụ. Với lợi thế có Quốc lộ 279 chạy qua đã thúc đẩy sự phát triển của khu vực hai bên đường chạy qua địa bàn xã.

Thuận Mang nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa. Nhiệt độ trung bình hằng năm thấp ($20,7^{\circ}\text{C}$). Mức chênh lệch nhiệt độ trung bình giữa các tháng trong năm tương đối cao. Tháng nóng nhất (tháng 7), nhiệt độ trung bình là $26,1^{\circ}\text{C}$; thấp nhất là tháng 1, nhiệt độ trung bình là $11,9^{\circ}\text{C}$. Cá biệt, có những thời điểm, nhiệt độ xuống thấp còn từ $3-4^{\circ}\text{C}$, gây giá buốt, ảnh hưởng lớn đến cây trồng vật nuôi và đời sống của nhân dân. Trong năm, khí hậu phân thành 4 mùa rõ rệt (Xuân, Hạ, Thu, Đông). Lượng mưa trung bình khoảng 1.248,2 mm/năm, phân bố không đều giữa các tháng. Mưa tập trung chủ yếu từ tháng 5 đến tháng 8. Trong khi vào các tháng mùa khô, lượng mưa không đáng kể. Hằng năm, Thuận Mang ít chịu ảnh hưởng của các cơn bão vì nằm sâu trong đất liền. Tuy nhiên, trên địa bàn xã đôi khi cũng xuất hiện hiện tượng mưa đá (từ 1-3 lần/năm).

1. Đất lâm nghiệp gồm: đất có rừng sản xuất với 2.789,71ha và đất có rừng phòng hộ là 1.709,70ha. Một phần đất lâm nghiệp hiện đã được giao cho các hộ gia đình, cá nhân và các đơn vị kinh tế sử dụng.

Nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt của người dân Thuận Mang vẫn chủ yếu lấy từ nước mưa và từ các con suối thuộc hệ thống sông Ngân Sơn như: suối Bản Giang, suối Nà Chúa, suối Pắc Luộc, suối Cuốc Lườn... Tuy nhiên, do địa hình dốc, suối có chiều dài ngắn và lưu vực nhỏ nên về mùa khô lưu lượng nước hạn chế. Do đó, cũng ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất và sinh hoạt của người dân.

Cũng giống như nhiều địa phương khác trong huyện Ngân Sơn, xã Thuận Mang có nguồn tài nguyên lớn nhất là rừng. Tính đến năm 2015, xã có diện tích rừng chiếm tới 85% diện tích tự nhiên, chủ yếu là rừng tạp, cây tán lá rộng. Rừng trồng chủ yếu là rừng thông, mỡ. Trữ lượng gỗ lớn, đạt trên 40m³/ha với nhiều loại gỗ quý nhóm I, II, III... Đặc biệt, ngoài tài nguyên rừng, qua khảo sát trên địa bàn xã còn có mỏ quặng vàng tập trung tại Bản Giang, có tiềm năng cho phát triển kinh tế - xã hội địa phương sau này.

Với vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên như trên, cộng thêm xã có tuyến Quốc lộ 279 chạy qua (nối Thuận Mang với Quốc lộ 3 ra thị xã Bắc Kạn và từ Thuận Mang chạy vào các xã của huyện Na Rì) là điều kiện thuận lợi để xã đẩy mạnh hoạt động giao lưu kinh tế - xã hội. Điều kiện tự nhiên đó tạo ra một số thuận lợi cho xã, nhất là việc kết hợp nông - lâm nghiệp với việc phát triển vùng trồng cây tập trung như cây ăn quả, rừng nguyên liệu... Tuy nhiên, tự nhiên cũng mang lại không ít khó khăn cho xã trên các phương diện phát triển kinh tế - xã hội như: Địa hình phức tạp, độ dốc lớn và bị chia cắt mạnh, ảnh hưởng không nhỏ

đến nhu cầu sản xuất, cũng như đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng; lượng mưa lớn và tập trung, kết hợp với địa hình dốc dễ gây ra tình trạng lũ lụt, sạt lở đất, nguy hiểm cho sản xuất và đời sống của nhân dân.

II. QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN DÂN CƯ VÀ NÉT ĐẸP VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG

1. Quá trình phát triển dân cư

Lịch sử hình thành và phát triển đất nước luôn gắn liền với quá trình di dân của các thành phần dân tộc. Trải qua hàng nghìn năm lịch sử, các cộng đồng người Việt cổ đã khai phá, mở mang bờ cõi, định cư và dần hình thành nên nét văn hóa riêng nhưng vẫn thống nhất trong ngôi nhà chung Việt Nam. Tỉnh Bắc Kạn nói chung và các địa phương trên địa bàn huyện Ngân Sơn nói riêng, từ lâu đã là nơi cư trú của người Tày cổ. Qua những truyền thuyết, truyện cổ về nguồn gốc của người Tày như truyện “Nạn Hồng Thủy”, “Pú Lương quân”, hát thơ quan làng đối đáp trong ngày cưới; cây đa trong huyền thoại với 30 cột trống, 90 cành vượn gắn liền với nhiều địa danh như Bằng Khẩu, Nà Ngần (Ngân Sơn), Phja Dạ (Ba Bể) đã chứng minh quá trình định cư lâu dài của người Tày tại tỉnh Bắc Kạn. Còn người Dao và người Nùng hiện nay ở Bắc Kạn nói chung và các xã trên địa bàn huyện Ngân Sơn nói riêng mới đến định cư được khoảng trên dưới 200 năm¹. Trong dòng di dân chung, một bộ phận cư dân người Tày,

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn, tập I*, NXB. Chính trị Quốc gia, tr.30.

Nùng, Dao đã chuyển đến sinh sống trên địa bàn xã Thuận Mang. Trải qua nhiều thế hệ, họ đã có công khai phá, mở đất, lập bản, hình thành nên mảnh đất này. Trong khi đó, người Kinh và người Mông ở Thuận Mang chuyển đến đây muộn hơn. Người Kinh chuyển đến định cư khoảng thập niên 60-70 của thế kỷ XX, còn người Mông (có nguồn gốc từ Cao Bằng) về đây từ sau năm 1979.

Thời điểm trước năm 1945, toàn khu Quang Khải mới có khoảng 110 hộ với 364 nhân khẩu; khu Thị Xuân có 38 hộ với 195 nhân khẩu¹. Đến năm 1969, dân số toàn xã Thuận Mang tăng lên là 213 hộ với 1.182 người². Đến năm 2010, theo số liệu thống kê, tổng dân số toàn xã có 480 hộ với 2.153 nhân khẩu. Trong đó, người Tày có 788 khẩu (36,67%), người Nùng có 285 khẩu (13,26%), người Dao có 647 khẩu (30,11%), người Mông có 404 khẩu (18,8%), người Kinh có 18 khẩu (0,84%), ngoài ra còn một số khẩu thuộc thành phần dân tộc khác. Quy mô hộ trung bình 4,49 người/hộ³.

Do yếu tố địa hình tương đối phức tạp, nhiều núi đá, gò đồi, xen kẽ là một số ít thung lũng, cánh đồng bằng phẳng nhỏ hẹp đã tác động đến việc phân bố địa bàn định cư giữa các thành phần dân tộc. Trong khi người Tày,

1. Ủy ban nhân dân xã Thuận Mang, *Báo cáo thành tích đề nghị phong tặng Danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang thời kỳ chống Pháp*, năm 2004, tr.2.

2. Trích *Báo cáo của Chi ủy xã Thuận Mang về đợt vận động củng cố hợp tác xã năm 1969-1970*, Lưu tại Văn phòng Đảng ủy xã Thuận Mang.

3. *Báo cáo Thuyết minh Quy hoạch Xây dựng Nông thôn mới xã Thuận Mang*, năm 2012, Phòng Địa chính, tr.10.

Nùng và Kinh ở Thuận Mang cư trú ở vùng thấp, trung tâm xã thì người Dao và người Mông lại sinh sống chủ yếu ở vùng núi cao, quanh chân núi hoặc sâu trong các bản. Trước năm 1979, khi Nhà nước chưa làm tuyến Quốc lộ 279 chạy qua xã, việc đi lại của người dân hết sức khó khăn, chỉ có đường mòn, phải đi bộ hoặc đi ngựa. Do yếu tố tự nhiên ngăn cách, địa bàn xã lúc đó phân thành 2 khu rõ rệt là: khu Quang Khái và khu Thị Xuân. Vì vậy, dân số ở Thuận Mang phân bố không đều và địa bàn sinh sống của các dân tộc cũng có sự khác nhau. Trong xã có những thôn (bản), cư dân sống đan xen, nhưng cũng có khu vực chỉ có duy nhất một thành phần cư dân sinh sống:

Người Tày ở Thuận Mang sống ở: Thôn Tà, Nà Mu, bản Bạng, bản Giang, bản Nìm, khu Chợ.

Người Nùng sống ở Lũng Miệng, Đông Tạo, Nà Dầy, bản Nìm.

Người Dao sống ở Nà Coóc, Khuổi Tục, Nà Chúa, Khuổi Chắp, bản Nìm, Nà Dầy, Khau Thốc.

Người Mông sống ở Khuổi Lầy và thôn Cốc Ổ. Ngoài ra, còn một số ít ở Thôn Án, Lũng Miệng, Nà Coóc.

Người Kinh không có hộ riêng, chỉ có số ít người là thành viên trong một số gia đình,

Như vậy, trải qua quá trình lâu dài, sự phát triển của cư dân trên địa bàn xã Thuận Mang góp phần hình thành nên các cộng đồng tộc người tại huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Trong quá trình đó, nhiều giá trị lịch sử, văn hóa truyền thống đã được tạo dựng, vun đắp, giữ gìn và bảo tồn để làm giàu thêm cho sự giao thoa giữa các dân tộc.

2. Nét văn hóa truyền thống của người Thuần Mang

Mỗi dân tộc trên địa bàn Thuần Mang có thời gian định cư dài ngắn khác nhau; số lượng và trình độ phát triển kinh tế - xã hội không đều nhau, nhưng trong quá trình sinh sống đã luôn thể hiện được tính đoàn kết. Bên cạnh việc giao thoa, học hỏi về văn hóa, phong tục lối sống, cộng đồng cư dân các dân tộc ở Thuần Mang vẫn giữ gìn được những nét truyền thống riêng, góp phần tạo nên bức tranh văn hóa nhiều màu sắc của mảnh đất Ngân Sơn, Bắc Kạn.

Nông nghiệp là mô hình kinh tế chính của người dân Thuần Mang. Những cánh đồng phì nhiêu là kết quả của nhiều thế hệ đã khai phá, cải tạo, đến nay rừng xanh, núi cao đã trở thành những vườn cây, nương ngô, cánh đồng lúa. Cư dân Thuần Mang từ xa xưa đã duy trì 2 phương thức canh tác nông nghiệp: làm nương rẫy ở vùng cao và làm ruộng ở vùng thấp. Người Tày, Nùng thường canh tác ruộng nước ở vùng thấp; trong khi người Dao, Mông chủ yếu duy trì hình thức phát nương, làm rẫy trên đồi, núi cao. Trước đây, người Dao và Mông duy trì tập tục đốt nương, làm rẫy, du canh du cư. Hiện nay, thực hiện chủ trương, chính sách của Nhà nước, đồng bào người Dao, Mông ở Thuần Mang nói riêng và huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn nói chung đã cơ bản định cư, ổn định về cuộc sống. Mỗi hình thức canh tác phản ánh môi trường sinh sống và truyền thống văn hóa của các cộng đồng cư trú trên mảnh đất này.

Ở Thuần Mang, nhà ở truyền thống của người Kinh đặc trưng là dạng nhà đất, trong khi của người Tày, Nùng, Dao, Mông trước đây là nhà sàn hoặc nửa sàn nửa đất. Trải qua quá trình cộng cư lâu dài, đồng bào các dân tộc

đã tự hòa nhập và chịu ảnh hưởng lẫn nhau, vì vậy, kiểu nhà đất, nhà nửa sàn nửa đất được nhiều hộ gia đình đồng bào dân tộc ưa chuộng, xây dựng.

Trang phục là yếu tố quan trọng thể hiện nét đẹp văn hóa, không chỉ mang tính chất giới tính mà còn mang tính xã hội rõ nét, phân biệt sự khác nhau giữa các cộng đồng dân tộc. Đó là trang phục ngày thường, trang phục mặc trong những ngày lễ hội, cưới xin, ma chay. Trang phục cổ truyền của người Tày làm từ vải sợi bông tự dệt, nhuộm chàm đồng nhất ở cả nam và nữ, hầu như không có hoa văn trang trí. Quần áo nam giới đơn giản với chiếc áo ngắn, xẻ ngực, cài 5 cúc trước ngực, ống quần rộng để có thể cử động dễ dàng. Nữ giới thường mặc áo cánh, thắt lưng, khăn đội đầu, đi hài vải. Phụ nữ Tày còn thắt lưng bằng những tấm vải chàm hay dải dài khoảng 2 sải tay làm tăng thêm vẻ duyên dáng. Trong khi đó, trang phục truyền thống của người Nùng được cắt may từ vải đen nhuộm chàm, phần lớn chúng không có nhiều hoa văn và đường nét. Đặc biệt, nam nữ người Nùng đến tuổi trưởng thành đều bịt một chiếc răng bằng vàng ở hàm trên, như thế được xem là làm đẹp, là người sang trọng. Người Mông thiết kế quần áo với 4 màu chủ đạo xanh, đỏ, trắng, vàng của chỉ tơ tằm. Phụ nữ Mông thường mặc áo bốn thân, xẻ ngực không cài nút, gấu áo không khâu hoặc cho vào trong váy (loại váy kín, nhiều nếp gấp, rộng, khi xòe ra có hình tròn). Hiện nay, trong xu thế phát triển của kinh tế và giao lưu hòa nhập nên trong sinh hoạt hàng ngày phần lớn đồng bào dân tộc, nhất là thế hệ trẻ đều mặc quần áo hiện đại giống người Kinh.

Văn hóa ẩm thực là bộ phận quan trọng thứ ba của văn hóa các dân tộc Thuận Mang. Cơm tẻ, măng, rau, thịt cá là những thứ thường thấy trong bữa ăn hàng ngày của đồng bào. Người Nùng thích ăn cháo gạo tẻ đặc gọi là “chúc cặn”, trong khi người Mông thường đồ bột ngô để ăn thay cơm gạo, gọi là Mèn mèn; người Dao thường được xay ngô thành bột để nấu cháo đặc.

Trong lĩnh vực văn hóa tinh thần, thành tựu văn hóa đáng lưu ý nhất là sự phong phú, đa dạng của văn học nghệ thuật dân gian được thể hiện qua các câu truyện, những câu ca dao, tục ngữ, điệu múa, điệu hát... Mỗi dân tộc đều có kho tàng nghệ thuật dân gian riêng của mình, chứa đựng những tâm tư, tình cảm và nhận thức của họ về tự nhiên, xã hội, con người cũng như tài năng sáng tạo văn hóa trong lịch sử dân tộc. Người Tày nổi tiếng với hát then, hát lượn. Bộ nhạc cụ như đàn tính, lúc lắc có mặt trong tất cả những sinh hoạt văn hóa tinh thần của người Tày.

Trên nền tảng của kinh tế nông nghiệp ruộng nước hay nương rẫy, cộng đồng các dân tộc ở Thuận Mang đã hình thành và phát triển với một cơ cấu xã hội tương ứng. Từ trong lòng xã hội ấy và đặc điểm tự nhiên chung ấy, họ đã tạo dựng lên những giá trị văn hóa vật chất, tinh thần độc đáo, phong phú, mang sắc thái riêng của từng cộng đồng người. Do đặc điểm hình thái cư trú xen kẽ, chung sống lâu dài trong một môi trường rừng núi thường xuyên phải chống chọi với thiên tai, thú dữ và giặc thù... Vì vậy, mặc dù khác nhau về sắc áo, tập quán song các dân tộc ở Thuận Mang luôn đoàn kết, sát cánh bên nhau để cùng xây dựng cuộc sống, phát triển quê hương.

Chương II

THUẦN MANG TRONG THỜI KỲ VẬN ĐỘNG CÁCH MẠNG TIẾN TỚI KHỎI NGHĨA GIÀNH CHÍNH QUYỀN VÀ KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1930-1954)

I. NHÂN DÂN THUẦN MANG TRONG CUỘC VẬN ĐỘNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC TIẾN TỚI KHỎI NGHĨA GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930 - 1945)

1. Tình hình kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội dưới thời Pháp thuộc

Năm 1858, thực dân Pháp nổ súng tấn công bán đảo Sơn Trà (Đà Nẵng), chính thức mở màn cho quá trình xâm lược Việt Nam. Sau khi cơ bản bình định nước ta thông qua việc ký với triều đình nhà Nguyễn bản Hiệp ước Patơ-nôt (1884) và dập tắt được các phong trào đấu tranh yêu nước, thực dân Pháp bắt đầu tiến hành cuộc khai thác thuộc địa¹ lần thứ nhất (1897-1914), từng bước thiết lập chính quyền cai trị vươn tới cấp xã. Năm 1888, thực dân Pháp đặt chân xâm lược của chúng lên Ngân Sơn. Từ đây,

1. Ở Việt Nam, thực dân Pháp tiến hành 2 cuộc khai thác thuộc địa: lần thứ nhất từ năm 1897-1914; lần thứ hai từ năm 1919-1929.

dưới chế độ cai trị của thực dân phong kiến, cuộc sống của nhân dân Ngân Sơn nói chung và người dân Thuần Mang nói riêng bắt đầu những tháng ngày đen tối, khổ cực.

Về chính trị, để thực hiện chính sách cai trị, Pháp chia nước ta ra thành 3 kỳ với 3 chế độ khác nhau: Nam Kỳ là đất thuộc địa, Trung Kỳ là đất bảo hộ và Bắc Kỳ là đất nửa bảo hộ. Người Pháp nắm quyền cai trị trực tiếp đến các tỉnh, còn từ cấp phủ, châu, huyện, tổng, xã, chúng sử dụng bộ máy cai trị người Việt. Đứng đầu châu Ngân Sơn là một viên tri châu. Dưới quyền tri châu có lục sự, thừa phái và một tiểu đội lính cơ do cai cơ phụ trách. Dưới châu là tổng, đứng đầu tổng Thượng Quan là chánh tổng và phó chánh tổng. Dưới tổng là xã, đứng đầu là lý trưởng, phó lý và một số bộ phận giúp việc như: phó đoàn, thủ bạ, tổng mộc, kỳ mộc, tổng lộ và thầy đội. Với danh nghĩa quản lý việc bản, việc xã, chúng đã đặt ra nhiều hủ tục phiền hà để ức hiếp, bòn rút nhân dân. Người dân cơ cực vì sưu cao, thuế nặng, lại thêm lệ tục hà khắc càng thêm điều đúng, khổ cực bội phần.

Bên cạnh bộ máy cai trị, thực dân Pháp còn thiết lập bộ máy đàn áp với một lực lượng quân sự lớn được bố trí ở khắp nơi. Ở thị xã Bắc Kạn, ngoài chức giám binh và phó giám binh do người Pháp nắm quyền tối cao về quân sự, còn có tòa án, nhà tù và mạng lưới mật thám, cảnh sát dày đặc. Ở tổng, có tổng đoàn, phó tổng đoàn. Lính đồng là một công cụ mà thực dân Pháp dùng để đàn áp phong trào cách mạng, bảo vệ trật tự trị an cho chính quyền thực dân, phong kiến ở địa phương.

Về kinh tế, sống dưới chế độ thực dân phong kiến, người dân Thuận Mang bị tước đoạt hết quyền tự do dân chủ, bị kìm kẹp, bóc lột đến cùng cực. Kinh tế chủ yếu là tự cung tự cấp, người dân Thuận Mang chỉ biết dựa vào núi rừng và làm nông nghiệp. Người Tày, Nùng sống bằng nghề làm ruộng, trong khi người Dao sống du canh du cư, phát nương làm rẫy. Công cụ lao động và phương thức canh tác của họ hết sức lạc hậu, cuộc sống rất khó khăn. Tuy nhiên, để có thể tồn tại được dưới chế độ cai trị của thực dân phong kiến, họ phải đóng rất nhiều các khoản thuế, trong đó nặng nề nhất là thuế thân (hay còn gọi là thuế đinh). Theo quy định, nam giới từ 18-60 tuổi thông thường hằng năm phải nộp đủ 2,5 đồng cho mỗi xuất thuế đinh. Tuy nhiên, thực tế họ lại thường phải đóng từ 3,5-4 đồng vì các khoản “phụ thu lạm bổ” mà bọn chánh tổng, lý trưởng tự đặt ra để bòn rút thêm. Trong khi đó, giá 1 tạ gạo chỉ có 3 đồng, giá 1 con trâu cày trung bình là 6 đồng. Dĩ nhiên hơn, nếu gia đình nào có người chết mà chưa kịp khai tử thì đến kỳ thu thuế người nhà vẫn phải nộp thóc thay cho người chết như bình thường. Ngoài thuế thân, người dân Thuận Mang còn phải đóng một số loại thuế khác như: thuế điền¹, thuế thổ trạch (từ 1,2-1,5 đồng), thuế trâu, bò, ngựa (30 kg thóc/con/năm)... Thực dân Pháp còn độc quyền bán muối, thuốc phiện và rượu cồn (cấm người dân nấu rượu nhưng lại bắt nhân

1. Thuế điền (hay còn gọi là thuế ruộng) chia thành 3 loại: ruộng loại 1 đóng 2 đồng/năm; ruộng loại 2 đóng 1 đồng/năm; ruộng loại 3 đóng 3 hào/năm.

dân phải mua rượu của chúng), đồng thời quản lý chặt chẽ việc khai thác lâm, thổ sản. Hằng năm, cứ đến kỳ thu thuế, khắp các thôn bản trong xã lại nổi lên tiếng trống, tiếng mõ của Lý trưởng và tuần đinh, lính phủ đi thúc sưu, dòn thuế.

Người dân Thuần Mang còn phải chịu nạn đi phu phen, tạp dịch. Theo quy định của chính quyền thực dân, hằng năm, mỗi người dân phải đi phu hai lần, mỗi lần từ 10-12 ngày và phải tự túc lương thực. Dân phu không những phải làm việc nặng nhọc, mà còn nhận số tiền công rẻ mạt và thường xuyên bị bọn cai phu đánh đập, bòn rút. Do bị vợ vét, bóc lột thậm tệ, tuyệt đại đa số các gia đình đều thiếu ăn từ 6-8 tháng trong một năm. Họ phải lên rừng đào củ mài, hái măng, cuộc sống hết sức khổ cực.

Về văn hóa, một trong những thủ đoạn cai trị thâm độc về văn hóa của thực dân Pháp là dùng chính sách ngu dân nhằm kìm hãm nhân dân lao động trong vòng tối tăm, lạc hậu để dễ bề cai trị và bóc lột. Chính quyền thực dân bằng mọi cách hạn chế việc học hành, cấm đoán không cho con em lao động đi học. Thời điểm trước năm 1945, toàn châu Ngân Sơn chỉ có 3 trường cấp I không toàn cấp đặt tại Nà Phặc, Hoàng Phài và Ngân Sơn¹. Trong bối cảnh phần lớn người dân ở Thuần Mang là nông dân nghèo, làm không đủ ăn, trường học ở xa, vì vậy, số gia đình có đủ điều kiện cho con em theo học rất

1. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Ngân Sơn, *Lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân huyện Ngân Sơn (1939-1954)*, tr. 13.

ít. Do đó, có đến trên 95% người dân Thuần Mang rơi vào cảnh mù chữ. Bên cạnh đó, thực dân Pháp còn chỉ đạo bọn tay sai duy trì và khuyến khích các tệ nạn xã hội phát triển trong nhân dân, đặc biệt là tình trạng cờ bạc, rượu chè, thuốc phiện và các tục lệ mê tín dị đoan. Các tục lệ cưới xin, ma chay rất nặng nề. Ngoài ra, chúng còn tìm cách chia rẽ giữa đồng bào Tày với đồng bào Nùng, Dao; chia rẽ giữa bản này với bản khác, giữa dòng họ này với dòng họ khác.

Cuộc sống kinh tế vốn khó khăn nên người dân khó có điều kiện chăm sóc sức khỏe. Cả châu không có một bệnh viện nào. Dịch bệnh trở thành mối đe dọa thường xuyên đối với đời sống nhân dân. Nhân dân Thuần Mang ốm đau chủ yếu là cúng bái, chữa chạy theo kinh nghiệm dùng thuốc dân tộc hoặc phó thác cho số phận rủi may. Tình trạng “hữu sinh vô dưỡng” diễn ra phổ biến.

Thuế khóa nặng nề, luật lệ hà khắc là những tai họa lớn đối với nhân dân. Người nông dân bị tước đoạt về ruộng đất, sức lao động, bị kìm hãm trong vòng tăm tối, lạc hậu về văn hóa tinh thần, bị tước đoạt mọi quyền tự do, kể cả tự do về thân thể. Từ trong cuộc sống bị áp bức, bóc lột đến cùng cực đó, lòng căm thù và khát vọng được giải phóng của những người dân lao động ở Thuần Mang giống như ngọn lửa đang cháy âm ỉ, chỉ đợi khi có thời cơ và sự lãnh đạo đúng đắn của một tổ chức cách mạng là sẽ bùng cháy, quét sạch đi bè lũ xâm lược và tay sai bán nước.

2. Nhân dân giác ngộ cách mạng, tham gia đấu tranh giành chính quyền năm 1945

Ngay từ khi thực dân Pháp đặt chân xâm lược, khắp nơi trên đất nước ta có hàng trăm cuộc khởi nghĩa diễn ra sôi nổi, thể hiện lòng yêu nước quyết tâm bảo vệ quê hương, đất nước của nhân dân ta. Tuy nhiên, những cuộc khởi nghĩa đó đều thất bại do chưa có đường lối chính trị đúng đắn. Ngày 03/02/1930, Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập, chấm dứt thời kỳ khủng hoảng về đường lối cứu nước của cách mạng Việt Nam. Từ khi có Đảng lãnh đạo, các phong trào đấu tranh yêu nước theo khuynh hướng vô sản nổ ra mạnh mẽ, điển hình như cao trào cách mạng Xô viết Nghệ - Tĩnh (1930-1931), thời kỳ đấu tranh đòi quyền dân sinh dân chủ (1936-1939). Tùy vào thực tiễn cách mạng và tình hình lực lượng cụ thể mà Đảng đã khéo léo đưa ra đường lối lãnh đạo, cũng như phương thức đấu tranh phù hợp.

Tuy nhiên, do đặc điểm châu Ngăn Sơn nói chung và Thuận Mang nói riêng là địa bàn miền núi cách xa các trung tâm cách mạng, việc đi lại và truyền thông tin là một trở ngại lớn, vì vậy, trong khoảng hơn 10 năm từ khi Đảng thành lập thì tư tưởng, đường lối, ánh sáng cách mạng chưa tạo được ảnh hưởng đến nơi đây. Ngày 28/01/1941, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc về nước để trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Tháng 5/1941, Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8 tại Pác Pó (Cao Bằng) chính thức khai mạc dưới sự chủ trì của đồng chí Nguyễn Ái Quốc. Tại đây, Hội nghị quyết định nhiều vấn đề quan trọng, trong đó

xác định giải phóng dân tộc là nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng Việt Nam, đồng thời quyết định thành lập Việt Nam Độc lập Đồng minh Hội (gọi tắt là Việt Minh) nhằm tập hợp sức mạnh đoàn kết của mọi tầng lớp nhân dân vì mục tiêu chung là đánh đuổi kẻ thù xâm lược. Đầu năm 1942, Trung ương Đảng và Tổng bộ Việt Minh chủ trương tổ chức các đội xung phong tuyên truyền để mở đường “Nam tiến” nhằm xây dựng đường dây liên lạc nối liền căn cứ địa Cao Bằng với khu vực Bắc Sơn - Võ Nhai và toàn miền xuôi¹. Lúc này, một bộ phận lực lượng “Nam tiến” vượt qua các thung lũng, phát triển cơ sở trong đồng bào Tày - Nùng và sau khi xây dựng được một số cơ sở ở Ngân Sơn (chủ yếu là ở 2 xã Thượng Ân và Cốc Đán). Xã Thuần Mang nằm trên trục đường của một mũi “Nam tiến” từ Thượng Ân qua các xã Bằng Vân, Đức Vân, Vân Tùng, Thượng Quan xuống châu Bạch Thông - thị xã Bắc Kạn. Từ năm 1942-1943, các đồng chí cán bộ Nam Tiến như: Dương Văn Long, Đồng Văn Bằng, Hoàng Thịnh, Nông Công Tú, Bế Văn Quyền, Dương Mạc Thạch, Hiệp Đoàn, Lộc Giang, Đức Xuân là những cán bộ đầu tiên đến tuyên truyền, gây dựng cơ sở cách mạng tại xã Thuần

1. Tháng 3/1942, đồng chí Võ Nguyên Giáp và đồng chí Lê Thiết Hùng đã đến tổng Kim Mã, châu Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng để vận động cách mạng, tuyên truyền, giác ngộ quần chúng và đào tạo cán bộ. Sau khi xây dựng được chỗ đứng chân vững chắc ở Nguyên Bình, nhiều cán bộ ở đây đã được cử đến châu Ngân Sơn để gây dựng cơ sở cách mạng. Đến giữa năm 1942, ở 2 xã Thượng Ân, Cốc Đán và một số nơi thuộc vùng cao của châu Ngân Sơn đã có gần 30 hội viên Việt Minh. Trích theo *Lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân huyện Ngân Sơn (1939-1954)*, tr.19.

Mang. Theo đó, ở các bản Thôm Tà, Lũng Miêng, Đông Tạo của khu Thị Xuân và một số bản như: Bản Giang, Bản Bắ, Nà Mu của khu Quang Khái là những địa bàn có cán bộ Việt Minh về hoạt động mạnh. Được sự giúp đỡ và chỉ đạo trực tiếp của đoàn cán bộ “Nam tiến”, phong trào cách mạng của xã, đặc biệt là các bản vùng cao có sự chuyển biến mạnh mẽ. Cán bộ Việt Minh đi đến đâu cũng được đồng bào nhiệt tình giúp đỡ, chỉ đường, bố trí nơi ở bí mật, tiếp tế lương thực thực phẩm, chuyển thư và công văn liên lạc... Hai ông Hà Văn Chư và Đinh Thiện Vở là một trong số ít người được tin tưởng, giao nhiệm vụ bí mật đưa đón, bảo vệ cán bộ cách mạng về địa phương hoạt động trong những ngày đầu. Vì vậy, chỉ sau một thời gian ngắn, Thuần Mang đã dần thành lập được các tổ chức hội cứu quốc như: Nông dân cứu quốc, Thanh niên cứu quốc, Phụ nữ cứu quốc...¹

Tại xã Thuần Mang, tính từ giữa năm 1943 đến đầu năm 1945, hầu hết các bản đã có hội viên Việt Minh như:

Bản Thôm Tà có các ông: Hoàng Văn Sán, Hoàng Văn Páo, Đào Văn Tân, Hoàng Văn Bàn; Đào Văn Úc, Lý Thị Phùng

Bản Nà Dầy có các ông: Hoàng Văn Lùng, Triệu Văn Phan, Lâm Văn Năm, Triệu Văn Đắc, Triệu Văn Kim là du kích.

Bản Đông Tạo có các ông: Trung Văn Thái, Nông Văn Kim, Nông Văn Hân

1. Ủy ban nhân dân xã Thuần Mang, *Báo cáo Thành tích đề nghị phong tặng Danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang thời kỳ chống Pháp*, năm 2004, tr.2.

Bản Lũng Miệng có các ông: Lý Văn Ong, Hà Văn Chur, Hà Văn Sầu và bà Lý Thị Phùng

Bản Nà Mu có ông Hoàng Bế Thại, Bế Đình Lọc, Bế Văn Vính.

Bản Bạng có các ông: Ma Văn Định, Ma Văn Thòong, Đinh Thiện Ý, Đinh Thiện Vượng, Đinh Thiện Tuế, Đinh Thiện Sơn.

Bản Nà Chúa có ông Triệu Khánh Ngại và bà Triệu Thị Vàng (Kim Liên).

Bản Nìm có ông Triệu Văn Mù, Hứa Văn Sài, Bế Thị Bậy.

Bản Giang có ông Đinh Thiện Võ, Chu Văn Cốc, Chu Văn Thử, Hồ Văn Phấn.

Đây là những người thuộc lớp Hội Việt Minh đầu tiên của xã Thuần Mang. Việc cán bộ Việt Minh về địa phương tổ chức các hoạt động tuyên truyền và thành lập được một số cơ sở cách mạng có nguyên nhân một phần là do địa bàn xã cách xa khu trung tâm, không có đường lớn chạy qua, việc đi lại chủ yếu là bằng lối mòn, địa hình lại nhiều rừng núi và hang động; thêm vào nữa ở các bản làng vùng cao, bộ máy kìm kẹp của địch tương đối mỏng, yếu, vì vậy, việc hoạt động bí mật có nhiều thuận lợi. Khu Quang Khải có đồi Phia Lý (thuộc Bản Giang) và khu Thị Xuân có đồi Kếng Mu (thuộc Thôm Tà), là 2 địa điểm thường diễn ra các buổi kết nạp hội viên Mặt trận Việt Minh¹. Từ khi các tổ Việt Minh được thành lập, hội viên được phân

1. Hội viên tại buổi kết nạp sẽ đọc lời thề nguyện trung thành tuyệt đối với Việt Minh và cách mạng.

công đi vào từng thôn bản để tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia các Hội Cứu quốc, tích cực ủng hộ bằng cả vật chất và tinh thần cho cách mạng. Trong hoàn cảnh đại bộ phận nhân dân còn nghèo đói, nhiều hộ còn phải ăn củ nâu, củ mài nhưng với lòng yêu nước, được giác ngộ lý tưởng đã luôn giữ vững lòng tin, đồng cam cộng khổ cùng cán bộ.

Năm 1943 được coi là năm có phong trào Việt Minh phát triển rộng khắp trên địa bàn xã. Nhân dân hăng hái gia nhập các hội cứu quốc, ủng hộ mít tinh, hội họp và tích cực luyện tập quân sự. Các địa danh như Lũng Mu, Thôn Tà, Lũng Choóng, đồi Bản Giang, Pù Nà Phạ... là những nơi diễn ra nhiều hoạt động (mít tinh, hội nghị...) sôi nổi. Không chỉ dừng ở quy mô nội xã, cán bộ và nhân dân các dân tộc Thuần Mang còn tích cực hưởng ứng các hoạt động ở bên ngoài, điển hình như việc tham gia cuộc mít tinh mừng thắng lợi của “Đại hội liên hoan các dân tộc Cao - Bắc - Lạng” tổ chức ở Diều Phon, xã Thượng Ân (3/1943) và cuộc mít tinh ở Khuổi Tôm (9/1943)¹. Để nâng cao chất lượng hoạt động của phong trào, thời gian này, các đồng chí gồm: Đinh Thiện Vở, Chu Văn Cốc, Đinh Thiện Tuế, Triệu Văn Mù, Đặng Văn Kim là những cán bộ cốt cán của Thuần Mang đã được cử sang xã Tam Kim, châu Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng tham gia lớp huấn luyện ngắn hạn do Mặt trận Việt Minh tổ chức.

1. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Ngân Sơn, *Lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân huyện Ngân Sơn (1939-1954)*, tr. 25.

Nhờ những hoạt động hiệu quả của các đoàn xung phong Nam tiến, tính đến đầu tháng 9/1943, tại các xã Thượng Ân, Cốc Đán, Tô Khê, Đức Vân, Vân Tùng, Thuần Mang đều đã lập được Ban Chấp hành Việt Minh xã¹. Trên cơ sở đó, cuối tháng 9/1943, tại xã Thượng Ân, Chi bộ Đảng Chí Kiên được thành lập. Đây là Chi bộ Đảng đầu tiên của tỉnh Bắc Kạn. Sự ra đời của Chi bộ Đảng Chí Kiên đánh dấu sự lớn mạnh, mở màn cho một giai đoạn phát triển mới của phong trào cách mạng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn nói chung và châu Ngân Sơn nói riêng.

Trước sự lớn mạnh của phong trào cách mạng ở Cao - Bắc - Lạng, cuối năm 1943 đầu năm 1944, thực dân Pháp mở một loạt cuộc khủng bố, vây quét lớn hòng dập tắt phong trào cách mạng ở vùng này. Tháng 12/1943, Pháp và tay sai tập trung một lực lượng lớn quân kéo đến Ngân Sơn, chia quân đi vào các bản lũng bắt cán bộ và khủng bố nhân dân. Tên tri châu Hoàng Mạnh Khuê cầm đầu toán quân tiến vào khu vực Vân Tùng, Thượng Quan và Thuần Mang. Tại đây, chúng dùng nhiều thủ đoạn thâm độc, xảo quyệt: vừa mua chuộc, vừa khủng bố tinh thần nhân dân bằng việc bắt bớ, giết hại người vô cớ; mở nhiều đợt càn quét vào từng khu rừng, từng bụi cây, dò tìm từng đường mòn để tìm bắt cán bộ; đồng thời lập thêm nhiều đồn bốt, trạm gác... Vì vậy, thời gian này, hầu hết cơ sở cách mạng của Thuần Mang bị vỡ, nhiều đồng chí cán bộ cốt cán của xã bị địch bắt như: Chu Văn Cốc, Đinh Thiện Tuế, Triệu

1. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Ngân Sơn, *Lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân huyện Ngân Sơn (1939-1954)*, tr. 26.

Văn Mùi, Chu Văn Thử, Ma Văn Thòng giam tại nhà tù Sơn La và Hỏa Lò (Hà Nội); còn đồng chí Đặng Văn Hiến và Triệu Khánh Ngại bị bắt giam tại nhà tù Bắc Kạn.

Trước tình hình đó, Chi bộ Chí Kiên chủ trương rút vào hoạt động bí mật để bảo toàn lực lượng của Đảng và quần chúng trung kiên; thành lập điểm bí mật; đồng thời tăng cường liên hệ với quần chúng, thực hiện khẩu hiệu “Bám sát quần chúng trung kiên, đập tan mọi âm mưu dụ dỗ, đàn áp của địch để giữ vững phong trào cách mạng”. Các xã đều lập ra các “Ban xung phong chống khủng bố” bao gồm đảng viên và cán bộ trung kiên để lãnh đạo cuộc đấu tranh của quần chúng¹. Chấp hành chủ trương của Châu ủy, Ban Chấp hành Việt Minh xã Thuần Mang chỉ đạo cán bộ rút vào hoạt động bí mật, củng cố lại lực lượng, đồng thời tìm cách bắt mối và giữ liên lạc với quần chúng nhân dân, trên cơ sở đó từng bước khôi phục lại phong trào cách mạng của địa phương.

Từ cuối năm 1944 đầu năm 1945, tình hình thế giới có nhiều chuyển biến quan trọng, phe phát xít (Nhật - Đức) thua đau trên nhiều chiến trường; trong khi đó lực lượng Việt Minh ở nhiều nơi tiếp tục phát triển lớn mạnh. Đặc biệt, sau chiến thắng ở Phay Khắt, Nà Ngần - châu Nguyên Bình (12/1944) và Đồng Mu - Bảo Lạc, từ tháng 2/1945, đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân²

1. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Ngân Sơn, *Lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân huyện Ngân Sơn (1939-1954)*, tr. 30.

2. Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân được thành lập ngày 22/12/1944. Từ đây, ngày 22/12 được lấy là ngày truyền thống của lực lượng quân đội nhân dân Việt Nam.

được lệnh của Trung ương tiến về khu vực phía Nam. Các chiến sĩ được nhân dân Ngân Sơn nhiệt liệt chào đón. Tại Thuần Mang, sau khoảng 1 năm giữ gìn và củng cố lực lượng, nhiều cơ sở cách mạng của địa phương đã được khôi phục. Mặt trận Việt Minh xã lập đội tự vệ, phối hợp với phong trào chung của huyện tổ chức các hoạt động diệt ác, trừ gian; đồng thời, động viên thanh niên tham gia vào lực lượng vũ trang, điển hình như đồng chí Đinh Thiện Vở gia nhập đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân.

Ngày 09/3/1945, phát xít Nhật đảo chính lật đổ Pháp để độc chiếm Đông Dương. Trước tình hình đó, Thường vụ Trung ương Đảng đã họp và ra Chỉ thị “Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta” (ngày 12/3/1945). Được bản Chỉ thị soi sáng, khắp nơi trong cả nước đều dấy lên một cao trào kháng Nhật cứu quốc mạnh mẽ, tạo tiền đề cho cuộc tổng khởi nghĩa khi thời cơ đến. Tại Ngân Sơn, nhận được tin Nhật đảo chính, bộ máy chính trị của Pháp ở đây lập tức bị tê liệt. Bọn tay sai hoang mang lo sợ, tên tri châu vội vã tìm đường bỏ trốn. Chớp lấy thời cơ đó, một trung đội do đồng chí Hoàng Văn Thái chỉ huy được lệnh tiến qua Thượng Ân, Cốc Đán, Hà Hiệu sang châu Chợ Rã. Một trung đội do đồng chí Đức Long chỉ huy từ xã Thịnh Vượng (châu Nguyên Bình) tiến qua Đức Vân, Thượng Quan, Thuần Mang xuống Phủ Thông¹. Đến ngày 21/3/1945, dưới sự chỉ đạo của Mặt trận Việt Minh huyện có sự hỗ trợ của lực lượng Việt Nam Tuyên truyền

1. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Ngân Sơn, *Lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân huyện Ngân Sơn (1939-1954)*, tr. 36.

Giải phóng quân, quần chúng cách mạng ở các xã Thượng Ân, Cốc Đán, Tô Khê, Bằng Đức, Bằng Khẩu, Đức Vân, Vân Tùng lần lượt vùng lên tước khí giới của lính đồng, tịch thu bằng sắc, ấn triện của bọn hào lý. Hòa chung khí thế đó, cán bộ và quần chúng nhân dân các dân tộc Thuần Mang cũng đứng lên tước súng ống của lính đồng, giải tán chính quyền địch. Đến cuối tháng 3/1945, Ủy ban cách mạng lâm thời xã thành lập, đồng chí Hoàng Văn Páo (bí danh Giang Thắng) được chỉ định làm Chủ tịch.

Như vậy, châu Ngân Sơn nói chung và xã Thuần Mang nói riêng là một trong những địa bàn sớm nhất trong cả nước đã tổ chức cuộc khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân thành công. Tuy nhiên, từ tháng 3/1945 đến trước tháng 8/1945, trên phạm vi cả nước nói chung chính quyền vẫn nằm trong tay của phát xít Nhật nên thời gian này, chính quyền lâm thời xã một mặt vừa phải củng cố, kiện toàn bộ máy, mặt khác tích cực tham gia đấu tranh chống đã tâm đặt lại thống trị ở Ngân Sơn của quân Nhật. Từ tháng 5/1945 - tháng 7/1945, phát xít Nhật đã 2 lần tổ chức các cuộc càn quét dọc Quốc lộ 3 từ thị xã Bắc Kạn đánh qua Phủ Thông rồi lên Ngân Sơn và ngược lại, nhằm thiết lập lại quyền kiểm soát của chúng tại đây. Tuy nhiên, cả 2 lần chúng đều gặp phải thất bại thảm hại. Đặc biệt, tại Thuần Mang, ngày 15/6/1945, được sự chỉ điểm và dẫn đường của tên Xã đoàn Linh¹, quân Nhật mở một đợt càn quét, lùng sục bắt bớ cán bộ Việt Minh vào các

1. Tên Linh trước đó làm việc cho Pháp.

bản của khu Thị Xuân. Tại đây, chúng đã đốt cháy toàn bộ số nhà thuộc 2 bản Nà Dầy và Đông Tạo, bắn chết 40 con trâu và bắt đi các ông: Hà Văn Sầu, Triệu Văn Nhí, Hứa Văn Râng, Triệu Văn Phan, Triệu Văn Đắc và Lý Văn Chương. Mặc dù bị địch tra tấn dã man nhưng các ông đều kiên quyết một lòng không khai báo. Không khuất phục được, chúng đã dẫn cả 6 người đến khu vực đèo Giàng - xã Lãng Ngâm sát hại tại đó¹. Hành động tội ác của kẻ thù không những không làm cán bộ, nhân dân Thuần Mang sợ hãi mà càng khoét sâu thêm lòng căm thù giặc, củng cố tinh thần yêu nước, quyết tâm đứng lên bảo vệ thành quả vừa giành được.

Tháng 8/1945, phát xít Nhật đầu hàng quân Đồng Minh, Trung ương Đảng và Mặt trận Việt Minh lãnh đạo nhân dân cả nước đồng loạt đứng lên lật đổ ách thống trị của phát xít và thực dân phong kiến trong cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền Tháng Tám năm 1945. Đến ngày 21/8/1945, những tên lính Nhật cuối cùng rút khỏi thị xã Bắc Kạn, đánh dấu thắng lợi hoàn toàn của quân và dân tỉnh Bắc Kạn.

Có thể khẳng định, thắng lợi trong cuộc đấu tranh giành chính quyền của nhân dân các dân tộc châu Ngân Sơn, trong đó có Thuần Mang đã góp phần vào thành công chung của khởi nghĩa Tháng Tám trên phạm vi cả nước. Thắng lợi đó đã mở ra một kỷ nguyên mới cho lịch sử dân tộc. Nước ta từ một nước thuộc địa nửa phong

1. Cả 6 người hiện đã được Nhà nước tặng Bằng "Tổ quốc ghi công".

kiến trở thành một nước độc lập, tự do. Nhân dân ta từ thân phận nô lệ trở thành người làm chủ đất nước. Thắng lợi của cuộc cách mạng khẳng định một chân lý: Chỉ có Đảng lãnh đạo, có ánh sáng cách mạng soi đường, phong trào đấu tranh của nhân dân mới giành được thắng lợi.

II. THUẦN MANG TRONG CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1945-1954)

1. Xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng, anh dũng kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1949)

Trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc, cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền Tháng Tám năm 1945 là một trong những sự kiện vĩ đại. Với thắng lợi ấy, nhân dân ta đã đập tan ách thống trị của phát xít Nhật (trong 5 năm) và hơn 80 năm của thực dân Pháp, đồng thời xóa bỏ chế độ phong kiến tồn tại hàng nghìn năm, đưa dân tộc Việt Nam bước vào kỉ nguyên mới - kỉ nguyên độc lập, tự do, do nhân dân làm chủ. Đối với nhân dân các dân tộc nơi đây, sau nhiều năm sống dưới tầng áp bức bóc lột của chính quyền thực dân phong kiến giờ đây đã vươn mình trở thành người làm chủ quê hương, làm chủ vận mệnh của mình. Ban Việt Minh xã từ hoạt động bí mật chuyển sang hoạt động công khai, hợp pháp, cùng với chính quyền lâm thời vừa thành lập sẽ trực tiếp lãnh đạo nhân dân vững bước trong những chặng đường đầy chông gai.

Hòa trong bối cảnh chung của lịch sử dân tộc những ngày sau cách mạng, giống như nhiều địa phương khác, cán bộ và nhân dân xã nhà gặp muôn vàn khó khăn.

Thời gian này, ở Thuận Mang không phải chịu nạn đói khủng khiếp giống như nhiều tỉnh miền xuôi Bắc Bộ, nhưng những chính sách bóc lột của chính quyền thực dân phong kiến về kinh tế, nhất là thông qua hệ thống thuế khóa, phu dịch đã làm cho đời sống của nhân dân nơi đây hết sức khổ cực. Nhiều diện tích canh tác trên địa bàn xã bị bỏ hoang, tình trạng thiếu nông cụ, phương tiện sản xuất, và thói quen canh tác lạc hậu dẫn đến tình trạng các gia đình bị đói ăn diễn ra phổ biến. Trình độ nhận thức của phần đông cán bộ và nhân dân còn hạn chế. Bộ máy chính quyền cách mạng ở xã vừa mới được thành lập, chưa có nhiều kinh nghiệm quản lý, điều hành các hoạt động, trong khi đó lực lượng quan lại cũ vẫn duy trì được uy thế lớn đối với vùng đất này càng khiến cho tình hình địa phương gặp nhiều khó khăn. Trong khi đó, ở bên ngoài, lực lượng quân đội của Tưởng Giới Thạch¹ sau khi vào Việt Nam đã tích cực hỗ trợ cho các lực lượng phản động nhằm phá hoại nền độc lập mà nhân dân ta vừa giành được. Tại Ngân Sơn, hiệp hội “Nam Dương Hoa kiều” sau khi thành lập đã tập trung bọn thổ phỉ ra sức tuyên truyền xuyên tạc, nói xấu cán bộ và cách mạng nhằm chia rẽ đoàn kết trong quần chúng nhân dân. Khó khăn lại chồng chất thêm khó khăn.

1. Với danh nghĩa thay mặt quân Đồng Minh vào giải giáp vũ khí quân Nhật, từ cuối tháng 8/1945, 20 vạn quân Tưởng tràn vào nước ta, kéo theo đó là các lực lượng phản động người Việt, điển hình là 2 tổ chức Việt Quốc, Việt Cách. Âm mưu thực sự của quân đội Tưởng là “Diệt Cộng sản, bắt Hồ Chí Minh”, lật đổ chính quyền Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Trong bối cảnh đó, Ban Chấp hành Việt Minh xã đã tổ chức nhiều cuộc họp với cán bộ trong chính quyền mới nhằm tìm hướng khắc phục. Một mặt, xã cử người bắt liên lạc với cấp trên để xin ý kiến chỉ đạo; mặt khác chỉ đạo các đoàn thể Cứu quốc như: nông dân, thanh niên, phụ nữ, phụ lão tích cực đẩy mạnh công tác tuyên truyền trong nhân dân, hướng dẫn họ tận dụng đất đai, đẩy mạnh tăng gia sản xuất, ổn định cuộc sống...

Đứng trước tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”, tại phiên họp đầu tiên của Hội đồng Chính phủ (3/9/1945), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề ra 6 nhiệm vụ cấp bách cho toàn Đảng, toàn dân, trong đó nhấn mạnh đến việc giải quyết “giặc đói”, “giặc dốt” và chống “giặc ngoại xâm”. Để giải quyết “giặc đói”, chính quyền và nhân dân Thuận Mang nhanh chóng bắt tay vào việc cứu đói. Hưởng ứng lời kêu gọi của Người “Cứ 10 ngày nhịn ăn một bữa, 1 tháng nhịn ăn ba bữa” và lập “Hũ gạo tiết kiệm” để lấy gạo cứu dân nghèo. Mặc dù đời sống nhân dân còn gặp nhiều khó khăn nhưng với tinh thần “lá lành đùm lá rách”, chỉ trong một thời gian ngắn hàng trăm kg gạo cứu đói đã đến với những người dân nghèo, giúp họ vượt qua khó khăn, từng bước ổn định cuộc sống.

Để giải quyết căn bản nạn đói, chính quyền xã đã phát động phong trào tăng gia sản xuất theo tinh thần của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Tăng gia sản xuất ngay! Tăng gia sản xuất nữa!”, thực hiện nghiêm túc khẩu hiệu “Tắc đất, tắc vàng”, “Không một tắc đất bỏ hoang”. Bên cạnh việc trồng lúa, xã còn đẩy mạnh trồng các loại cây hoa màu, chủ yếu là ngô để tăng nguồn lương thực tại chỗ.

Để khắc phục tình trạng trống rỗng Ngân khố Quốc gia, ngày 4/9/1945, Chính phủ ra sắc lệnh xây dựng “Quỹ độc lập” và tổ chức “Tuần lễ vàng” trên phạm vi cả nước nhằm động viên mọi người dân yêu nước tự nguyện đóng góp cho Tổ quốc. Trong thư gửi đồng bào toàn quốc nhân dịp “Tuần lễ vàng”, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Muốn củng cố nền tự do, độc lập ấy, chúng ta cần sức hi sinh phấn đấu của đồng bào toàn quốc, nhưng chúng ta cũng cần sức quyên giúp của nhân dân, nhất là những nhà giàu có”¹. Phát huy tinh thần yêu nước, hết lòng vì cách mạng, thời điểm trước năm 1945 (từ năm 1943-1945) mặc dù còn gặp nhiều khó khăn, nhân dân các dân tộc trên địa bàn xã Thuận Mang vẫn ủng hộ được 23,68 tấn lương thực các loại và 20 con trâu cho cách mạng², đến nay, khi Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi xây dựng “Quỹ độc lập” và tổ chức “Tuần lễ vàng”, đông đảo người dân Thuận Mang từ những người lao động nghèo khổ cho đến một số gia đình khá giả đều tự nguyện đóng, tích cực tham gia phong trào. Tính chung trong thời gian này, toàn xã đã đóng góp được 745 đồng cho “Quỹ độc lập”³.

Thực hiện phong trào Bình dân học vụ do Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung Ương Đảng phát động, đầu năm 1946 ở Thuận Mang Ban Bình dân học vụ được thành lập. Một số người biết chữ được vận động tham gia vào Ban

1. *Báo Cứu quốc*, số 45, ngày 17/9/1945.

2. Ủy ban nhân dân xã Thuận Mang, *Báo cáo Thành tích đề nghị phong tặng Danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang thời kỳ chống Pháp*, năm 2004, tr.3.

3. Ủy ban nhân dân xã Thuận Mang, *Báo cáo Thành tích đề nghị phong tặng Danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang thời kỳ chống Pháp*, năm 2004, tr.5.

Bình dân học vụ để tham gia công tác giảng dạy, như ông Ma Văn Tông, Chu Văn Tài, Đinh Thiện Ư... Do địa bàn xa, dân cư sống không tập trung nên việc tổ chức phong trào (dựng lán làm điểm học, thiếu phần, bảng...) của địa phương gặp nhiều khó khăn. Giáo viên phải đi bộ hàng cây số mới đến được điểm dạy, số người tham gia học tương đối đông nhưng tình trạng phải bỏ dở học không phải là hiếm. Vì vậy, để duy trì phong trào, một mặt chính quyền xã chỉ đạo các tổ chức đoàn thể tích cực động viên, tuyên truyền để người dân hiểu được lợi ích của việc học chữ; mặt khác áp dụng một số biện pháp cứng rắn để mọi người cùng có ý thức tham gia. Nhờ vậy, nếu như thời điểm trước năm 1945 Thuận Mang có trên 95% người dân mù chữ, thì đến cuối năm 1946, tỷ lệ này giảm xuống còn xấp xỉ 60%.

Thực hiện Sắc lệnh số 51-SL ngày 17/10/1945 của Chủ tịch Hồ Chí Minh về bầu cử Quốc hội, dưới sự chỉ đạo của Huyện bộ Việt Minh Ngân Sơn, Mặt trận Việt Minh và chính quyền cách mạng lâm thời xã Thuận Mang khẩn trương chuẩn bị và tổ chức tuyên truyền sâu rộng về mục đích, ý nghĩa của cuộc Tổng tuyển cử. Ngày 06/01/1946, cùng với cử tri toàn huyện, nhân dân các dân tộc Thuận Mang phấn khởi và tự hào tham gia Tổng tuyển cử, tự tay mình cầm lá phiếu bầu những đại biểu xứng đáng, góp phần vào thành công của cuộc bầu cử Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Ngay sau đó, nhân dân Thuận Mang lại chuẩn bị cho cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân 2 cấp (tỉnh, xã). Cùng thời gian này, thực

hiện quyết định của Nhà nước về việc tổ chức lại các cấp quản lý hành chính, bỏ cấp phủ, châu, tổng, thay vào đó thống nhất trên cả nước 4 cấp là: Trung ương, tỉnh, huyện, xã. Vì vậy, huyện Ngân Sơn tiến hành sáp nhập địa bàn một số xã để lập các xã mới. Theo đó, toàn bộ khu vực đất Thuần Mang nhập vào xã Thượng Quan gồm 21 thôn, bản¹. Sau cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân (tháng 4/1946), Ủy ban hành chính xã chính thức thành lập thay thế cho Ủy ban nhân dân lâm thời. Hội đồng nhân dân xã được bầu ra với hơn 20 đại biểu, ông Mã Văn Kiển (thường gọi là Phó lý Kiển, người Thượng Quan) được bầu giữ chức Chủ tịch Ủy ban xã. Đến tháng 12/1946, ông Nông Công Tôn được bầu giữ chức Chủ tịch xã thay ông Kiển. Cùng với việc bầu các chức danh bên chính quyền, Mặt trận Việt Minh xã được kiện toàn, trong đó ông Đinh Thiện Sơn (bí danh Hoàng Tông) được bầu làm Chủ nhiệm, các ông: Hoàng Văn Sán, Hà Văn Chư, Trung Văn Thái là Ủy viên Mặt trận.

Việc xây dựng và củng cố chính quyền nhân dân của địa phương diễn ra trong bối cảnh toàn huyện Ngân Sơn phải đấu tranh giành giật quần chúng hết sức gay go, quyết liệt với bọn phản động. Yêu cầu cấp thiết lúc này là phải nhanh chóng kiện toàn, củng cố lực lượng vũ trang. Đội tự vệ của Thuần Mang được thành lập từ trước năm 1945, đến thời điểm này đã phát triển lên thành một trung đội tự vệ du kích với khoảng 50 người. Trên cơ sở giúp đỡ của

1. Địa bàn Thuần Mang có 11 thôn, bản; địa bàn Thượng Quan có 10 thôn, bản.

huyện trong việc điều động cán bộ về hướng dẫn tập các động tác và làm quen với một số kỹ chiến thuật, chính quyền xã thường xuyên tổ chức các buổi để anh em tập luyện. Bên cạnh đó, xã lập ra một đội phụ trách công tác an ninh trật tự có nhiệm vụ kiểm tra, tuyên truyền nhân dân nêu cao ý thức cảnh giác cách mạng, phòng kẻ gian trà trộn về địa phương hoạt động phản cách mạng. Để nâng cao hiệu quả công tác, mỗi thôn còn cử ra một trưởng bản phụ trách vấn đề chung, như bản Nà Mù đứng đầu là ông Bế Đình Lọc, bản Bạng đứng đầu là ông Đinh Thiện Vượng, bản Lũng Miệng đứng đầu là ông Hà Văn Chur...

Như vậy, hơn 1 năm sau khi cuộc khởi nghĩa giành chính quyền của các địa phương trên toàn huyện Ngân Sơn thắng lợi, dưới sự chỉ đạo của Mặt trận Việt Minh và chính quyền xã, cán bộ và nhân dân Thuần Mang đã không ngừng nỗ lực phấn đấu, đạt kết quả trên nhiều mặt công tác. Thành công lớn nhất là cán bộ và nhân dân trong xã đã thể hiện được tinh thần đoàn kết, bảo vệ và giữ vững chính quyền cách mạng non trẻ mới thành lập. Đây là cơ sở quan trọng tạo nên sự ổn định để địa phương hoàn thành các nhiệm vụ về chống giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm. Mặc dù còn vô vàn khó khăn, nhưng đó là tín hiệu đáng mừng, củng cố thêm lòng tin của nhân dân đối với Đảng.

Sau khi đưa được quân đội ra Bắc thông qua việc ký với Chính phủ Việt Nam bản Hiệp định Sơ Bộ¹ (6/3/1946),

1. Để tránh cùng lúc phải đối đầu với nhiều kẻ thù và có thêm thời gian chuẩn bị cho kháng chiến, Chính phủ Việt Nam đã ký với thực dân Pháp bản Hiệp định Sơ bộ (6/3), đồng ý để Pháp đưa 15.000 quân ra Bắc thay thế quân đội Tưởng Giới Thạch làm nhiệm vụ giải giáp vũ khí quân Nhật.

với dã tâm quyết cướp nước ta một lần nữa thực dân Pháp đã tìm mọi cách gây hấn, tạo xung đột nhằm phát động cuộc chiến tranh, lật đổ chính quyền non trẻ mới thành lập. Tình hình diễn biến theo chiều hướng ngày một xấu đi. Không còn lựa chọn nào khác, Trung ương Đảng và Chính phủ quyết định phát động cả nước kháng chiến. Đúng 20 giờ ngày 19/12/1946, quân dân Thủ đô Hà Nội nổ phát súng đầu tiên tấn công nhiều địa điểm Pháp đóng quân. Ngay trong đêm, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến, kêu gọi quân dân, đồng bào cả nước nhất tề đứng lên chống giặc, khẳng định tinh thần của cả dân tộc: *“Thà hi sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”*¹.

Đáp lại Lời kêu gọi của Người, quân dân cả nước đồng lòng đứng lên chống giặc. Tại Ngân Sơn, do đặc trưng là địa bàn xa khu trung tâm kháng chiến, vì vậy, các địa phương của huyện có thêm thời gian để chuẩn bị cho cuộc chiến tranh đang lan rộng. Để lãnh đạo cuộc kháng chiến được sát sao hơn, đầu năm 1947, bên cạnh Ủy ban hành chính, huyện đã thành lập Ủy ban kháng chiến, cùng thời gian này Huyện ủy được thành lập, thực hiện chủ trương “tiêu thổ kháng chiến” của Trung ương và sự chỉ đạo của Huyện ủy Ngân Sơn, lực lượng du kích và nhân dân đã tổ chức đào hầm hào, dựng chướng ngại vật, tự phá nhà cùng một số công trình tập thể nhằm mục đích không để cho địch lợi dụng làm địa bàn đóng quân.

1. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 4, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 484.

Ban Tản cư xã được thành lập, phụ trách việc hướng dẫn nhân dân di chuyển, chuẩn bị một số điểm tập kết trong rừng phòng khi quân địch kéo đến thôn bản.

Tháng 6/1947, Hội nghị quân sự toàn quốc lần thứ III đã họp và đưa ra nhận định: “Dù địch có khó khăn khốn đốn, chúng còn có thể tấn công để thực hiện những nhiệm vụ chiến lược. Trong giai đoạn thứ nhất, chúng có thể âm mưu mở những cuộc tấn công lớn lên Việt Bắc nhằm tiêu diệt chủ lực của ta”.

Đúng như nhận định của Trung ương và Huyện ủy Ngân Sơn, nhằm thực hiện chiến lược “đánh nhanh, thắng nhanh”, thực dân Pháp đã quyết định mở chiến dịch tiến công quy mô lớn lên Việt Bắc¹ bằng việc cho quân nhảy dù thị xã, huyện Chợ Đồn và huyện Chợ Mới của tỉnh Bắc Kạn vào sáng sớm ngày 7/10/1947. Sau khi chiếm đóng được thị xã, ngày 16/10/1947, thực dân Pháp điều 300 xe vận tải chở đầy lính từ Cao Bằng xuống và một cánh quân khác từ thị xã kéo lên để đánh chiếm Ngân Sơn. Sau 2 ngày tấn công, chúng đã chiếm đóng được một số vị trí quan trọng trên địa bàn huyện như: Nà Phặc, Ngân Sơn và Bằng Khẩu. Từ đây cùng với quân và dân toàn huyện, cán bộ, lực lượng vũ trang và nhân dân các dân tộc xã Thuần Mang chính thức bước vào cuộc chiến đấu mới - trực tiếp kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, bảo vệ quê hương.

1. Thực dân Pháp mở chiến dịch tấn công lên Việt Bắc nhằm mục đích: phá tan cơ quan đầu não kháng chiến, tiêu diệt phần lớn bộ đội chủ lực, đồng thời khóa chặt biên giới Việt - Trung để ngăn chặn sự liên lạc của ta với quốc tế.

Sau gần 2 tháng với tinh thần chiến đấu ngoan cường của quân dân Việt Bắc và sự lãnh đạo tài tình, sáng suốt của Đảng, chúng ta đã đánh bại hoàn toàn cuộc tiến công Thu Đông của thực dân Pháp lên căn cứ Việt Bắc sau gần 2 tháng. Đến cuối năm 1947, Pháp ra lệnh rút hầu hết quân chủ lực ra khỏi các tỉnh phía Bắc, buộc phải chuyển từ chiến lược “đánh nhanh thắng nhanh” sang đánh lâu dài với ta. Tuy nhiên ở Ngân Sơn, Pháp vẫn chiếm đóng được nhiều địa bàn quan trọng. Thời gian này, một mặt Pháp tìm cách lôi kéo, mua chuộc các phần tử phản động, ra sức tuyên truyền xuyên tạc, dọa nạt, khủng bố tinh thần nhân dân nhằm gây mất đoàn kết nội bộ trong nhân dân và tách đồng bào ra khỏi cán bộ; mặt khác chúng mở rộng các cuộc càn quét tiêu diệt lực lượng vũ trang của ta. Thông qua việc thực hiện chính sách “tam quang”¹, đi đến đâu quân địch cũng đốt phá nhà cửa, bắn giết trâu bò, cướp bóc tài sản của nhân dân. Phong trào cách mạng của huyện Ngân Sơn nói chung và các xã trên địa bàn huyện nói riêng gặp muôn vàn khó khăn.

Trước tình hình đó, Huyện ủy Ngân Sơn chỉ đạo lực lượng vũ trang tổ chức củng cố, bảo toàn lực lượng, chuyển sang hình thức chiến tranh du kích; các cơ quan huyện rút vào hoạt động bí mật. Lúc này, địa bàn Thuận Mang trở thành một trong những căn cứ hậu phương, quân y, kháng chiến của huyện. Khu vực các thôn Lũng Miêng, Thôn Tà là nơi bí mật của cán bộ huyện về hoạt động và chỉ đạo kháng chiến. Do đó, mỗi khi nhận được tin báo

1. Chính sách “Tam quang” của Pháp là: đốt sạch, phá sạch, giết sạch.

chỉ điểm, thực dân Pháp lại thường xuyên tổ chức các đợt càn quét, lùng sục về đây. Thời điểm này, bên cạnh sự chỉ đạo của chính quyền xã thì yêu cầu phải thành lập được một tổ chức Đảng tại địa phương trở thành nhiệm vụ bức thiết. Trên cơ sở những quần chúng ưu tú của địa phương đã tham gia cách mạng từ trước, trong và sau Cách mạng Tháng Tám (1945) tiếp tục được bồi dưỡng, thử thách và giới thiệu để kết nạp vào Đảng. Tính đến cuối năm 1947, đồng chí Hoàng Văn Sán¹ được kết nạp vào Đảng và trở thành một trong những đảng viên đầu tiên của địa phương².

Từ đầu năm 1948, tình hình chiến sự diễn ra ngày một căng thẳng. Từ Ngân Sơn, thực dân Pháp mở cuộc quét về xã. Trong trận càn này, chúng bắt được 4 người là: Hoàng Văn Páo, Hoàng Văn Lùng, Lâm Thị Điều, Triệu Văn Kim. Mặc dù bị địch tra tấn rất dã man nhưng tất cả đều kiên quyết không khai địa điểm hoạt động bí mật của cơ quan kháng chiến. Không khuất phục được ý chí chiến đấu của những chiến sĩ trung kiên, địch buộc phải dẫn giải về Nà Phặc. Trên đường đến khu vực Mỏ Van, lợi dụng lúc địch không chú ý, cả 4 người đã cùng nhảy xuống thác tự vẫn để thể hiện tấm lòng trung thành với cách mạng, quyết không chịu rơi vào tay giặc. Trong số đó, anh Hoàng

1. Đồng chí Hoàng Văn Sán kết nạp vào Đảng ngày 19/8/1947 tại cơ quan huyện do đồng chí Hoàng Văn Páo (Thôm Tà) giới thiệu. Trích theo Sổ đảng viên, Lưu tại Văn phòng Đảng ủy xã Thuận Mang.

2. Đồng chí Đinh Thiện Côn (bản Bàng) tham gia quân đội ngày 5/5/1946, kết nạp Đảng trong quân đội tại Lào Cai ngày 10/10/1946, đến tháng 4/1956, đồng chí được phục viên trở về và tham gia công tác tại địa phương. Trích theo Sổ đảng viên, Lưu tại Văn phòng Đảng ủy xã Thuận Mang.

Văn Pảo hi sinh tại chỗ, anh Hoàng Văn Lùng và chị Lâm Thị Điều may mắn thoát chết nhưng mang thương tật suốt đời, còn anh Triệu Văn Kim bị chúng bắt lại rồi đưa về đầu cầu Nà Phặc sát hại. Trước yêu cầu của nhiệm vụ cấp bách cần thành lập một tổ chức Đảng để trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng địa phương, được sự chỉ đạo của Huyện ủy Ngân Sơn, tháng 3/1948, Chi bộ xã Thượng Quan chính thức thành lập gồm 4 đảng viên, trong đó đồng chí Nông Công Thịnh được chỉ định làm Bí thư Chi bộ¹. Sau khi Chi bộ Thượng Quan được thành lập, ngay sau trận càn quét, bắt bớ, Chi bộ đã chỉ đạo chính quyền, các đoàn thể, lực lượng du kích và nhân dân xã khắc phục hậu quả, động viên tinh thần cán bộ và quần chúng không hoang mang trước hành động khủng bố của kẻ thù, đồng thời tổ chức họp kiểm điểm rút kinh nghiệm.

Đến ngày 9/4/1948, thực dân Pháp lại cho một toán lính mở cuộc hành quân càn quét vào khu Quang Khải. Để gây bất ngờ cho lực lượng cách mạng, địch tổ chức đột vây bắt cán bộ vào ban đêm. Tại thôn Nà Mu, chúng bắt được vợ chồng Ma Văn Tông và Đinh Thị Loệt. Địch đánh đập, tra khảo 2 người nhưng không thu thập được tin tức gì, cuối cùng chúng trói chị Loệt vào gốc cây mít. Sáng sớm ngày 10/4, nhận được tin báo quân địch vẫn lùng sục ở Nà Mu, Tiểu đoàn 77 đang đóng tại Khuổi Nhọt đã điều động một trung đội do đồng chí Ngân Giang chỉ huy tập kích

1. Năm 1948, trong một trận càn quét của Pháp vào địa bàn xã Hương Nê, đồng chí Thịnh hy sinh khi đang hoạt động tại đó. Sau đó, đồng chí Giang Thanh được phân công làm Bí thư Chi bộ.

địch. Kết quả, quân ta đã bắn chết 1 tên quan hai Pháp và làm nhiều tên khác bị thương, buộc chúng phải tháo chạy bỏ lại của cải, trâu bò đã cướp được. Trong lúc bộ đội ta tấn công, chị Loẹt đã tự cắt dây trói và thoát thân, còn anh Tông vẫn bị địch bắt về đồn Ngân Sơn tra khảo. Mặc dù bị tù đầy, tra tấn dã man song với tinh thần giác ngộ cách mạng, anh vẫn nhất quyết không khai báo, sau đó vượt ngục thành công trở về với gia đình, cách mạng.

Đến đêm ngày 13/4/1948, thực dân Pháp tiếp tục mở một cuộc hành quân càn quét về đây. Đến mờ sáng ngày 14/4, chúng bắt được anh Bé Đình Túc là cán bộ Việt Minh trong lúc đang đi làm nhiệm vụ. Chúng tra tấn, đánh đập rồi dẫn giải anh về thôn Nà Mu. Mặc dù địch dùng đủ mọi thủ đoạn từ tra tấn đến dọa nạt, mua chuộc nhưng vẫn không thể khuất phục được tinh thần của người chiến sĩ cách mạng kiên trung. Cuối cùng, chúng đã bắn chết anh để uy hiếp tinh thần nhân dân¹. Những hành động tội ác tiếp tục được giặc nôi dài bằng cuộc càn quét vào ngày 26/4/1948, với quyết tâm tiêu diệt bằng được lực lượng vũ trang và lùng bắt toàn bộ cán bộ địa phương, địch đã cho quân đốt cháy toàn bộ bản Giang. Trong trận càn này, đồng chí Đình Thiện Việt bị bắt và giam giữ tại đồn Ngân Sơn².

Những tấm gương dũng cảm như của anh Pảo, anh Lùng, anh Kim, chị Điều, vợ chồng anh Tông, chị Loẹt và

1. Đồng chí Bé Đình Túc sau này được Nhà nước truy tặng Bằng Tổ quốc ghi công.

2. Sau khi bị địch bắt về giam tại đồn Ngân Sơn, đồng chí Đình Thiện Việt đã vượt ngục để trở về địa phương.

đồng chí Việt... dù bị địch bắt, tra tấn rất dã man nhưng họ vẫn luôn giữ được tinh thần ngoan cường, thà hi sinh chứ nhất quyết không phản bội lại cách mạng và đồng đội, trở thành nguồn cảm hứng động viên tinh thần chiến đấu cho cán bộ, đảng viên, chiến sĩ và nhân dân. Nhờ đó mà trong những thời điểm khó khăn nhất khi địch càn đi quét lại nhiều lần, cơ sở cách mạng của Đảng ở khu Quang Khải, Thị Xuân chưa bao giờ mất. Cùng với đó, dưới sự lãnh đạo của Chi bộ Đảng và chính quyền xã, phong trào cách mạng của địa phương vẫn luôn được duy trì và ngày một phát triển trên nhiều mặt, đặc biệt là trong công tác xây dựng Đảng. Dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy Ngân Sơn, Chi bộ Đảng xã Thượng Quan tiếp tục bồi dưỡng cho những đối tượng, quần chúng ưu tú để giới thiệu, tổ chức lễ kết nạp đảng viên mới; đồng thời thực hiện nghiêm công tác kiểm tra, giám sát, đấu tranh trong nội bộ nhằm nâng cao chất lượng và sức chiến đấu của tổ chức Đảng. Nhờ vậy, từ tháng 3-10/1948, trên địa bàn Thuận Mang có 3 đồng chí được kết nạp vào Đảng là: Đinh Thiện Việt (3/1948), Triệu Vạn Thắng (15/7/1948) và Đinh Thiện Sơn (20/10/1948). Trong bối cảnh địa bàn xã rộng lớn, số lượng cán bộ còn ít, các bản và khu dân cư nằm cách xa nhau, giao thông đi lại gặp nhiều khó khăn thì việc kết nạp thêm đảng viên mới là rất cần thiết. Nó đáp ứng phần nào nhu cầu lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động cách mạng, từ đó nâng cao hiệu quả các mặt công tác của địa phương.

Năm 1948, Pháp và lực lượng tay sai liên tục mở các đợt càn quét, khiến cho phần lớn thời gian người dân phải đi tản cư. Do đó, tình trạng ruộng đất bị bỏ hoang diễn ra

phổ biến, điều này ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống và phong trào kháng chiến của các địa phương trên địa bàn huyện. Vì vậy, phần lớn lương thực dành cho kháng chiến đều được chuyển từ Na Rì sang¹. Để công tác vận chuyển bớt khó khăn, nhân dân Thuận Mang, Thượng Quan cùng một số xã khác đã cử người ra nhập đoàn vận chuyển của huyện. Cũng trong năm 1948, chấp hành chủ trương của Trung ương, Huyện ủy Ngân Sơn phát động phong trào lập “Hũ gạo nuôi quân” và “Mùa đông chiến sĩ” được đông đảo các địa phương hết lòng hưởng ứng. Toàn huyện đã ủng hộ được 2.509 ống gạo cho bộ đội², trong đó, việc nuôi bộ đội và cán bộ là do sự đóng góp chủ yếu của nhân dân Thuận Mang, Hương Nê, Cốc Đán, Thượng Ân, một phần Thượng Quan và Cao Minh³.

Từ cuối năm 1948, cùng với việc một số đơn vị được điều động để phối hợp cùng quân dân các địa phương đánh giặc, lực lượng vũ trang của huyện Ngân Sơn và của các xã từng bước trưởng thành, chia thành các đơn vị nhỏ (tiểu đội, trung đội) có thể độc lập tác chiến. Trong khi đó, Pháp càng ngày càng gặp khó khăn trên chiến trường, rơi vào tình trạng bị động, mâu thuẫn giữa tập trung và phân tán quân đội chiếm đóng các khu vực. Đó là thời cơ quan trọng để bộ đội chủ lực và dân quân du kích địa phương đánh phản công, tiêu diệt địch. Cuối cùng, Pháp buộc phải

1. Trong 9 năm kháng chiến chống Pháp, huyện Na Rì là vùng tự do. Vì vậy, các địa phương ở điều kiện tập trung phục vụ chi viện cho chiến trường.

2. Một ống gạo tương đương 800 gram.

3. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Ngân Sơn, *Lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân huyện Ngân Sơn (1939-1954)*, tr. 63.

đi đến quyết định rút quân hoàn toàn khỏi thị xã Bắc Kạn ngày 9/8/1949 và tại Ngân Sơn là 13/8/1949. Sau ngày địch rút quân, Huyện ủy Ngân Sơn tổ chức buổi mít tinh mừng chiến thắng (19/8) với sự tham dự đông đủ của cán bộ, đảng viên, quân dân các xã trên địa bàn huyện.

Qua gần 2 năm chiến đấu kiên cường và bền bỉ (10/1947-8/1949), vượt lên trên mọi gian nan, thử thách, quân và dân Thuần Mang đã cùng quân dân trong huyện Ngân Sơn và tỉnh Bắc Kạn lập được nhiều chiến thắng vẻ vang, gây cho địch Pháp những thất bại nặng nề. Trong 2 năm đó, cán bộ, đảng viên và nhân dân trong xã đã hoàn thành tốt nhiệm vụ chiến đấu và phục vụ chiến đấu. Khu vực Quang Khái, Thị Xuân đã trở thành hậu phương an toàn để lãnh đạo huyện và cơ quan huyện về đóng¹. Trong suốt thời gian đó, cán bộ, quân và dân đã luôn thể hiện được tinh thần đoàn kết, yêu nước, ý chí chiến đấu ngoan cường, hết lòng vì cách mạng. Đó là truyền thống quý báu, là động lực để địa phương tiếp tục đóng góp sức người, sức của cho cuộc kháng chiến của dân tộc đi đến thắng lợi cuối cùng.

2. Khắc phục hậu quả chiến tranh, xây dựng hậu phương, phục vụ cho các chiến trường đánh thắng giặc Pháp xâm lược (1949-1954)

Sau khi huyện Ngân Sơn được giải phóng, dưới sự lãnh đạo của Chi bộ, chính quyền, các đoàn thể và nhân

1. Từ sau tháng 8/1948, cơ quan quân sự huyện chia thành 2 bộ phận: bộ phận quân y đóng ở Lũng Miêng (Thuần Mang) và bộ phận chỉ huy tác chiến đóng ở Khuổi Ngoài (Cốc Đán).

dân trong xã bắt tay vào công cuộc khắc phục hậu quả chiến tranh, xây dựng lại quê hương, thôn bản. Tuy nhiên, đây không phải là nhiệm vụ đơn giản, nhất là khi hậu quả từ cuộc chiến để lại hết sức nặng nề: Chính sách “Tam quang” (đốt sạch, phá sạch, giết sạch) của Pháp đã khiến cho nhiều nhà cửa của người dân bị hư hỏng hoàn toàn, các thôn bản xơ xác, tiêu điều, đất đai trồng trọt bị bỏ không, hoang hóa gần hết; trong khi đó nhân dân lại thiếu nông cụ, giống, phương tiện (trâu, bò) để sản xuất. Do đó, nhiều gia đình bị đói ăn triền miên; các loại nhu yếu phẩm (muối, vải, thuốc chữa bệnh...) thiếu trầm trọng. Số lượng cán bộ, đảng viên ít gây khó khăn cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo phong trào của địa phương. Trong khi đó, trình độ nhận thức, năng lực lãnh đạo của cán bộ để thực hiện trong bối cảnh mới còn những hạn chế nhất định.... Thêm nữa, mặc dù Pháp đã rút đi, nhưng bọn phản động vẫn ngấm ngầm hoạt động, hòng gây chia rẽ, mất đoàn kết trong nội bộ chính quyền và nhân dân. Đây là những vấn đề, thách thức không hề nhỏ mà địa phương phải đối diện.

Khó khăn gặp phải là rất lớn, tuy nhiên dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy Ngân Sơn, mà trực tiếp là Chi bộ Đảng Thượng Quan, chính quyền và nhân dân địa phương luôn giữ vững niềm tin, đoàn kết thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ được giao. Đầu năm 1950, Hội nghị liên huyện Na Rì - Ngân Sơn - Bạch Thông (họp tại Nà Coóc, huyện Na Rì) và Hội nghị liên huyện Chợ Rã - Ngân Sơn - Chợ Đồn (họp tại Chợ Rã) được tổ chức để bàn các biện pháp nhằm giải quyết khó khăn về kinh tế.

Trước mắt, các huyện thống nhất ủng hộ Ngân Sơn thóc gạo, trâu bò, tiền và nông cụ sản xuất. Trên cơ sở đó, Ủy ban hành chính huyện phân bổ cho các địa phương phục vụ khôi phục sản xuất.

Quán triệt chủ trương xây dựng nền kinh tế kháng chiến dựa trên nguyên tắc: “Vừa kháng chiến vừa kiến quốc và tự cung tự cấp về mọi mặt”, quân dân trong xã đã tích cực khai hoang, phục hóa, mở rộng các diện tích trồng lúa, ngô, khoai, sắn và hoa màu, đẩy mạnh chăn nuôi gia súc, gia cầm và triệt để thực hành tiết kiệm. Bằng nhiều biện pháp tổ chức của Chi bộ và Ủy ban kháng chiến hành chính xã, lực lượng dân quân, du kích và nhân dân ở từng thôn, bản đã tập trung làm đổi công cho nhau, giúp nhau về sức kéo, giống và nông cụ để cày cấy. Trong quá trình sản xuất, khắp các thôn, bản, đồng đảo nhân dân đều tích cực áp dụng các biện pháp canh tác như sử dụng giống lúa mới (như lúa Nam Ninh), cày sâu, bừa kỹ, bón phân, làm cỏ. Các phong trào “Tích cực tăng gia sản xuất cứu đói”, “Tuần lễ làm cỏ bón phân”... được phát động rộng rãi. Nhờ vậy, mặc dù bị trận lụt tháng 10/1950 tàn phá nặng nề, sản lượng lương thực toàn xã vẫn đạt khá, từng bước đáp ứng nhu cầu lương thực của nhân dân.

Từ năm 1951, tất cả các địa phương thực hiện việc nộp thuế nông nghiệp theo chủ trương về chính sách thuế nông nghiệp của Chính phủ (ban hành ngày 1/5/1951). Dưới sự chỉ đạo của Huyện ủy, chi bộ và chính quyền xã sau khi cử cán bộ đi học tập đã về tổ chức tuyên truyền chính sách thuế nông nghiệp tới toàn thể cán bộ và nhân

dân trong xã. Xã phân công cán bộ phụ trách và trưởng các đoàn thể xuống từng thôn, vào từng gia đình để giải thích. Thực hiện mỗi thôn cử ra 5 người đi bình công ruộng từng hộ để tính thuế. Do đó, về cơ bản xã đã nhận được sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân trong việc nộp thuế, kịp thời đáp ứng yêu cầu việc chi viện lương thực cho kháng chiến. Bên cạnh đó, công tác vận động thu thuế của địa phương gặp không ít khó khăn, nguyên nhân là vì một số gia đình chưa hiểu hết được ý nghĩa của nghĩa vụ đóng góp thuế nông nghiệp; một phần khác là do năng suất lúa, hoa màu của địa phương còn thấp, trong khi vẫn phải đảm bảo chỉ tiêu giao nộp; ngoài ra còn do việc cán bộ thiếu sâu sát trong công tác đốc thúc thuế, tâm lý nể nang, ngại va chạm... điều này dẫn đến tình trạng có những thiwuf điểm xã không hoàn thành đủ, tình trạng nợ đọng thóc thuế diễn ra.

Từ sau chiến dịch Biên giới Thu - Đông năm 1950, để ngăn chặn sự chi viện của ta cho chiến trường, thực dân Pháp liên tục cho máy bay bắn phá Quốc lộ 3B - con đường giao thông huyết mạch nối khu căn cứ địa Việt Bắc với các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ và Liên khu 4. Máy bay địch đã ném các loại bom hạng nặng xuống các vị trí xung yếu tàn phá nhiều nhà cửa, diện tích canh tác, làm gãy nhiều cầu cống, các đỉnh đèo sụt lở, cây cối xác xơ vì bom đạn. Trước tình hình đó, thực hiện chủ trương của cấp trên, xã tổ chức một đội dân công từ 20-40 người từ 18-40 tuổi, không phân biệt nam nữ, chia thành 2 tiểu đội, cùng với các đội dân công trong toàn huyện, tỉnh triển khai

công tác sửa chữa đường tại công trường hai, góp phần bảo đảm thông suốt toàn tuyến quốc lộ. Cũng trong năm 1950, Huyện đội Ngân Sơn mở lớp huấn luyện du kích tại xã Thượng Quan từ ngày 21/1-22/2/1950 với nội dung vừa nghiên cứu vừa thực hành tác chiến. Thông qua đó, những chiến sĩ dân quân chủ chốt của khu Quang Khai, Thị Xuân được cử tham dự đã nắm vững nội dung yêu cầu, nâng cao hiểu biết về kiến thức quân sự. Cùng với đó, chính quyền xã giao nhiệm vụ cho Ban Chỉ huy quân sự xã theo kế hoạch hằng năm tổ chức tốt việc động viên thanh niên đăng ký tòng quân tham gia bộ đội, phục vụ cho các chiến trường. Tính chung trong 6 tháng đầu năm 1953, xã Thượng Quan, trong đó có cả khu vực Thuận Mang đã tuyển được 18 tân binh¹. Trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ, công tác tuyển quân gặp nhiều khó khăn: thiếu lượng tuyển để đạt đủ chỉ tiêu giao; có tình trạng người đi nhập ngũ nhưng được ít ngày lại tìm cách trốn về. Chính quyền và cán bộ xã sau đó phải xuống từng thôn, vào từng gia đình để vận động, tuy nhiên vẫn không đạt đủ 100% người tái ngũ.

Bên cạnh đó, tình hình an ninh chính trị, trật tự xã hội trên địa bàn các xã của huyện Ngân Sơn trong những năm từ 1951-1953 có nhiều phức tạp. Một số tên phản động lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh bắt đầu móc nối với thổ phỉ để hoạt động nói xấu cán bộ, rải truyền đơn, xuyên tạc chính sách của Nhà nước, kích động một bộ phận người dân

1. Báo cáo tình hình mọi mặt 6 tháng đầu năm 1953 của Huyện ủy Ngân Sơn, Tài liệu tại Phòng Lưu trữ Huyện ủy Ngân Sơn.

thiếu nhận thức dễ gây bất ổn tại địa phương. Đặc biệt, năm 1952, bọn chúng còn lập ra cái gọi là “Liên bang Tày - Nùng”, “Thanh niên chống Cộng”... Trước tình trạng hoạt động của bọn phản động lan rộng ra hầu khắp các xã, Huyện ủy Ngân Sơn đã họp, chỉ đạo lực lượng công an phối hợp với chính quyền các địa phương lên phương án bắt những tên đầu sỏ để trừng trị. Diễn hình như ngày 28/5/1953, tổ chức phản động ở Thuần Mang đã lôi kéo được 52 người đến dự buổi tuyên truyền của chúng, nắm được thông tin, lực lượng an ninh đã tổ chức vây bắt. Kết quả, đã bắt được một số tên cầm đầu như: Bế Đình Mạnh, Đình Thiện Ổn, Bế Đình Thành¹. Nhờ những chỉ đạo kịp thời, công tác an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội của địa phương từng bước đi vào ổn định.

Song song với các kết quả đạt được trên mặt trận kinh tế, an ninh - quốc phòng thì công tác chăm lo cho văn hóa - xã hội, giáo dục được cấp ủy Đảng, chính quyền và các đoàn thể xã quan tâm. Từ năm 1949, đồng chí Ma Văn Tông được phân công làm Trưởng ban Bình dân học vụ đã có nhiều cố gắng trong việc thúc đẩy phong trào của địa phương phát triển. Tuy nhiên, trong bối cảnh cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta vẫn đang diễn ra, kinh tế địa phương còn nhiều khó khăn, do đó, việc khôi phục lại các hoạt động giáo dục còn nhiều hạn chế. Cả xã mở được 3 lớp học bình dân nhưng do thiếu giáo viên, đường xá đi lại khó khăn nên

1. Báo cáo tình hình phản động, 6/1953. Tài liệu tại Phòng Lưu trữ Huyện ủy Ngân Sơn.

số lượng người tham gia ít, lại hay bỏ ngang giữa chừng nên hiệu quả giáo dục đạt được chưa cao. Số người biết chữ trên địa bàn toàn xã mới chỉ đạt trên 60%. Bên cạnh giáo dục, công tác văn hóa thông tin, tuyên truyền xóa bỏ các hủ tục lạc hậu, bài trừ một số tệ nạn xã hội: rượu chè, cờ bạc... được cán bộ xã triển khai tích cực. Chi bộ và chính quyền xã xác định để xóa bỏ được những thói quen, tập tục vốn đã ăn sâu trong nhận thức của đồng bào cần một quá trình lâu dài, từng bước và là nhiệm vụ không hề dễ dàng. Vì vậy, nhiệm vụ trước mắt vẫn là tuyên truyền để mọi người hiểu đúng về chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước.

Từ sau ngày quê hương được giải phóng, công tác phát triển Đảng tiếp tục được đẩy mạnh. Tính chung trong 2 năm (1949-1950), Chi bộ xã Thượng Quan đã tổ chức lễ kết nạp thêm 7 đảng viên mới ở Thuần Mang gồm các đồng chí: Hứa Văn Quế (4/1949), Đinh Thiện Vượng (2/1950), Ma Văn Tông (5/1950), Hà Văn Chư (5/1950), Bế Đình Lọc (6/1950), Hoàng Bế Thái (7/1950), Trung Văn Thái (7/1950). Tuy nhiên, vì nhiều nguyên nhân, từ năm 1951-1953, Thuần Mang không có thêm quần chúng nào được kết nạp vào Đảng.

Cũng trong năm 1953, thực hiện chủ trương của cấp trên, huyện Ngân Sơn trên cơ sở đánh giá tình hình thực tế các địa phương đã tổ chức việc chia tách các xã. Theo đó, đến tháng 12/1953, khu Quang Khải và khu Thị Xuân của xã Thượng Quan chính thức được tách ra để thành lập một xã mới, lấy tên là xã Long Bằng. Theo các cụ cao

niên trong xã, tên gọi Long Bằng được ghép từ tên của đồng chí Dương Văn Long và Đồng Văn Bằng - Cán bộ Việt Minh đã có công trong việc giác ngộ lý tưởng cách mạng cho nhân dân và truyền bá Chủ nghĩa Mác - Lênin về xã thời kỳ trước năm 1945.

Sau khi thành lập, dưới sự chỉ đạo của huyện Ngân Sơn, đồng chí Ma Văn Sách được phân công giữ chức Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính xã. Để công tác điều hành, quản lý của địa phương sớm đi vào ổn định, Mặt trận Tổ quốc, các ban, ngành đoàn thể như: Xã đội, Công an, Mặt trận Tổ quốc, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Nông hội... từng bước được kiện toàn. Tuy nhiên, trong bối cảnh xã mới thành lập, việc tìm và bố trí người có đủ năng lực, trình độ, ý thức đảm nhiệm công việc không phải là nhiệm vụ dễ dàng. Do đó, phần nào ảnh hưởng đến hiệu quả phong trào của địa phương.

Sau khi chính quyền xã được kiện toàn, một nhiệm vụ quan trọng của Long Bằng là cần nhanh chóng thành lập được một tổ chức Đảng. Trên cơ sở chỉ đạo, giúp đỡ của Huyện ủy Ngân Sơn và số lượng đảng viên đã được kết nạp từ trước (sinh hoạt tại Chi bộ xã Thượng Quan), Chi bộ Đảng xã Long Bằng chính thức thành lập với 11 đảng viên. Đồng chí Bàn Dân Hoa được Huyện ủy chỉ định giữ chức Bí thư Chi bộ; đồng chí Trung Văn Thái phân công giữ chức Phó Bí thư Chi bộ. Việc kiện toàn chính quyền và thành lập Chi bộ Đảng xã Long Bằng là yêu cầu cấp bách, đáp ứng nhiệm vụ thực tế của địa phương.

Cùng thời gian này, sau thất bại liên tiếp trên các chiến trường, từ năm 1953, với việc thông qua Kế hoạch Na-va,

thực dân Pháp hy vọng sẽ “chuyển bại thành thắng” trong cuộc chiến tranh với Việt Minh. Đặc biệt, với việc xây dựng Điện Biên Phủ thành “một pháo đài không thể công phá”, Pháp chấp nhận một cuộc quyết chiến chiến lược tại đây và sẵn sàng “nghiên nát” bộ đội chủ lực của ta. Trong tình hình mới, Bộ Chính trị và Bộ Tổng Tư lệnh quyết định mở một loạt chiến dịch tại nhiều vùng để phân tán binh lực của Pháp, không cho chúng co cụm tạo thành một lực lượng cơ động đủ mạnh để xoay chuyển tình thế. Từ đó, từng bước làm phá sản kế hoạch của Na-va. Đặc biệt, trong suốt 56 ngày đêm diễn ra chiến dịch Điện Biên Phủ (từ tháng 3-5/1954) với khẩu hiệu: “Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để đánh thắng”, cùng với quân dân cả nước, nhân dân Thuần Mang tích cực đóng góp sức người sức của chi viện cho tiền tuyến, góp phần vào thắng lợi chung của toàn dân tộc, buộc thực dân Pháp phải đi đến ký kết Hiệp định Giơ-ne-vơ (21/7/1954) về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương.

Nhìn lại chặng đường 9 năm tham gia cuộc kháng chiến trường kỳ chống Pháp (1946-1954), quân và dân Thuần Mang đã vượt qua nhiều khó khăn, gian khổ để đạt những kết quả đáng trân trọng. Từ sau khi giành chính quyền năm 1945 đến tháng 10/1947 là thời kỳ nhân dân Thuần Mang củng cố những thắng lợi đã giành được, chuẩn bị điều kiện để bước vào một cuộc kháng chiến trường kỳ. Từ tháng 10/1948-8/1949, dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy Ngân Sơn, quân dân toàn xã trực tiếp chiến đấu, đối diện với kẻ thù xâm lược, bảo vệ quê

hương. Từ 8/1949-5/1954, cán bộ, lực lượng vũ trang và nhân dân địa phương tham gia khắc phục hậu quả chiến tranh, xây dựng lại thôn bản, nhà cửa, nhanh chóng ổn định cuộc sống, đồng thời làm nghĩa vụ hậu phương đối với tiền tuyến. Qua mỗi thời kỳ, mỗi giai đoạn, mặc dù phải đối mặt với muôn vàn khó khăn, thách thức nhưng với tinh thần đoàn kết, quyết tâm cao, nhân dân Thuận Mang đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ trên các mặt: kinh tế, an ninh - quốc phòng, văn hóa - xã hội và xây dựng tổ chức Đảng, chính quyền, các đoàn thể vững mạnh.

Kinh nghiệm thực tế cùng với những thành tích đã đạt trong 9 năm kháng chiến chống Pháp là cơ sở vững chắc để cán bộ, đảng viên và nhân dân Thuận Mang bước tiếp trong giai đoạn sau: Khôi phục kinh tế - xã hội, xây dựng đời sống mới trên quê hương và tham gia kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược.

Chương III
CHI BỘ VÀ NHÂN DÂN XÃ THUẦN MANG
THAM GIA XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI
Ở MIỀN BẮC; CHI VIỆN SỨC NGƯỜI SỨC
CỦA CHO TIỀN TUYẾN MIỀN NAM
ĐÁNH THẮNG GIẶC MỸ XÂM LƯỢC(1954-1975)

I. KHÔI PHỤC KINH TẾ SAU CHIẾN TRANH,
BƯỚC ĐẦU XÂY DỰNG QUAN HỆ SẢN XUẤT MỚI
XÃ HỘI CHỦ NGHĨA (1954-1965)

1. Khôi phục kinh tế sau chiến tranh, xác lập quan hệ sản xuất mới, trọng tâm là xây dựng hợp tác hóa nông nghiệp

Thắng lợi trong chiến dịch Điện Biên Phủ lịch sử (1954) của quân và dân Việt Nam đã đánh bại hoàn toàn ý chí xâm lược của thực dân Pháp. Hiệp định Giơnevơ về việc lập lại hòa bình ở Đông Dương được ký kết (21/07/1954), đất nước ta tạm thời chia làm hai miền. Căn cứ vào tình hình thực tế, tháng 9/1954, Bộ Chính trị ra Nghị quyết về “Tình hình mới, nhiệm vụ mới và chính sách mới của Đảng”. Trong đó, Trung ương xác định nhiệm vụ trước mắt của miền Bắc là thực hiện hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục nền kinh tế; ở miền Nam,

chúng ta tiếp tục đấu tranh hòa bình, đòi đế quốc Mỹ và lực lượng tay sai thì hành đúng Hiệp định Giơnevơ, tiến tới hiệp thương bầu cử, thống nhất đất nước.

Hòa bình lập lại ở miền Bắc, giống như nhiều địa phương khác, nhân dân xã cũng đứng trước nhiều khó khăn: chiến tranh làm cho kinh tế địa phương bị ngưng trệ, cơ sở vật chất còn thiếu thốn nhiều, việc đầu tư cho sản xuất còn ít, trình độ canh tác của nông dân còn lạc hậu; tình trạng ruộng đất bị bỏ hoang, thiếu sức kéo, thiếu công cụ lao động và sức sản xuất diễn ra phổ biến; năng lực điều hành quản lý của tổ chức Đảng, chính quyền và các đoàn thể địa phương có mặt còn hạn chế, chưa đáp ứng nhiệm vụ trong tình hình mới.... Đây là những vấn đề phức tạp đặt ra trước mắt cho cán bộ, đảng viên và nhân dân xã.

Trên cơ sở chủ trương của Trung ương và Tỉnh ủy Bắc Kạn, từ cuối năm 1954, Huyện ủy Ngân Sơn thông qua kế hoạch khôi phục, phát triển kinh tế xuống các địa phương trong 3 năm (1954-1957), trọng tâm là sản xuất lương thực, thực phẩm. Chính quyền xã đã vận động nhân dân tích cực khai hoang, phục hóa; hưởng ứng phong trào thi đua, thực hành tiết kiệm, không để nạn đói diễn ra. Tuy nhiên, trong hoàn cảnh thiếu giống, thiếu nông cụ và sức kéo trầm trọng, tình hình thời tiết lại không thuận lợi đã ảnh hưởng không nhỏ đến thu hoạch của địa phương. Đặc biệt, trong năm 1955, do tình trạng hạn hán kéo dài đã khiến cho toàn xã Long Bằng mất 200 bung diện tích ruộng không có nước để cấy. Trước tình hình đó, Chi bộ

và chính quyền xã đã họp bàn tìm biện pháp, một mặt lên kế hoạch chống hạn, mặt khác vận động chuyển hướng (trồng hết diện tích không đủ nước cấy) sang trồng một số cây trồng khác như: ngô, khoai lang, đỗ xanh... Mặc dù Chi bộ, chính quyền và nhân dân đã có nhiều cố gắng hạn chế khó khăn nội tại và diễn biến xấu của thời tiết nhưng do sản lượng thu hoạch sụt giảm nên nạn đói xảy ra ở nhiều hộ gia đình. Những tháng cuối năm 1955, tình hình ngày một nghiêm trọng hơn, 7 xã gồm: Long Bằng, Thượng Quan, Chí Kiên, Công Bằng, Lê Lợi, Thanh Tâm, Bằng Khẩu với 17 thôn có 24 gia đình với 101 nhân khẩu bị đói¹. Để chống đói, nhiều hộ gia đình phải vào rừng để kiếm củ mài, củ sắn ăn thay cơm.

Nhằm khắc phục tình hình trên, một mặt xã thành lập Ban Cứu đói, tiến hành điều tra, lập danh sách những hộ bị đói để đề nghị huyện hỗ trợ gạo, mặt khác tích cực tuyên truyền, vận động nhân dân tương trợ lẫn nhau theo tinh thần “Lá lành đùm lá rách”, thực hành tiết kiệm, đồng thời lên kế hoạch sản xuất cho năm sau. Đối với trồng lúa, xã tập trung cấy đủ 1.212 bung diện tích lúa mùa, chú trọng đến khâu nước, giống. Bên cạnh các giống lúa cũ, xã cũng bắt đầu đưa vào trồng giống Nam Ninh và lúa mỳ. Ngoài ra, để đảm bảo nguồn lương thực, nhân dân cũng được khuyến khích trồng thêm các loại cây màu như: ngô, khoai lang, sắn, đậu tương... Nhờ những cố gắng đó nên dù thời tiết diễn biến phức tạp, giống, vật tư,

1. Trích Báo cáo số 27-BC/NS về tình hình 3 tháng thứ III (7,8,9) năm 1955 của huyện, Lưu tại Phòng Lưu trữ Huyện ủy Ngân Sơn.

phương tiện thiếu thốn nhưng tổng sản lượng lương thực thu hoạch của xã Long Bằng trong hai năm 1956-1957 đã tăng, đáp ứng phần nào nhu cầu của nhân dân. Bình quân năm 1957, các loại hoa màu tăng 5% so với năm 1955 cả về diện tích và sản lượng.

Bên cạnh nhiệm vụ khôi phục và phát triển sản xuất nông nghiệp, Chi bộ và chính quyền xã còn quan tâm đến vấn đề văn hóa - xã hội, trọng tâm là đẩy mạnh hoạt động giáo dục, y tế. Thời gian này, Chi bộ lãnh đạo chính quyền, các đoàn thể tập trung khôi phục lại phong trào học tập, nhất là phong trào Bình dân học vụ. Chính quyền xã vận động nhân dân đóng góp tre, nứa dựng được 2 lớp học ở 2 khu Quang Khải và Thị Xuân. Thời điểm cuối năm 1954 đầu năm 1955, phong trào diễn ra khá sôi nổi khi nhận được sự tham gia nhiệt tình của giáo viên và đông đảo nhân dân. Tuy nhiên, từ giữa năm 1955, hoạt động của các lớp học gần như ngưng trệ. Nguyên nhân một phần là do ban ngày mưa nhiều, phần khác là do nạn đói đã ảnh hưởng không nhỏ đến việc học tập: người đến học không thường xuyên, giáo viên cũng bận đi làm việc nhà, vì vậy, không duy trì được phong trào¹.

Trong khi đó, hoạt động y tế gặp nhiều khó khăn. Thời điểm này, xã chưa có điều kiện để lập trạm y tế, cán bộ phụ trách chăm sóc sức khỏe cho nhân dân cũng thiếu. Vì vậy, mỗi khi ốm đau, người dân phần lớn vẫn phải

1. Trích theo *Báo cáo số 16-BC/NS về tình hình mọi mặt trong 5 tháng (1-5) năm 1955 của huyện Ngân Sơn*, Lưu tại Phòng Lưu trữ Huyện ủy Ngân Sơn.

dựa vào kinh nghiệm dân gian. Chi bộ và chính quyền xã cũng phân công cán bộ đi xuống từng thôn, bản để tuyên truyền cho nhân dân về kiến thức y tế, cách phòng tránh một số dịch bệnh (tiêu chảy, đau mắt hột...). Tình trạng người dân uống nước lã, nước suối vẫn diễn ra phổ biến. Bên cạnh đó, nhân dân địa phương vẫn còn giữ nhiều thói quen, tập tục sinh hoạt lạc hậu, nhất là nạn cờ bạc, rượu chè, nghiện hút vẫn diễn ra. Một phần là do xã nằm trên con đường buôn bán thuốc phiện từ Nguyên Bình (Cao Bằng) qua Bằng Khẩu, Thượng Quan, Long Bằng sang các xã thuộc huyện Na Rì.

Cùng với nhiệm vụ phát triển sản xuất, ổn định đời sống nhân dân, trong quá trình thực hiện kế hoạch 3 năm khôi phục kinh tế - xã hội (1954-1957), giống như nhiều địa phương khác trên địa bàn huyện Ngân Sơn, xã Long Bằng đã triển khai đợt phát động giảm tô và truy tìm phản động (từ năm 1954-1955). Thực tế địa phương không có địa chủ cường hào gian ác, không có thành phần bóc lột, nợ máu với nhân dân, tuy nhiên do những sai lầm tả khuynh (quy thành phần theo tỷ lệ %, không dựa vào tổ chức Đảng và chính quyền địa phương...): tình trạng mất đoàn kết, bất mãn trong nội bộ địa phương; một số cán bộ đương chức hoang mang, lo sợ, không muốn hoạt động; Tổ chức Đảng và chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể vốn có nhiều khó khăn (do thiếu cán bộ và năng lực cán bộ còn hạn chế) thì nay hoạt động ngày càng kém hiệu quả.

Những sai lầm trong thực hiện giảm tô và truy tìm phản động không chỉ diễn ra tại Long Bằng mà cũng là tình trạng chung của nhiều địa phương khác. Khi phát hiện sai lầm, tại Hội nghị Trung ương lần thứ 10 (10/1956), Chính phủ đã ban hành Nghị quyết (ngày 15/10/1956) “Mấy chính sách cụ thể để sửa chữa sai lầm về cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức”. Tiếp đó, đến tháng 11/1956, Trung ương tiếp tục ra chỉ thị cho các địa phương: “*Phải coi trọng công tác sửa chữa sai lầm về cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức là một công tác trung tâm, đột xuất trong thời gian trước mắt*”¹. Thực hiện chỉ đạo của Trung ương và tỉnh Bắc Kạn, sau khi tập huấn cho đoàn cán bộ huyện, Huyện ủy dự định tổ chức lớp tập huấn cho cán bộ, đảng viên các xã từ ngày 29/11-1/12/1956. Tuy nhiên, do tình hình ở xã Long Bằng nói riêng và các xã trên địa bàn huyện Ngân Sơn nói chung có nhiều phức tạp nên không tổ chức được. Huyện phải cử cán bộ xuống giải thích kết hợp với một số cán bộ, đảng viên tích cực trong xã đi vận động, giải thích cho từng người, từng gia đình về ý nghĩa của đợt học tập. Vì vậy, đến cuối tháng 12/1956, nhiệm vụ học tập trong Đảng mới cơ bản hoàn thành. Trên cơ sở đó, quá trình Đoàn cán bộ huyện thực hiện công tác sửa sai tại xã từng bước được triển khai thuận lợi. Những người bị quy sai thành phần, những đảng viên bị nghi là thành phần phản động đều được bình xét, minh oan, trả lại danh dự. Qua đó, từng bước lấy lại lòng tin của cán

1. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Ngân Sơn, *Lịch sử Đảng bộ huyện Ngân Sơn, tập I (1954-1975)*, 2002, tr. 19.

bộ và nhân dân đối với Đảng. Đến ngày 30/10/1957, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Ngân Sơn họp Hội nghị tổng kết, khẳng định công tác sửa sai trên toàn huyện đã cơ bản hoàn thành¹.

Nhìn chung, 3 năm sau ngày thành lập xã cũng là 3 năm cán bộ, nhân dân các dân tộc xã Long Bằng thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Một số mặt đạt được bước đầu, tuy nhiên khó khăn vẫn là rất lớn: sản xuất phục hồi nhưng vẫn phụ thuộc hoàn toàn vào tự nhiên, kỹ thuật và phương tiện canh tác còn lạc hậu; cơ sở vật chất phục vụ nhu cầu phát triển thiếu thốn rất nhiều, nhất là giao thông đi lại; trình độ nhận thức của nhân dân và năng lực lãnh đạo, quản lý của Chi bộ, chính quyền xã còn hạn chế, đặc biệt là những sai lầm trong đợt phát động giảm tô vẫn ít nhiều ảnh hưởng đến tư tưởng cán bộ địa phương. Từ năm 1955-1957, có những thời điểm Chi bộ mấy tháng không tổ chức được sinh hoạt; các đoàn thể không hoạt động được do thiếu người; công văn của huyện gửi xuống không có người triển khai, phổ biến cho tập thể, dẫn đến phong trào địa phương sụt giảm, kém hiệu quả.

Bước sang năm 1958, theo tinh thần chỉ đạo của Trung ương và Chính phủ, miền Bắc bước vào thực hiện kế hoạch 3 năm (1958-1960) cải tạo xã hội chủ nghĩa, bước đầu phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội.

Đối với kinh tế, trong thời gian này nhiều địa phương ở miền Bắc thực hiện nhiệm vụ khôi phục kinh tế sản xuất

1. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Ngân Sơn, *Lịch sử Đảng bộ huyện Ngân Sơn, tập I (1954-1975)*, 2002, tr. 24.

sau chiến tranh, mặc dù Đảng ta chưa thông qua các quyết định về cải tạo xã hội chủ nghĩa, xây dựng hợp tác hóa nông nghiệp, nhưng đã phát động phong trào làm tổ đổi công ở nhiều địa phương, đó là những bước đi đầu tiên để người dân quen với cung cách làm ăn tập thể, trên cơ sở đó dần định hình quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa. Ở Ngân Sơn, từ năm 1952-1953, huyện đã phát động các địa phương tổ chức việc xây dựng tổ đổi công với mục đích giúp đỡ nhau trong lao động sản xuất. Qua thực tiễn triển khai, toàn huyện có tổ đổi công ở Nà Dầy (xã Long Bằng) và Nà Mòn (xã Thượng Quan) là hoạt động tương đối hiệu quả¹. Tuy nhiên, các tổ đổi công khác ở nhiều thôn, bản trong xã hoạt động vẫn chưa đồng bộ, thiếu nhất quán và chưa tạo thành phong trào sâu rộng trong nhân dân.

Giữa năm 1958, xã Long Bằng tổ chức Đại hội Chi bộ. Đại hội kiểm điểm công tác lãnh đạo của Chi ủy, ghi nhận những kết quả đạt được, đồng thời nghiêm khắc chỉ ra những hạn chế, thiếu sót còn tồn tại. Trên cơ sở đó, Đại hội thông qua phương hướng, nhiệm vụ cho nhiệm kỳ 1958-1959, trong đó xác định yêu cầu đẩy mạnh việc củng cố và phát triển tổ đổi công là nhiệm vụ quan trọng để thúc đẩy kinh tế địa phương phát triển. Đại hội bầu Chi ủy nhiệm kỳ mới, trong đó đồng chí Đinh Thiện Việt được bầu giữ chức Bí thư Chi bộ kiêm Chủ tịch Ủy ban hành chính²; đồng chí Đinh Thiện Côn làm Phó Bí thư

1. Trích Báo cáo số 16-BC/NS về tình hình mọi mặt trong 5 tháng (1-5) năm 1955 của huyện Ngân Sơn, Lưu tại Phòng Lưu trữ Huyện ủy Ngân Sơn

2. Sau năm 1954, Ủy ban kháng chiến hành chính đổi gọi là Ủy ban hành chính.

Chi bộ. Tính đến cuối năm 1958, trên cơ sở vừa củng cố lại, vừa lập mới, toàn xã Long Bằng đã có tổ đổi công ở các thôn, bản: Nà Mu, Bản Bằng, Bản Giang, Nà Chúa, Bản Nìm, Khuổi Chắp, Lũng Miêng, Nà Dầy, Đông Tạo, Thôm Tà. Trung bình mỗi tổ có từ 5-10 gia đình.

Giữa tháng 11/1958, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá II) họp Hội nghị lần thứ 14. Tại đây, Hội nghị đã thảo luận và thông qua Báo cáo về nhiệm vụ kế hoạch 3 năm (1958-1960) phát triển và cải tạo kinh tế quốc dân. Đến tháng 4/1959, Hội nghị Trung ương lần thứ 16 (mở rộng) tiếp tục khẳng định tinh thần: “Phong trào hợp tác hoá nông nghiệp đã trở thành một phong trào quần chúng. Điều đó biểu hiện xu thế xã hội chủ nghĩa rõ rệt ở nông thôn miền Bắc” và “Hợp tác hoá nông nghiệp là cái khâu chính trong toàn bộ sợi dây chuyền cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc nước ta, đồng thời góp phần quan trọng đẩy mạnh cuộc đấu tranh thực hiện thống nhất Tổ quốc”. Quán triệt chủ trương của Trung ương, trong hai năm 1959-1960, huyện Ngân Sơn chỉ đạo các địa phương đẩy nhanh quá trình xây dựng mô hình hợp tác xã nông nghiệp.

Để xây dựng được hợp tác xã nông nghiệp, một mặt Chi bộ phân công cán bộ đi dự các lớp tập huấn kinh nghiệm, mặt khác lãnh đạo chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể tổ chức các buổi gặp mặt để tuyên truyền, động viên, giải thích cho quần chúng hiểu về chủ trương của Đảng. Vì vậy, đến cuối năm 1959, xã quyết định thành lập Hợp tác xã Tiên Phong (gồm địa bàn 3 thôn: Bản Giang,

Bản Bàng và Nà Mu) do đồng chí Đinh Thiện Ư làm Chủ nhiệm. Trên cơ sở đó, năm 1960, xã Long Bàng tiếp tục thành lập thêm Hợp tác xã Thị Xuân (gồm địa bàn 4 thôn: Thôm Tà, Nà Dầy, Đông Tạo và Lũng Miêng) do đồng chí Hoàng Văn Sán làm Chủ nhiệm.

Việc thành lập được Hợp tác xã Tiên Phong và Thị Xuân được coi là thành công lớn của Chi bộ và chính quyền xã Long Bàng. Bởi xây dựng quan hệ sản xuất tập thể thông qua mô hình hợp tác xã được coi là vấn đề khó khăn, phức tạp, nhất là trong công tác đấu tranh tư tưởng. Người nông dân xưa vốn quen với phương thức canh tác cá thể, tự do; ruộng đất với họ vốn được coi là “máu thịt”, nay đem ra đóng góp là sản phẩm chung của tập thể, vì vậy, tâm lý e dè là khó tránh khỏi. Thậm chí, trong nội bộ đảng viên cũng có nhiều ý kiến trái chiều. Đó không chỉ là vấn đề riêng xã Long Bàng gặp phải mà cũng là khó khăn chung của nhiều địa phương phải đối diện. Tuy nhiên, với quyết tâm và sự lãnh đạo sát sao của Huyện ủy Ngân Sơn; tinh thần tiên phong, gương mẫu của đảng viên và vai trò của người đứng đầu địa phương, xã Long Bàng đã thành công trong việc vận động nhân dân đóng góp tài sản, cùng chung tay góp sức xây dựng hợp tác xã.

Hợp tác xã nông nghiệp sau khi thành lập đã tập trung chỉ đạo xã viên áp dụng thêm một số biện pháp kỹ thuật trong gieo trồng, chăm bón mới: cấy dày theo tỷ lệ 20x20cm, mỗi hécta bón bình quân 300 gánh phân/vụ. Bên cạnh đó, Chi bộ, chính quyền xã đã chỉ đạo các hợp tác xã hoàn thành phần lớn cải tạo lại các công trình

mương phai dẫn nước vào ruộng. Hợp tác xã chú trọng đưa giống lúa mới vào gieo cấy, trong đó ưu tiên tăng diện tích lúa Nam Ninh. Nhờ thực hiện đúng các khâu sản xuất nên năm 1959, xã Long Bằng được mùa. Nếu như 2 năm 1957-1958, năng suất lúa do các hộ cá thể phụ trách đạt bình quân 142 kg/bung thì năm 1959 năng suất lúa do hợp tác xã quản lý đạt 190 kg/bung. Hợp tác xã chia công lao động cao nhất là 15 kg/công, trung bình được 8 kg/công. Xã viên vô cùng phấn khởi.

Ngoài việc vận động người dân tham gia và đóng góp tài sản vào hợp tác xã thì theo chủ trương của Đảng, Nhà nước, để người dân yên tâm sản xuất, chính quyền xã vẫn dành ra một diện tích đất 5% cho xã viên¹. Những kết quả đạt được trong sản xuất nông nghiệp đã bước đầu chứng minh chủ trương xây dựng hợp tác xã nông nghiệp và phương thức làm ăn tập thể của Đảng là phù hợp với bối cảnh lúc bấy giờ. Qua đó, giúp thu hút được ngày càng đông số người làm đơn đăng ký xin tham gia hợp tác xã, đạt tỷ lệ 68% (năm 1960).

Gắn liền với công cuộc cải tạo quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa, nhiệm vụ phát triển văn hóa - xã hội, củng cố quốc phòng - an ninh, công tác xây dựng Đảng, chính quyền và các đoàn thể cũng được Chi bộ Đảng quan tâm.

Về giáo dục, năm 1960, xã mở được 2 lớp học phổ thông với tổng số 58 học sinh. Ngoài ra, các lớp bình dân học vụ và bổ túc văn hóa tiếp tục được duy trì nhưng gặp

1. Đất 5% được các hộ gia đình chủ yếu trồng rau xanh và lúa để tăng thêm thu nhập, giảm bớt khó khăn trong gia đình.

nhiều khó khăn. Một phần do thiếu giáo viên dạy, cơ sở vật chất phục vụ việc học không đảm bảo; thêm nữa là do ý thức tham gia của người học. Nhiều đồng bào suy nghĩ việc học chữ Quốc ngữ không có lợi gì cho bản thân, trong khi vẫn phải đi nương, làm rẫy nên thường bỏ dở giữa chừng. Cán bộ đến vận động họ cũng không muốn quay lại. Trong khi đó, cán bộ Ban Y tế xã đã có nhiều cố gắng, dù số lượng cán bộ, nhân viên ít, điều kiện đi lại khó khăn, phương tiện thăm khám chữa bệnh thiếu thốn nhưng anh chị em vẫn luân phiên xuống từng thôn, bản để tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện vệ sinh phòng bệnh.

Nhiệm vụ xây dựng, huấn luyện dân quân du kích, giữ gìn trật tự trị an được Chi bộ, chính quyền xã quan tâm, chỉ đạo chặt chẽ. Đến năm 1960, xã Long Bằng đã thành lập được một trung đội dân quân du kích. Mọi công tác liên quan đến hoạt động quân sự đặt dưới sự chỉ đạo của đồng chí Chu Văn Tài. Gắn liền với công tác quân sự, Ban Công an xã do đồng chí Hứa Văn Quế - Phó Chủ tịch, Trưởng Công an hoạt động tích cực. Thời gian này, lực lượng dân quân du kích và công an viên xã thường xuyên tổ chức tuần tra địa bàn; phối hợp và hỗ trợ Công an huyện Ngân Sơn tổ chức bắt giữ các nhóm buôn bán, hút thuốc phiện, phá một số ổ đánh bạc, trộm cắp, góp phần giữ gìn cuộc sống bình yên cho nhân dân.

Chi bộ Đảng xã Long Bằng qua cuộc cải tạo quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa có bước trưởng thành. Số lượng đảng viên tăng từ 11 đồng chí thời điểm Chi bộ

mới thành lập lên 16 đồng chí năm 1960¹. Tất cả các đảng viên trong Chi bộ đều qua hai đợt chỉnh huấn chính trị, học tập và kiểm điểm theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 14 (1958) và lần thứ 15 (1959). Mỗi đảng viên đều tự phê bình về những nhận thức sai lệch trước đây và quyết tâm thực hiện đường lối của Trung ương về cải tạo xã hội chủ nghĩa. Qua đó, cán bộ, đảng viên nâng cao một bước ý thức giác ngộ chủ nghĩa xã hội, nhận thức về những nhiệm vụ cơ bản của miền Bắc trong thời kỳ quá độ. Cuộc chỉnh huấn là cơ sở để đầu năm 1960 Chi bộ xã củng cố và kiện toàn thông qua Đại hội Chi bộ nhiệm kỳ 1960-1961.

Đại hội đã kiểm điểm công tác lãnh đạo của Chi ủy, trên cơ sở đó tiếp tục đề ra phương hướng, nhiệm vụ và mục tiêu cho nhiệm kỳ mới. Theo đó, Đại hội đánh giá cao những kết quả mà địa phương đạt được trên lĩnh vực kinh tế với thành công là xây dựng 2 hợp tác xã nông nghiệp (Tiền Phong, Thị Xuân), bước đầu đưa người nông dân làm quen với phương thức làm ăn tập thể. Cán bộ phụ trách văn hóa - xã hội, an ninh - quốc phòng nỗ lực vượt qua khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ. Trong khi đó, công tác xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể không ngừng được củng cố, kiện toàn, đi vào hoạt động

1. Từ năm 1954-1960, Chi bộ Đảng xã Long Bằng phát triển thêm được 4 đảng viên mới, trong đó đồng chí Ma Văn Sách kết nạp tháng 9/1954; ba đồng chí: Đào Văn Deng, Bế Đình Thụ và Ma Đình Thắng được kết nạp tháng 2/1960. Ngoài ra, đồng chí Ngô Đình Ngụ được kết nạp Đảng năm 1955 trong quân đội, sau khi phục viên trở về địa phương đồng chí tiếp tục công tác, đóng góp cho quê hương.

có nền nếp. Tại Đại hội, đồng chí Hoàng Bế Thại được bầu giữ chức Bí thư Chi bộ; đồng chí Ngô Đình Ngụ giữ chức vụ Phó Bí thư Chi bộ; đồng chí Đinh Thiện Việt là Chi ủy viên, Chủ tịch Ủy ban hành chính xã.

Qua 7 năm (1954-1960) tiến hành khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh, thực hiện cải tạo xã hội chủ nghĩa, Chi bộ Đảng và nhân dân Long Bằng đã giành được những kết quả quan trọng. Đặc biệt, là thắng lợi bước đầu trong công cuộc xác lập quan hệ sản xuất tập thể thông qua mô hình hợp tác xã. Đó là tiền đề quan trọng để chi bộ, chính quyền và nhân dân xã Long Bằng tiến lên thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961-1965).

2. Chi bộ Đảng lãnh đạo chính quyền và nhân dân thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961-1965)

Tháng 9 năm 1960, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng được tổ chức tại Thủ đô Hà Nội. Đại hội tổng kết, đánh giá thắng lợi của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, xác định 2 nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới là: “Xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam, tiến tới thống nhất nước nhà”. Đối với miền Bắc, Đại hội đề ra kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm lần thứ nhất (1961-1965), trong đó nhấn mạnh nhiệm vụ: “Phấn đấu xây dựng bước đầu cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, thực hiện một bước công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa và hoàn thành

công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, đưa miền Bắc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội”¹.

Quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Ngân Sơn lần thứ IV (4-1961), giữa năm 1961, Chi bộ xã Long Bằng tổ chức Đại hội nhiệm kỳ 1961-1962 xác định phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu cho nhiệm kỳ tới. Đại hội nhấn mạnh yêu cầu: Củng cố, mở rộng và lập mới thêm hợp tác xã; tập trung phát triển kinh tế, đặc biệt là kinh tế nông nghiệp; bên cạnh đó tiếp tục xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh để thúc đẩy phong trào địa phương phát triển. Đại hội bầu Chi ủy, trong đó đồng chí Hoàng Bế Thại - Bí thư Chi bộ; đồng chí Ngô Đình Ngu - Phó Bí thư Chi bộ; đồng chí Đinh Thiện Việt - Chi ủy viên, Chủ tịch Ủy ban hành chính xã.

Bước vào thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1965), trong năm đầu tiên xã Long Bằng gặp phải không ít khó khăn do thiên tai; cơ sở vật chất của các hợp tác xã còn nghèo nàn; đời sống của đại bộ phận người dân còn nhiều khó khăn, một số xã viên vẫn giữ tư tưởng làm ăn riêng, muốn xin ra ngoài hợp tác xã; ý thức làm chủ tập thể xã viên nhìn chung còn thấp. Để khắc phục tình trạng đó, Chi bộ xã đã tăng cường lãnh đạo, ổn định tư tưởng quần chúng, phát động phong trào thi đua lao động sản xuất, tích cực thâm canh, tăng năng suất cây trồng, nhất là năng suất lúa. Mở đầu là phát động hợp tác xã và xã viên hưởng ứng chiến dịch “Vượt gió Đại Phong - Đông Xuân

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam: *Văn kiện Đại hội III, tập I*, Hà Nội, 1960, tr 11.

quyết thắng” do huyện Ngân Sơn phát động bắt đầu từ ngày 8/11/1961. Trong những ngày đầu chiến dịch, toàn xã thu hút được khoảng 292 người tham gia.

Để tăng năng suất, hiệu quả cây trồng, được sự hỗ trợ và chỉ đạo sát sao của huyện, từ vụ chiêm xuân năm 1962, xã Long Bằng thực hiện nhiều biện pháp: Chi bộ lãnh đạo chính quyền, hợp tác xã cải tạo, nâng cấp hệ thống kênh mương dẫn nước; cải tiến kỹ thuật canh tác bằng việc thay thế và đưa vào sử dụng một số công cụ mới phục vụ sản xuất như dùng cày 51, xe bò, xe cút kít; phát động phong trào làm phân bón thông qua việc tận dụng nguồn chất thải trong chăn nuôi. Bình quân mỗi 1 bung, xã viên Hợp tác xã Tiên Phong và Thị Xuân thực hiện bón 8,7 gánh, cao hơn trung bình của huyện 3,5 gánh/bung¹. Đặc biệt, để đạt mục tiêu tăng năng suất cây trồng thì việc thay thế các giống mới được coi là khâu quan trọng. Thời gian này, các hợp tác xã đưa vào trồng nhiều hơn giống lúa Nam Ninh, Bạch Mao và Chiêm Đồi. Xã viên áp dụng kỹ thuật cấy dày theo tỷ lệ khoảng cách mạ là 20x20cm, mỗi khóm chỉ cấy 2-3 nhánh.

Với sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của Chi bộ, chính quyền xã cùng với quá trình triển khai nghiêm túc của hợp tác xã và xã viên, chiến dịch “Đông Xuân quyết thắng” ở xã Long Bằng đã đạt được thắng lợi: hoàn thành cấy lúa chiêm xuân được 211 bung; lúa mùa được 1.290 bung; lúa

1. Trích *Báo cáo tổng kết phong trào kỹ thuật sản xuất Đông Xuân 1961-1962 của huyện Ngân Sơn*, tr.6, Lưu tại Phòng Lưu trữ Huyện ủy Ngân Sơn.

rẫy được xấp xỉ 2.000 bung. Năng suất lúa chiêm xuân bình quân mỗi bung đạt 219kg (thóc khô); lúa mùa do bị sâu bệnh nên thấp hơn, đạt 150 kg/bung. Ngoài trồng lúa, xã cũng tận dụng diện tích đất đồi để trồng thêm vụ màu, trong đó chủ yếu là trồng ngô, sắn, khoai lang, đậu tương để tăng thêm nguồn lương thực dự trữ.

Phấn khởi trước những kết quả đạt được, cuối năm 1962, Chi bộ xã Long Bằng tổ chức Đại hội Chi bộ nhiệm kỳ 1962-1963 nhằm kiểm điểm công tác lãnh đạo của Chi ủy trong nhiệm kỳ trước, từ đó đề ra phương hướng, nhiệm vụ cho những năm tới. Trong đó nhấn mạnh yêu cầu tiếp tục đi vào củng cố và vận động thành lập thêm hợp tác xã mới; coi trọng phát triển sản xuất lấy cây lúa làm cây trồng chủ lực; bên cạnh đó kiện toàn, nâng cao hiệu quả lãnh đạo, quản lý của bộ máy hành chính địa phương. Tại Đại hội đã bầu Chi ủy nhiệm kỳ 1962-1963, đồng chí Hoàng Bế Thại được bầu giữ chức Bí thư Chi bộ; đồng chí Đinh Thiện Côn làm Phó Bí thư; đồng chí Hứa Văn Quế - Chi ủy viên, Chủ tịch Ủy ban hành chính xã.

Năm 1963 Chi bộ tổ chức thành công Đại hội nhiệm kỳ 1963-1964. Đại hội bầu đồng chí Hoàng Bế Thại giữ chức vụ Bí thư Chi bộ; đồng chí Đinh Thiện Côn giữ chức Phó Bí thư Chi bộ và đồng chí Bế Đình Nguậy là Chi ủy viên, Chủ tịch Ủy ban hành chính xã.

Chấp hành Nghị quyết đề ra tại Đại hội Chi bộ xã, đặc biệt là chủ trương của Huyện ủy Ngân Sơn tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ V (1963-1965) về việc định hướng phát triển thêm hợp tác xã ở những xóm

tập trung đông dân cư, đồng thời tiếp tục củng cố số hợp tác xã đã có để chuyển lên bậc cao, trong năm 1963, Chi bộ và chính quyền xã Long Bằng đã vận động được nhân dân ở bản Nà Chúa thành lập hợp tác xã mới, phân công ông Đặng Nhân Hoàng giữ chức Chủ nhiệm; đồng thời chuyển mô hình hợp tác xã Tiên Phong và Thị Xuân từ bậc thấp lên bậc cao¹. Trong quá trình thực hiện cuộc vận động, cán bộ, xã viên hợp tác xã đều được học tập mục đích, yêu cầu, nội dung của từng đợt công tác cải tiến quản lý hợp tác xã. Thông qua việc học tập, quán triệt nghị quyết, đa số cán bộ, xã viên đều có chuyển biến tốt về tư tưởng và hành động, tinh thần làm chủ trong các hợp tác xã được nâng lên. Sau khi học tập, các hợp tác xã triển khai công tác “3 quản, 3 khoán”.

Bên cạnh những kết quả đạt được, trong quá trình triển khai ở địa phương vẫn còn tồn tại tình trạng một số xã viên tỏ ra chây ì không chịu đi làm việc của hợp tác xã hoặc bỏ ra làm riêng; có người xuất hiện ý tưởng xin ra

1. Hợp tác xã sản xuất nông nghiệp là hình thức tổ chức thích hợp nhất đưa nông thôn từ sản xuất cá thể đi vào con đường sản xuất tập thể xã hội chủ nghĩa. Hợp tác xã sản xuất nông nghiệp có 2 hình thức: hợp tác xã sản xuất nông nghiệp bậc thấp và hợp tác xã sản xuất nông nghiệp bậc cao. Hợp tác xã sản xuất nông nghiệp bậc thấp là hình thức quá độ chuyển lên hợp tác xã sản xuất nông nghiệp bậc cao. Trong đó, sự khác nhau cơ bản giữa 2 hình thức này là:

+ Trong hợp tác xã sản xuất nông nghiệp bậc thấp, xã viên vẫn có quyền sở hữu về tư liệu sản xuất (ruộng đất, trâu bò, nông cụ...) và được hưởng một phần hoa lợi về những thứ đóng góp cho tập thể.

+ Trong hợp tác xã sản xuất nông nghiệp bậc cao, những tư liệu sản xuất chủ yếu đã chuyển thành của tập thể.

khỏi hợp tác xã, gây tâm lý bất ổn trong một bộ phận xã viên... Nhìn chung, phong trào hợp tác hóa ở Long Bằng đạt được nhiều kết quả nhưng chưa thật vững chắc. Thêm vào đó, tình hình sản xuất năm 1963 gặp nhiều khó khăn về thời tiết. Mặc dù toàn xã đã cấy được 1.302 bung lúa mùa, tuy nhiên do hạn hán kéo dài, trong khi hệ thống thủy lợi chưa hoàn thiện nên có đến hơn 50% diện tích lúa bị thiếu nước, nhất là ở những chân ruộng bậc cao, vì vậy đã ảnh hưởng không nhỏ đến sản lượng thu hoạch (chỉ đạt 143,2 tấn/vụ mùa bằng 72% kế hoạch). Rút kinh nghiệm sản xuất năm 1963, Chi bộ và chính quyền chỉ đạo các hợp tác xã chú trọng công tác thủy lợi, đảm bảo việc cung cấp nước cho diện tích lúa. Song song với đó, tiếp tục nâng dần diện tích cấy lúa vụ chiêm; phát triển trồng cây màu (ngô, sắn, khoai lang, đậu tương) và một số cây công nghiệp khác như: lạc, mía, bông...

Công tác chăn nuôi trong những năm 1961-1964 được Chi bộ, chính quyền quan tâm, chú ý phát triển. Hầu hết các thôn, bản đều có nội quy chăn nuôi. Trong bối cảnh cơ sở vật chất kỹ thuật của xã còn nhiều khó khăn, trình độ quản lý của cán bộ còn nhiều hạn chế nên mặc dù Chi bộ có chủ trương lập trại chăn nuôi tập thể nhưng địa phương vẫn chưa thực hiện được. Do nguồn thức ăn cho chăn nuôi phụ thuộc rất lớn vào kết quả sản xuất nông nghiệp, kỹ thuật chăm sóc và yếu tố thời tiết nên số lượng cũng có sự tăng giảm qua từng năm. Nếu năm 1961, toàn xã có 521 con trâu thì đến năm 1963 giảm xuống còn 472 con và đến năm 1964 tăng lên là 579 con; đàn bò duy trì ở mức 15-20

con; đàn lợn từ 423 con lên 591 con. Bên cạnh đó, từ năm 1964, Chi bộ giao cho 3 hợp tác xã Tiên Phong, Thị Xuân và Nà Chúa nghiên cứu, tìm và cải tạo một số diện tích ao, suối để tận dụng nuôi thả cả nhằm tăng thêm nguồn thu cho hợp tác xã, đồng thời cải thiện bữa ăn cho hộ xã viên.

Trong giai đoạn thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm lần thứ nhất, để phục vụ nhu cầu xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và chi viện cho tiền tuyến miền Nam, các địa phương ở Ngân Sơn bắt đầu triển khai việc đóng góp nghĩa vụ lương thực thực phẩm với Nhà nước. Tuy nhiên, việc chấp hành chính sách lương thực ở xã Long Bằng nói riêng và nhiều địa phương trên địa bàn huyện nói chung còn hạn chế. Đặc biệt, Long Bằng là xã đạt tỷ lệ nộp thấp nhất trong 13 xã của huyện (đạt 12,7% năm 1964, tương đương 1.270kg)¹. Đối với chăn nuôi, thời gian này, bình quân mỗi hộ gia đình ở xã nuôi 3 con lợn (1 con thịt tết Nguyên đán, 1 con bán nghĩa vụ cho Nhà nước và 1 con để thịt hoặc bán điều hòa). Tuy nhiên, hằng năm không phải hộ nào cũng nộp đủ (do lợn chết, lợn nuôi không đủ cân...) nên việc đóng nghĩa vụ thực phẩm cho Nhà nước gặp khó khăn.

Đối với lâm nghiệp, thực hiện chỉ đạo của cấp trên, Chi bộ quán triệt chủ trương đến chính quyền, các đoàn thể và nhân dân làm tốt cả 3 khâu: khai thác, trồng mới và bảo vệ rừng. Tuy nhiên, với đặc điểm địa bàn xã quá rộng, diện tích trông coi, bảo vệ rừng lớn, trong khi đó cán

1. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Ngân Sơn, *Lịch sử Đảng bộ huyện Ngân Sơn, tập I (1954-1975)*, 2002, tr. 61.

bộ chuyên trách không có, một bộ phận người dân giữ tập tục du canh du cư, đốt nương làm rẫy nên tình trạng chặt phá rừng vẫn diễn ra phổ biến, việc bảo vệ rừng của địa phương gặp nhiều khó khăn.

Song song với việc vận động xây dựng mô hình hợp tác xã nông nghiệp, Trung ương Đảng và lãnh đạo các cấp chủ trương xây dựng hợp tác xã mua bán để đáp ứng nhu cầu phát triển của địa phương, cũng như phục vụ đời sống sinh hoạt nhân dân. Vì vậy, giai đoạn 1961-1964, xã Long Bằng thành lập được Hợp tác xã mua bán do ông Hoàng Bế Thại làm Chủ nhiệm. Sau khi thành lập, vì chưa đủ điều kiện cơ sở vật chất để xây cửa hàng nên hợp tác xã phải nhờ địa điểm tại nhà của cán bộ trong Ban Quản trị. Thời gian này, hợp tác xã nhờ địa điểm nhà ông Chu Văn Lai; ông Đinh Thiện Thâm (Bản Giang) và Triệu Văn Phúc (Nà Dầy) là điểm bán hàng phục vụ nhân dân với những sản phẩm cơ bản như: mắm, muối, gạo, dầu hỏa, nón, vải...

Kinh tế phát triển, đời sống của nông dân từng bước được cải thiện là điều kiện để Chi bộ và chính quyền địa phương chăm lo về đời sống tinh thần cho nhân dân. Việc thực hiện nếp sống văn minh, gia đình văn hóa và con người mới xã hội chủ nghĩa được triển khai sâu rộng xuống các địa phương là chủ trương đúng đắn của Đảng. Với đặc thù là một xã miền núi có địa bàn rộng, dân cư phân bố rải rác không đều nhau, nhiều thành phần dân tộc mang những nét văn hóa khác nhau, vì vậy, Chi bộ và chính quyền xã Long Bằng xác định để đưa chủ trương

của Đảng vào cuộc sống của đồng bào là một quá trình lâu dài, từng bước một. Thực tế triển khai cũng gặp nhiều khó khăn. Do đó, yêu cầu đầu tiên là xây dựng các đội văn nghệ nhằm lôi kéo mọi tầng lớp nhân dân tham gia, qua đó khơi dậy tinh thần yêu quê hương đất nước, củng cố khối đại đoàn kết trong nhân dân.

Phong trào giáo dục giai đoạn 1961-1964 tiếp tục phát triển, nhất là khi trường cấp I xã Long Bằng thành lập góp phần đưa giáo dục đi vào nền nếp. Con em địa phương đến tuổi vào lớp 1 đều được vận động đến trường. Mặc dù cơ sở vật chất của nhà trường còn nhiều thiếu thốn, lớp học lợp lá; con em nhiều gia đình ở xa phải đi bộ vài cây số; lương tháng của giáo viên thấp, chưa đủ trang trải cuộc sống... nhưng vượt lên tất cả, giáo viên học sinh nhà trường vẫn cố gắng duy trì đủ sĩ số, thi đua dạy tốt, học tốt. Bên cạnh đó, phong trào Bình dân học vụ và bỏ tục văn hóa thời gian này vẫn được triển khai, tuy nhiên, còn nhiều hạn chế. Tình trạng người dân không biết chữ, quên chữ ở địa phương không phải là hiếm.

Công tác chăm sóc sức khỏe, giáo dục ý thức vệ sinh phòng bệnh cho nhân dân được chính quyền xã chú ý. Từ khi trạm y tế xã được thành lập, ông Bé Đình Tân được giao nhiệm vụ Trưởng trạm đã cùng với cán bộ y tế có nhiều hoạt động tuyên truyền về kiến thức y tế, qua đó tạo chuyển biến tốt về nhận thức cho nhân dân. Đồng bào bắt đầu thực hiện việc ăn chín uống sôi, ngủ màn, thậm chí một số hộ đã di chuyển chuồng trâu ra xa nhà. Đa phần người dân đều biết dùng thuốc khi ốm đau, bệnh tật.

Trong giai đoạn 1961-1965, chấp hành chủ trương của Trung ương về việc đưa đồng bào miền xuôi lên khai hoang, tham gia phát triển kinh tế - xã hội ở miền núi, Chi bộ, chính quyền và nhân dân xã Long Bằng đã tiếp đón 15 hộ từ Thái Bình lên, sống tập trung tại một số bản: Lũng Miệng, Nà Chúa, Thôm Tà, Đông Tạo, Bản Giang. Trong quá trình thực hiện, cán bộ và nhân dân địa phương nêu cao tinh thần đoàn kết, cố gắng tạo mọi điều kiện về sinh hoạt: nhường đất, nhường ruộng, dựng nhà giúp đồng bào... Tuy nhiên, do chưa lường hết được tình hình nên nảy sinh nhiều vấn đề, như ở Bản Nìm, đời sống nhân dân vốn đã khó khăn, nay nhận thêm đồng bào miền xuôi lại càng thêm khó. Mức sống của xã viên giảm rõ rệt¹.

Để đạt được những kết quả trên các mặt kinh tế, văn hóa - xã hội, phong trào của địa phương luôn đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Chi bộ Đảng, công tác quản lý của chính quyền cũng như hoạt động hỗ trợ của các tổ chức đoàn thể.

Trong công tác xây dựng Đảng: Thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của cấp trên, Chi bộ Long Bằng làm tốt giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân về ý thức đấu tranh thống nhất đất nước. Theo kế hoạch của Huyện ủy, hằng năm Chi bộ xã tổ chức các đợt kiểm điểm, sinh hoạt chính trị sâu rộng đến toàn thể cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân. Chi bộ thực hiện lập sổ theo dõi tiến độ từng tháng và mỗi đảng viên đều có sổ

1. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Ngân Sơn, *Lịch sử Đảng bộ huyện Ngân Sơn, tập I (1954-1975)*, 2002, tr. 61.

theo dõi công tác và tự kiểm điểm hằng tháng. Ngoài ra, để nâng cao hiệu quả lãnh đạo thì công tác phát triển Đảng là một trong những nhiệm vụ quan trọng. Từ năm 1961-1963, Chi bộ xã Long Bằng đã giới thiệu 10 quần chúng đi học lớp cảm tình Đảng do huyện tổ chức, trong đó tổ chức kết nạp được 4 đảng viên mới là: Chu Văn Tài (2/1961), Đinh Thiện Ư (8/1961), Bế Đình Nguậy (8/1962), Triệu Văn Mù (10/1963), nâng tổng số đảng viên toàn Chi bộ lên thành 20 đồng chí. Năm 1964, Chi bộ không kết nạp được thêm đảng viên mới.

Bên cạnh những kết quả đạt được trong công tác xây dựng Đảng, qua thực tế lãnh đạo phong trào, cấp ủy Đảng địa phương còn hạn chế, thiếu sót: Năng lực, trình độ và ý thức giác ngộ, kỷ luật của một số cán bộ, đảng viên trong Chi bộ chưa thật sự cao; việc quán triệt và triển khai các nghị quyết, chỉ thị của cấp trên ở địa phương còn chậm trễ; việc sinh hoạt định kỳ của Chi bộ và các tổ Đảng không được tiến hành thường xuyên, dẫn đến có những thời điểm việc lãnh đạo không hiệu quả; thậm chí có đồng chí trong cấp ủy không gương mẫu, vi phạm dẫn đến phải thi hành kỷ luật Đảng bằng hình thức cách chức, khai trừ. Nhìn chung, giai đoạn này Chi bộ xã Long Bằng bị xếp là Chi bộ trung bình của huyện Ngân Sơn¹.

Về xây dựng chính quyền, thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961-1965), tình hình chính

1. Trích Báo cáo số 02/BC-HU ngày 17/2/1966 về Công tác củng cố xây dựng Đảng, củng cố cán bộ từ năm 1962-1965 của Huyện ủy Ngân Sơn, Lưu tại Phòng Lưu trữ Huyện ủy Ngân Sơn.

trị ở Long Bằng cơ bản ổn định, hệ thống chính quyền từ xã đến thôn, bản được củng cố và hoạt động có hiệu quả. Năm 1961 và 1963, Chi bộ xã lãnh đạo nhân dân tổ chức thành công cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 1961-1963 và 1963-1965. Để nâng cao trình độ cho cán bộ, chính quyền xã lần lượt cử các đồng chí cán bộ đi dự nhiều lớp tập huấn ngắn ngày do Ủy ban hành chính huyện tổ chức. Thông qua các lớp tập huấn và trải nghiệm tình hình thực tế, bộ máy chính quyền địa phương đã phát huy hiệu quả hoạt động, quản lý, điều hành, kịp thời động viên quần chúng nhân dân tích cực tham gia thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, ra sức phấn đấu thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Nhận thức rõ cách mạng là sự nghiệp của nhân dân, quần chúng là sức mạnh của Đảng, Chi bộ xã Long Bằng quan tâm xây dựng và củng cố các đoàn thể quần chúng. Để hỗ trợ cho công tác lãnh đạo của cấp ủy và chỉ đạo hoạt động của chính quyền có hiệu quả, Mặt trận Tổ quốc xã và các đoàn thể (Thanh niên, Phụ nữ) phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân, là lực lượng đi đầu trong các phong trào của địa phương, lôi cuốn đông đảo các tầng lớp nhân dân cùng tham gia. Điển hình như phong trào tham gia lao động sản xuất, làm thủy lợi, cải tạo đường giao thông, trồng cây gây rừng, nam thanh niên đăng ký nghĩa vụ quân sự...

Từ tháng 5 năm 1964, thực hiện Quyết định số 150-NV ngày 12/5/1964 của Bộ Nội vụ về việc sửa đổi tên

một số xã của tỉnh Bắc Kạn, xã Long Bằng chính thức đổi tên thành xã Thuần Mang. Giữa năm 1964, Chi bộ xã tổ chức Đại hội khóa I nhiệm kỳ 1964-1965 để kiểm điểm công tác lãnh đạo và đề ra phương hướng, nhiệm vụ. Đại hội bầu đồng chí Hoàng Bế Thại giữ chức Bí thư Chi bộ; đồng chí Đinh Thiện Côn giữ chức Phó Bí thư Chi bộ; đồng chí Bế Đình Nguậy là Chi ủy viên, Chủ tịch Ủy ban hành chính xã.

Đến đầu tháng 8 năm 1964, sau “Sự kiện Vịnh Bắc bộ”¹, đế quốc Mỹ đã huy động máy bay ném bom, bắn phá một số khu vực ở miền Bắc, chuẩn bị cho một cuộc chiến tranh phá hoại lớn. Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm lần thứ nhất của các địa phương ở miền Bắc đến cuối năm 1964 đã cơ bản hoàn thành, quân dân miền Bắc bước vào giai đoạn mới - chống cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của đế quốc Mỹ. Nhìn lại quá trình thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961-1965), xã Long Bằng đã đạt được nhiều kết quả quan trọng trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội. Chi bộ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và nhân dân xã nhận thức rõ thành công và cả những hạn chế trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ, từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm để tiếp tục lãnh đạo quân dân địa phương trong giai đoạn tiếp theo.

1. Sự kiện Vịnh Bắc Bộ xảy ra khi đế quốc Mỹ cho rằng Hải quân Nhân dân Việt Nam đã chủ động tấn công hai tàu khu trục USS Maddox của Hải quân Mỹ vào ngày mùng 4/8/1964 ở hải phận Quốc tế. Lấy cớ đó, ngày 5/8/1964, Mỹ đã huy động máy bay ném bom, bắn phá một số khu vực ở miền Bắc.

II. CHI BỘ ĐẢNG XÃ THUẦN MANG LÃNH ĐẠO PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT, SẴN SÀNG CHIẾN ĐẤU CHỐNG CHIẾN TRANH PHÁ HOẠI CỦA ĐẾ QUỐC MỸ, CHI VIỆN CHO TIỀN TUYẾN MIỀN NAM, ĐẤU TRANH THÔNG NHẤT NƯỚC NHÀ (1965-1975)

1. Phát triển sản xuất, sẵn sàng chiến đấu chống cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của đế quốc Mỹ (1965-1968)

Bị thất bại liên tiếp trong chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” ở miền Nam, Mỹ ồ ạt đưa quân vào miền Nam nhằm đẩy mạnh cuộc chiến tranh xâm lược, chuyển sang chiến lược “Chiến tranh cục bộ”¹, đồng thời mở rộng chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân với quy mô lớn trên phạm vi toàn miền Bắc. Trước yêu cầu mới của cách mạng, từ ngày 25-27/3/1965, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 11 và ra Nghị quyết “Về tình hình và nhiệm vụ cấp bách trước mắt”, trong đó nhấn mạnh một số yêu cầu cụ thể của cách mạng miền Bắc lúc này là: Kịp thời chuyển hướng nền kinh tế và tăng cường lực lượng quốc phòng cho kịp với sự phát triển của tình hình; Tăng cường công tác phòng thủ, trị an bảo vệ miền Bắc; Ra sức chi viện cho miền Nam để hạn chế địch chuyển “Chiến tranh đặc

1. Chiến lược Chiến tranh đặc biệt được Mỹ áp dụng tại miền Nam từ năm 1961-1965, chiến lược “Chiến tranh cục bộ” kéo dài từ năm 1965-1968. Điểm khác nhau cơ bản giữa 2 chiến lược chiến tranh này là nếu thời kỳ trước Mỹ chỉ cử cố vấn quân sự đến miền Nam Việt Nam thì trong giai đoạn này, Mỹ và các nước chư hầu trực tiếp đổ bộ quân vào tham chiến, hỗ trợ cho Chính phủ Việt Nam Cộng hòa tấn công lực lượng cách mạng.

biệt” ở miền Nam thành “Chiến tranh cục bộ” và ngăn chặn âm mưu địch mở rộng “Chiến tranh cục bộ” ra miền Bắc; Cần phải kịp thời chuyển hướng tư tưởng và tổ chức cho phù hợp với tình hình mới.

Chấp hành chủ trương của Trung ương và Chỉ thị ngày 8/7/1965 của Ủy ban hành chính tỉnh Bắc Thái¹ “về những biện pháp cơ bản của công tác phòng không nhân dân”, huyện Ngân Sơn chỉ đạo các địa phương khẩn trương tổ chức công tác sơ tán, phòng không chống máy bay địch. Theo chỉ đạo của cấp trên, từ 1965-1968, mỗi năm Chi bộ Đảng xã Thuần Mang tổ chức một kỳ Đại hội (khóa II nhiệm kỳ 1965-1966; khóa III nhiệm kỳ 1966-1967; khóa IV nhiệm kỳ 1967-1968) để kiểm điểm công tác lãnh đạo, trên cơ sở đó đề ra phương hướng, nhiệm vụ và mục tiêu cho từng năm, từng nhiệm kỳ. Cả 3 nhiệm kỳ, Đại hội bầu Chi ủy mới, đồng chí Bế Đình Thụ được tín nhiệm bầu giữ chức Bí thư Chi bộ; đồng chí Hoàng Bế Thại được bầu giữ chức Phó Bí thư Chi bộ và đồng chí Chu Văn Tài giữ chức Chi ủy viên, Chủ tịch Ủy ban hành chính xã.

Thực hiện nghị quyết Trung ương Đảng, Tỉnh ủy Bắc Thái, Nghị quyết Đại hội Chi bộ xã, dưới sự chỉ đạo của Huyện ủy Ngân Sơn, Chi bộ tổ chức tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng và tình hình chiến sự 2 miền để mọi người nắm được, từ đó xác định tư tưởng sẵn sàng

1. Theo Quyết định số 103-NQ/TVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 21/4/1965, hai tỉnh Thái Nguyên và Bắc Kạn được hợp nhất thành tỉnh Bắc Thái.

chiến đấu nếu máy bay địch kéo đến bắn phá. Để bảo vệ tài sản và an toàn tính mạng cho nhân dân, Chi bộ và chính quyền xã đã chỉ đạo khẩn trương thực hiện nhiệm vụ phòng không, vận động các gia đình đào hầm trú ẩn ngay tại nhà và các hố cá nhân dọc theo các con đường mòn liên thôn, bản. Xã viên ra đồng, học sinh đi học đều mang theo mũ rơm để tránh bom đạn của địch.

Một trong những yêu cầu quan trọng của phòng chống chiến tranh phá hoại là công tác xây dựng lực lượng vũ trang địa phương. Thời gian này, Chi bộ và chính quyền giao cho Ban Chỉ huy quân sự xã trực tiếp chỉ huy, củng cố 1 trung đội dân quân tự vệ với gần 30 người. Đây là lực lượng vừa sản xuất vừa huấn luyện, xung kích trên cả lĩnh vực xây dựng kinh tế và bảo vệ an ninh quốc phòng. Cùng với đó, để giữ gìn trật tự xã hội, ngăn chặn các phần tử xấu lợi dụng tình hình để xuyên tạc, gây mất ổn định địa phương, Ban Công an xã chủ động cắt cử cán bộ làm tốt công tác tuần tra, kiểm soát. Ngoài ra, để nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng đối với công tác an ninh, quốc phòng, Chi bộ chủ động phân công một số đồng chí đảng viên tham gia Ban Chỉ huy quân sự xã, lực lượng dân quân tự vệ và Công an xã. Trong đó, đồng chí Bé Đình Nguyệt được phân công giữ chức Xã đội trưởng; đồng chí Đặng Nhân Hoàng giữ chức Phó Chủ tịch Ủy ban hành chính kiêm Trưởng Công an xã.

Song song với việc chú trọng đến công tác an ninh quốc phòng, vấn đề duy trì và phát triển sản xuất vẫn được coi là nhiệm vụ thường trực, quan trọng của địa phương.

Đặc biệt, Chi bộ quán triệt một số phương hướng chung của Huyện ủy Ngân Sơn được đề ra tại Đại hội đại biểu huyện lần thứ VI (3/1965):

1. Tập trung sức lực vào phát triển sản xuất nông - lâm nghiệp và chăn nuôi; trọng tâm là sản xuất lương thực, chủ yếu là lúa, ngô, khoai, sắn; chú ý thâm canh tăng vụ, tăng năng suất, khai hoang mở rộng diện tích canh tác.

2. Tiếp tục hoàn thiện cải tạo xã hội chủ nghĩa, củng cố hợp tác xã, mở rộng cải tiến quản lý hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật, củng cố cơ sở vật chất kỹ thuật của hợp tác xã; nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ hợp tác xã, chống tham ô, lãng phí, quan liêu, tăng cường giáo dục ý thức tập thể cho cán bộ và xã viên¹...

Căn cứ vào nhiệm vụ và chỉ tiêu được giao, Chi bộ và chính quyền xã Thuần Mang đôn đốc công tác sản xuất ở 3 hợp tác xã Thị Xuân, Tiền Phong và Nà Chúa. Sau 5 năm đưa vụ chiêm xuân vào sản xuất, đến hết tháng 2 năm 1966, toàn xã Thuần Mang đã gieo cấy được 245 bung lúa, trong đó chủ yếu là giống lúa Nam Ninh. Năng suất thu hoạch đạt bình quân 160 kg/bung. Đến vụ mùa, tổng diện tích gieo cấy toàn xã đạt 1.315 bung. Do thời tiết thuận lợi, năng suất thu được khoảng 155 kg/bung. Ngoài ra, với khoảng 2.160 bung diện tích chân ruộng nước không đến được, cả 3 hợp tác xã và nhân dân ở một số bản như: Khuổi Lầy, Bản Nìm (tính cả hộ cá thể) tận dụng để gieo lúa rẫy. Tổng sản lượng năm 1966 toàn xã Thuần Mang thu được khoảng 372,6 tấn.

1. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Ngân Sơn, *Lịch sử Đảng bộ huyện Ngân Sơn, tập I (1954-1975)*, 2002, tr. 79-80.

Ngoài lúa là cây lương thực chính, xã còn chủ trương phát triển thêm một số loại cây lương thực và hoa màu khác để trồng, trọng điểm là cây ngô, còn lại là sắn, khoai lang, đậu tương, lạc... Vụ ngô ở Thuận Mang được trồng từ tháng 3 đến tháng 7 (âm lịch) thì được thu hoạch. Tính chung trong năm 1966, xã trồng được 1.700 ổng ngô cho năng suất đạt 38kg, sản lượng thu hoạch là 64,6 tấn. Cây sắn trồng được 25.000 gốc, khoai lang khoảng 1.900 luống, đỗ các loại được trên 420 ổng... Bên cạnh đó, xã cũng bắt đầu đưa vào trồng thử nghiệm cây mía, cây bông nhưng diện tích không nhiều.

Những kết quả sản xuất nông nghiệp đạt được là tín hiệu rất tích cực cho thấy hiệu quả của công tác lãnh đạo từ cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương. Và để nâng cao hơn nữa thì yêu cầu cải tiến quản lý hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật, đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật, tập huấn nâng cao trình độ cho cán bộ, xã viên được coi là nhiệm vụ quan trọng. Vì vậy, trong những năm 1966-1968, đây vẫn được coi là nhiệm vụ thường trực đặt ra đối với công tác lãnh đạo của chi bộ và quản lý của chính quyền. Năm 1967 trên cơ sở xem xét tình hình thực tế ở các bản, Chi bộ xã Thuận Mang quyết định thành lập thêm một hợp tác xã tại Bản Nìm do đồng chí Triệu Vạn Thắng làm Chủ nhiệm. Việc củng cố và thành lập hợp tác có tác động tích cực đến chính sách định canh định cư của địa phương. Tuy nhiên, đây mới chỉ là kết quả bước đầu vì người dân, trong đó chủ yếu là đồng bào người Dao vẫn duy trì tập quán du canh du cư. Tính đến hết quý III năm 1967, toàn

huyện Ngân Sơn vẫn còn 97 hộ với 467 nhân khẩu vẫn duy trì thói quen này, trong đó Thuần Mang là xã có nhiều hộ nhất (42 hộ tương đương 202 nhân khẩu)¹.

Nhìn chung, phong trào hợp tác hóa ở Thuần Mang trong hai năm 1966-1967 phát triển đi lên nhưng vẫn bộc lộ một số hạn chế: hệ thống cơ sở vật chất của hợp tác xã như nhà kho, sân bãi, công cụ lao động thiếu nhiều; cán bộ được đi học, tham gia lớp tập huấn nhưng khi về địa phương triển khai vẫn còn nhiều lúng túng; việc lập kế hoạch sản xuất cho từng vụ, từng năm của hợp tác xã không thống nhất dẫn đến tình trạng làm trước, làm sau; hệ thống thủy lợi, đường giao thông chưa được quy hoạch cũng ảnh hưởng nhiều đến hiệu quả sản xuất... Từ đó, mỗi khi gặp thiên tai, mất mùa, hợp tác xã thất thu lại ảnh hưởng không nhỏ đến tâm lý của cán bộ và xã viên. Mức ăn của xã viên có chiều hướng giảm dần, điển hình như năm 1966-1967, xã được mùa nhưng bình quân mỗi lao động chỉ là 13 kg gạo/tháng.

Trong hoạt động lâm nghiệp: công tác trồng cây và bảo vệ rừng được coi là nhiệm vụ quan trọng mà huyện giao cho các địa phương, trong đó có xã Thuần Mang. Chi bộ và chính quyền hàng quý đều họp bàn, tìm giải pháp trong công tác trồng, bảo vệ và khai thác rừng. Nhìn chung, qua việc vận động đồng bào không được chặt phá rừng, đốt nương làm rẫy, chỉ được khai thác gỗ tại những

1. Trích *Báo cáo số 11-BC/HU ngày 6/10/1967 về Công tác tháng 9 và quý III năm 1967 của Huyện ủy Ngân Sơn*, tr. 2, Lưu tại Văn phòng Huyện ủy Ngân Sơn.

khu vực mà Nhà nước cho phép đã phần nào có chuyển biến. Việc bảo vệ rừng trúc và cây công nghiệp được chính quyền xã giao trách nhiệm quản lý trực tiếp cho các hợp tác xã. Tuy nhiên, diện tích rừng ở địa phương được trồng mới thời gian này vẫn ít hơn so với diện tích rừng bị mất.

Hoạt động chăn nuôi thời gian này tiếp tục có bước chuyển biến tốt. Tính chung đến hết năm 1967, đàn gia súc của Thuận Mang có gần 700 con; đàn lợn có khoảng 610 con; đàn gia cầm có 1.300 con.

Bên cạnh công tác lãnh đạo nhân dân sản xuất, phòng chống chiến tranh phá hoại, Chi bộ và chính quyền xã Thuận Mang cũng chú trọng đến văn hóa - xã hội.

Trường cấp I tổ chức sơ tán về các xóm, đào hầm hào, xây dựng lán trại phòng tránh bom đạn, thực hiện báo động phòng không, tập duyệt cho các em phân tán hoặc xuống hầm hào khi có máy bay địch đánh phá. Tất cả học sinh đến lớp đều phải đội mũ rom. Thầy trò nhà trường khắc phục gian khổ, khó khăn, nhanh chóng ổn định địa điểm học tập, chương trình không bị gián đoạn.

Trong khi đó, cán bộ y tế xã triển khai kế hoạch y tế theo nhiệm vụ của từng năm, từng giai đoạn, đảm bảo bước đầu công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Từ năm 1966-1967, chấp hành chỉ đạo của ngành y tế, cán bộ y tế xã phát động phong trào thực hiện “Ba dứt điểm” xuống từng hộ gia đình và trong từng thôn, bản. Nội dung của phong trào là vận động để nhân dân hiểu được tác dụng của công tác vệ sinh, phòng chống dịch bệnh. Muốn

làm được điều đó thì mỗi gia đình cần tiến hành xây dựng được 3 công trình gồm: nhà tiêu, nhà tắm và giếng nước ăn hợp vệ sinh. Sau một thời gian triển khai, tính đến ngày 30/4/1968, xã Thuần Mang đã xây được 102 nhà tiêu (đạt 48,5%), làm được 1 nhà tắm và đào được 7 giếng nước¹. Từ năm 1966, đồng chí Đinh Nguyễn Khang là y sĩ được phân công làm Trưởng trạm y tế xã thay đồng chí Bé Đình Tân.

Trong công tác xây dựng Đảng, cấp ủy tập trung giáo dục, tuyên truyền cho cán bộ, đảng viên thấm nhuần tư tưởng, đường lối chống Mỹ cứu nước thông qua việc học tập Nghị quyết Trung ương lần thứ 12 (khóa III) từ đó khơi dậy tinh thần yêu nước. Trước gian khổ hi sinh, cán bộ, đảng viên phải là lực lượng tiên phong, nòng cốt, là tấm gương sáng động viên nhân dân toàn xã hăng hái tiến lên. Cuộc vận động xây dựng Chi bộ “bốn tốt” là thời điểm để cán bộ, đảng viên tự kiểm điểm, đánh giá bản thân, từ đó đăng ký phấn đấu trở thành đảng viên “bốn tốt”. Cuối năm, Chi bộ và Huyện ủy Ngân Sơn tổ chức Hội nghị bình xét, phân loại, đánh giá chất lượng đảng viên. Tuy nhiên, số lượng đảng viên đạt tiêu chuẩn “bốn tốt” của Chi bộ chưa cao. Vì vậy, qua đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cấp ủy Đảng, năm 1967, Huyện ủy Ngân Sơn xếp loại Chi bộ xã Thuần Mang cùng với các xã Thượng Quan, Hương Nê, Bằng Đức, Cốc Đán, Thượng Ân và Bằng Khẩu xếp loại trung bình.

1. Trích *Thông báo số 01-TB/HU về Tình hình thực hiện phong trào 3 đợt điểm*, tr.1, Lưu tại Văn phòng Huyện ủy Ngân Sơn.

Trong công tác phát triển Đảng, dựa trên chỉ tiêu của huyện và thực tế phong trào, Chi bộ xã Thuận Mang tích cực trong việc tìm nguồn, có hướng bồi dưỡng, giới thiệu những quần chúng ưu tú đi học lớp nhận thức về Đảng. Trên cơ sở đó sẽ đánh giá, lập hồ sơ đề nghị Huyện ủy Ngân Sơn ra quyết định kết nạp những người xứng đáng. Tính chung từ năm 1965 đến hết năm 1967, Chi bộ xã Thuận Mang đã tổ chức lễ kết nạp và tiếp nhận 9 đảng viên mới gồm: Triệu Văn Phúc, Hoàng Văn Thoảng, Đinh Thiện Vở, Đinh Nguyễn Khang, Ma Văn En, Đinh Thiện Hiệu, Chu Thị Thâu, Đinh Thiện Khanh và Bế Đình Mộng. Song song với nhiệm vụ phát triển Đảng, Chi ủy xã thường xuyên tiến hành công tác kiểm tra, giám sát, kiên quyết thi hành kỷ luật với những đảng viên vi phạm nhằm giữ gìn ổn định và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức Đảng. Năm 1967, cấp ủy thi hành kỷ luật bằng hình thức khai trừ Đảng đối với 01 đồng chí¹. Tính đến cuối năm 1967, Chi bộ xã Thuận Mang có tổng số 26 đồng chí.

Công tác chính quyền và các đoàn thể quần chúng luôn được duy trì, Ủy ban hành chính xã thực hiện tốt các chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Mặt trận Tổ quốc xã và các đoàn thể thành viên có vai trò rất quan trọng trong sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân, tạo mối quan hệ đoàn kết, gắn bó của địa phương. Mặt trận tích cực tổ chức các buổi vận động, động viên tinh thần sản xuất, sẵn

1. Trích Báo cáo số 11-BC/HU ngày 6/10/1967 về Công tác tháng 9 và quý II năm 1967 của Huyện ủy Ngân Sơn, tr. 7, Lưu tại Văn phòng Huyện ủy Ngân Sơn.

sàng chiến đấu cho cán bộ, đảng viên, nhất là quần chúng nhân dân. Trong khi đó, từ năm 1965, Đoàn Thanh niên xã hưởng ứng và phát động phong trào “Ba sẵn sàng” của thanh niên do Trung ương Đoàn phát động. Các chi đoàn trong hợp tác xã đều nhận những thửa ruộng chống Mỹ vừa thâm canh tăng năng suất, vừa áp dụng các biện pháp kỹ thuật vào sản xuất. Đi đôi với sản xuất, các chi đoàn đều đẩy lên phong trào vận động đoàn viên, thanh niên đăng ký tình nguyện xung phong đi bộ đội. Hằng năm, xã có từ 2-3 thanh niên lên đường nhập ngũ, tham gia chiến đấu chống Mỹ.

Hội Phụ nữ từ năm 1965 đã tích cực phát động và duy trì phong trào “Ba đảm đang”, nêu cao lòng nhiệt tình cách mạng, khắc phục mọi khó khăn, đảm nhận công nhà để người thân yên tâm lên đường chiến đấu, thúc đẩy kinh tế, văn hóa - xã hội phát triển và giữ vững an ninh, trật tự trên địa bàn toàn xã.

Cuối năm 1967, Bộ Chính trị họp quyết định mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Mậu Thân năm 1968 ở miền Nam. Cuộc tổng tiến công đã góp phần tạo ra cục diện mới trên chiến trường miền Nam. Đồng thời, buộc Tổng thống Mỹ - Johnson ngày 31/3/1968 phải tuyên bố ngừng ném bom hạn chế miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra. Từ 01/11/1968, đế quốc Mỹ ngừng hoàn toàn hoạt động chiến tranh phá hoại miền Bắc. Trong những năm từ 1965-1968, Chi bộ xã Thuần Mang đã lãnh đạo chính quyền, Mặt trận, các đoàn thể và nhân dân tích cực sản xuất, bên cạnh đó thực hiện công tác phòng không một cách nghiêm túc. Cán bộ, đảng

viên, lực lượng vũ trang và nhân dân địa phương đã nêu cao tinh thần trách nhiệm, hoàn thành nhiệm vụ được giao. Đảm bảo hoàn thành chỉ tiêu đóng góp lương thực, thực phẩm, giao quân chi viện cho tiền tuyến. Mặc dù qua thực tế lãnh đạo, cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương còn bộc lộ những hạn chế, thiếu sót, nhưng với những kết quả đạt được tiếp tục là động lực để tập thể cán bộ, đảng viên và nhân dân phấn đấu trong giai đoạn tiếp theo.

2. Khôi phục và phát triển sản xuất, chống chiến tranh phá hoại lần hai; đồng thời chi viện sức người sức của cho tiền tuyến, góp phần đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, thống nhất nước nhà (1969-1975)

Thất bại nặng nề trên cả hai chiến trường Nam - Bắc đã buộc Tổng thống Mỹ phải đi đến tuyên bố ngừng hoàn toàn ném bom bắn phá miền Bắc, chấp nhận ngồi vào bàn đàm phán với Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tại Hội nghị 4 bên ở Pari. Căn cứ vào tình hình thực tế của đất nước và địa phương thời gian này, Huyện ủy Ngân Sơn xác định: Do không chịu ảnh hưởng trực tiếp của chiến tranh phá hoại nên nhiệm vụ trước mắt là tiếp tục đẩy mạnh sản xuất, phát triển văn hóa - xã hội¹.

Quán triệt chỉ đạo của Huyện ủy về tổ chức Đại hội Chi bộ các cơ sở, Chi bộ Đảng xã Thuần Mang tổ chức Đại hội khóa VI nhiệm kỳ 1969-1970. Tại đây, Đại hội kiểm điểm công tác lãnh đạo của Chi ủy nhiệm kỳ trước, đồng thời tuyên dương những thành tích mà cán bộ, đảng

1. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Ngân Sơn, *Lịch sử Đảng bộ huyện Ngân Sơn, tập I (1954-1975)*, 2002, tr. 102.

viên và nhân dân đạt được trong sản xuất và phục vụ chiến đấu. Đại hội thảo luận và nhất trí phương hướng, nhiệm vụ trong nhiệm kỳ mới: Phần đầu từng bước đưa kinh tế địa phương phát triển toàn diện, phục vụ cho phương hướng lâu dài là phát triển nông - lâm nghiệp, chăn nuôi, cây công nghiệp làm cơ sở để nâng cao đời sống cho cán bộ, nhân dân. Nhiệm vụ trước mắt là địa phương phải tự túc được một phần lương thực. Trên cơ sở nâng cao trình độ giác ngộ giai cấp của đảng viên, mặt khác tăng cường củng cố các tổ chức quần chúng và các hợp tác xã; xây dựng vững mạnh lực lượng hậu bị và lực lượng trị an sẵn sàng chiến đấu; nâng cao tinh thần nhiệt tình cách mạng của cán bộ, đảng viên và quần chúng nhằm hoàn thành các nhiệm vụ mà Đảng giao phó.

Trên tinh thần đoàn kết, nhất trí cao, Đại hội bầu Chi ủy gồm 5 đồng chí. Trong đó, đồng chí Hứa Văn Quế được bầu giữ chức Bí thư Chi bộ; đồng chí Chu Văn Tài giữ chức Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban hành chính xã; Chi ủy viên gồm các đồng chí: Bế Đình Thụ, Bế Đình Ngụ và Hoàng Văn Thi.

Sau các kỳ Đại hội, cán bộ, đảng viên và nhân dân tranh thủ thời gian hòa bình, tích cực đẩy mạnh sản xuất. Trong 2 năm 1969-1970, sản xuất nông nghiệp gặp không ít khó khăn. Để khắc phục tình trạng đó, chính quyền xã đã chỉ đạo các hợp tác xã phát động nhiều nội dung thi đua như “Hè thu chống Mỹ cứu nước” (vụ mùa 1969), “Thi đua sản xuất lập công dâng Đảng” (vụ đông xuân 1969-1970). Vì vậy, nhìn chung, xã Thuận Mang về cơ

bản hoàn thành nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Điển hình như trong sản xuất nông nghiệp: vụ xuân năm 1969, xã cấy được tổng 250 bung (Hợp tác xã Tiền Phong cấy 210 bung, còn lại là Hợp tác xã Nà Chúa và Bản Nìm), năng suất đạt 165kg/bung, thu tổng sản lượng khoảng 41,2 tấn; đến vụ mùa cấy tổng diện tích lúa là 1.315 bung, cho năng suất khoảng 160 kg/bung, sản lượng đạt 210,4 tấn. Bên cạnh 2 vụ lúa (xuân, mùa), toàn xã Thuần Mang vẫn tận dụng được 2.166 bung¹ ở những chân ruộng cao, thiếu nước để cấy lúa nương, cho thu hoạch khoảng 40,6 tấn.

Cùng với cây lúa, việc trồng cây hoa màu có ý nghĩa đối với xã Thuần Mang khi đóng góp sản lượng thu hoạch khá cho địa phương. Năm 1969, toàn xã trồng được 1.600 ống ngô cho năng suất bình quân 40kg, đạt sản lượng 64 tấn. Xã viên và nhân dân còn trồng được khoảng 30.000 gốc sắn và 2.000 luống khoai lang với tổng sản lượng ước đạt 56,2 tấn. Ngoài ra, theo chủ trương của trên, thời gian này, các hợp tác xã vẫn duy trì một số diện tích để trồng các loại cây công nghiệp như: mía, bông, thuốc lá...

Mặc dù vẫn còn nhiều khó khăn về hệ thống chuồng trại, kỹ thuật chăm sóc, nguồn thức ăn chưa được đảm bảo thường xuyên và ảnh hưởng của thời tiết, nhưng nhìn chung chăn nuôi có bước phát triển khá. Tính đến cuối năm 1969, xã Thuần Mang có khoảng 810 con trâu, 35 con bò, 690 con lợn; đàn gia cầm xấp xỉ 1.300 con.

1. Tổng diện tích lúa nương bao gồm cả ruộng của tập thể và các hộ cá thể. Trong đó, Khuổi Lầy có 966 bung, Nà Chúa có 200 bung, Bản Nìm có 200 bung, Tiền Phong có 300 bung, Thị Xuân có 500 bung.

Để đạt được những kết quả đó, dưới sự quan tâm sát sao của cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương, cả 4 hợp tác xã Tiên Phong, Thị Xuân, Nà Chúa, Bản Nìm đã chỉ đạo xã viên thực hiện nghiêm túc từ khâu lên kế hoạch, cấy, chăm sóc và thu hoạch. Trong đó, các tổ đội phải đảm bảo đủ nguồn nước cung cấp cho cây trồng, khu vực nào mương phai bị hỏng thì hợp tác đó phải chịu trách nhiệm báo cáo, đề xuất phương án cải tạo; các hợp tác xã đảm bảo yêu cầu bón vụ chiêm từ 8-9 tấn phân/ha, vụ mùa từ 7-8 tấn phân/ha, ngoài ra phải đảm bảo rắc đủ 10-15 tấn vôi¹. Đối với giống, Chi ủy chủ trương kiên quyết loại bỏ một số giống lâu năm, từ năm 1969 xã phân đầu cấy 100% diện tích lúa Nông Nghiệp 1 thay thế cho lúa Nam Ninh trong vụ xuân và 40% diện tích cây Mộc Tuyền trong vụ mùa. Với những kết quả đạt được, đến đầu năm 1970, xã Thuận Mang đóng nghĩa vụ lương thực cả năm là 13,1 tấn; hoàn thành nghĩa vụ thực phẩm cả năm 5,452 tấn, trong đó nghĩa vụ lợn là 5 tấn và gà vịt là 452kg.

Năm 1970 xã Thuận Mang cơ bản hoàn thành được một số tuyến đường giao thông, phục vụ nhu cầu đi lại và phát triển của địa phương, điển hình như tuyến đường từ trụ sở Ủy ban đến Kéo Dầu - Bó và tuyến đường từ khu vực Thị Xuân đến Nà Kéo; đồng thời tiếp tục hoàn thiện tuyến đường nối từ Thuận Mang đi sang Thượng Quan và một số đường mòn liên thôn khác.

Năm 1970 và 1971, Chi bộ xã Thuận Mang tổ chức

1. Mỗi hợp tác xã có 1 lò vôi.

thành công 2 kỳ Đại hội: lần thứ VII nhiệm kỳ 1970-1971 và lần thứ VIII nhiệm kỳ 1971-1973. Bên cạnh việc ghi nhận kết quả đạt được, Đại hội thẳng thắn chỉ ra những khuyết điểm, yếu kém còn tồn tại, nhất là trong vấn đề cải tạo hợp tác xã. Tính đến năm 1969-1970, xã Thuận Mang có 213 hộ với 1.182 nhân khẩu. Trong đó, người Tày có 89 hộ với 585 khẩu, đã vào hợp tác xã 88 hộ với 583 khẩu; người Nùng có 27 hộ với 126 khẩu đã vào 100% hợp tác xã; người Dao tiền có 61 hộ với 271 khẩu, trong đó có 17 hộ tương đương 77 khẩu đã vào hợp tác xã; người Dao đỏ có 23 hộ với 150 nhân khẩu nhưng chưa có ai vào hợp tác xã; người Kinh có 100% tham gia hợp tác xã (13 hộ với 50 nhân khẩu). Như vậy, xã mới đạt tỷ lệ 68,5% số hộ gia đình tham gia hợp tác xã. Nếu như trong mấy năm đầu xây dựng hợp tác xã luôn đạt hiệu quả sản xuất khá thì sau này lại có xu hướng giảm về sản lượng và chất lượng sản phẩm, điều này là do cấp ủy Đảng, chính quyền và các hợp tác xã chưa quán triệt đầy đủ về phương châm phát triển nông nghiệp toàn diện (vẫn chủ yếu là cây lúa, ngô mà chưa chú trọng đến cây hoa màu, cây công nghiệp; chưa đẩy mạnh được thâm canh tăng năng suất); công tác quản lý của một số hợp tác xã chưa tốt, việc thực hiện “3 khoán, 3 quản” chưa nghiêm túc, điển hình như hợp tác xã Tiên Phong và Thị Xuân mất nhiều công điểm để lên kế hoạch “3 khoán” nhưng khi triển khai lại tháo khoán, làm cho công điểm tăng gấp mấy lần. Điều này dẫn đến tình trạng nội bộ xã viên và các tổ đội có ganh tỵ lẫn nhau (đội đi sớm, đội về muộn; đội làm tốt, đội làm ẩu; người tích

cực lao động, người làm qua loa, đại khái...); trong khi đó cơ sở vật chất kỹ thuật của hợp tác xã còn thiếu nhiều và ngày càng xuống cấp... Những vấn đề đó đặt ra cho cấp ủy Đảng, chính quyền và nội tại các hợp tác xã thách thức, đòi hỏi phải giải quyết triệt để. Vì vậy, chủ trương qua 2 kỳ Đại hội là tập trung vào nhiệm vụ cải tạo hợp tác xã; tăng cường hiệu quả công tác quản lý, nâng cao tinh thần trách nhiệm cho cán bộ và xã viên. Bên cạnh đó, tiếp tục hoàn thành các nhiệm vụ về phát triển văn hóa - xã hội; xây dựng tổ chức Đảng, chính quyền và các đoàn thể hoạt động ổn định, hiệu quả. Chi ủy cả 2 kỳ đều được bầu gồm 5 người. Trong đó, đồng chí Hứa Văn Quế được bầu giữ chức Bí thư Chi bộ, đồng chí Chu Văn Tài giữ chức Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban hành chính xã. Các đồng chí Bé Đình Thụ, Bé Đình Nguyện và Hoàng Văn Thi là Chi ủy viên.

Năm 1972, trong bối cảnh ở miền Nam cuộc chiến tranh đang diễn ra ác liệt, đế quốc Mỹ và chính quyền tay sai chịu nhiều tổn thất. Để cứu nguy cho chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” có nguy cơ thất bại, đồng thời tạo lợi thế trên mặt trận quân sự và bàn đàm phán ngoại giao, từ tháng 4/1972, đế quốc Mỹ quyết định mở cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai ra ngoài miền Bắc. Trước âm mưu, hành động của kẻ thù, trong hai tháng 4 và 5/1972, Tỉnh ủy Bắc Thái đã mở nhiều hội nghị và có chỉ thị về công tác phòng không sơ tán, sẵn sàng chiến đấu. Dưới sự chỉ đạo của Huyện ủy Ngân Sơn, do đã có kinh nghiệm của việc phòng không sơ tán trong những năm chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất nên việc tổ chức triển khai lực lượng chiến đấu, tổ chức nếp sống và

sản xuất thời chiến ở Thuận Mang diễn ra mau lẹ, nhanh gọn, không lúng túng.

Nhìn chung, năm 1972, mặc dù được sự quan tâm của Huyện ủy Ngân Sơn nhưng vì nhiều nguyên nhân, phong trào phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng hệ thống chính trị của địa phương gặp nhiều khó khăn và có chiều hướng kém hơn so với năm 1970-1971.

Tình trạng buông lỏng trong hoạt động xuất hiện dẫn đến hiệu quả sản xuất kém hơn so với những năm trước. Những chân ruộng có nước các hợp tác xã đều thực hiện cấy đủ, kịp thời vụ, nhưng trong quá trình chăm sóc và thu hoạch lại không đảm bảo yếu tố kỹ thuật, do đó sản lượng thực thu thấp hơn so với năm 1971. Đối với cây ngô, chỉ tiêu huyện giao cho xã là 1.500 ồng, xã căn cứ khả năng từng hợp tác xã để phân nhưng khi triển khai chỉ có Hợp tác xã Thị Xuân đạt kế hoạch¹. Vì vậy, dẫn đến tình trạng xã không hoàn thành nộp đủ thuế ngô cho Nhà nước. Đối với cây thuốc lá, đây là năm đầu tiên xã triển khai theo hợp đồng với Nhà nước. Hợp tác xã Tiên Phong đảm bảo trồng được 250 bung diện tích thu sản lượng 12.500kg, tuy nhiên khi thực hiện chỉ trồng được 85 bung, đến thực thu chỉ còn 31 bung, thu sản lượng 767kg thuốc lá. Trong khi Hợp tác xã Thị Xuân hợp đồng làm 50 bung (được thay nghĩa vụ đóng lương thực), khi triển khai đã trồng đủ nhưng đến thu hoạch chỉ được 31 bung, sản lượng đạt 300kg thuốc lá sấy khô. Cả xã bán cho Nhà nước mới được trên 1 tấn. Nguyên nhân là do việc xây lò sấy triển

1. Riêng hợp tác xã Thị Xuân có 2 năm liền nộp thuế bằng ngô hạt.

khai chậm dẫn đến hao hụt sản lượng; cán bộ hợp tác xã chỉ đạo thực hiện thiếu kinh nghiệm, không nắm rõ kỹ thuật trồng và chăm sóc, chủ yếu phải tự mày mò; việc quản lý lao động không tốt, một phần là do thời điểm này nhiều xã viên chỉ chú trọng đến phát triển kinh tế phụ gia đình, bản thân được giao phụ trách công việc của tập thể nhưng sao nhãng, không chú tâm.

Kinh tế tập thể ở địa phương xuất hiện nhiều bất cập, hiệu quả quản lý, sản xuất có chiều hướng đi xuống dẫn đến đời sống xã viên thêm khó khăn. Điều này đã ảnh hưởng trực tiếp đến việc hoàn thành nghĩa vụ của xã đối với Nhà nước. Tính đến hết năm 1972, Thuận Mang mới hoàn thành được 50% chỉ tiêu đóng góp lương thực; bán được 29 con lợn (so với mức chỉ tiêu xã mới hoàn thành được 1/3), gà vịt mới bán được trên dưới 50kg.

Công tác bảo vệ rừng và vận động đồng bào hạ sơn hằng năm được Chi ủy và chính quyền xã chỉ đạo thường xuyên nhưng còn nhiều khó khăn, bất cập. Nguyên nhân là do người dân giữ thói quen đốt nương làm rẫy, chặt gỗ để bán; trong khi một số cán bộ được giao nhiệm vụ thiếu tích cực và cương quyết trong việc kiểm tra, ngăn chặn nạn chặt phá, đốt rừng bừa bãi.

Hoạt động quân sự: được sự hỗ trợ và hướng dẫn của Huyện đội Ngân Sơn, Chi ủy và chính quyền xã chỉ đạo củng cố lực lượng dân quân tự vệ. Phần đầu thi đua hoàn thành tốt 3 nội dung: hoàn thành công tác tuyển quân; xung kích trong lao động sản xuất; kiện toàn tổ chức và huấn luyện quân sự. Tuy nhiên, tính đến tháng 7/1972, xã

mới triển khai được 70% khối lượng công việc; đến quý IV, xã tuyển được 6 người đủ điều kiện nhập ngũ nhưng mới đi được 4 người. Công tác tuyển quân của địa phương thời gian này gặp khó khăn, một phần là do nguồn đối tượng ít; qua công tác tuyên truyền, giải thích của cán bộ, phần lớn thanh niên xã hiểu được trách nhiệm và nghĩa vụ đối với Tổ quốc, nhưng vẫn có người nảy sinh tâm lý lo sợ, không muốn nhập ngũ, cá biệt có những người nhập ngũ được một thời gian lại đào ngũ về địa phương. Ngoài ra, thời gian này, theo kế hoạch của huyện, xã Thuần Mang còn huy động một số người tham gia dân công, làm và tu sửa đoạn đường số 3 từ Đèo Giàng đến Cao Bắc dài trên 60km, đảm bảo giao thông thông suốt. Cũng trong năm 1972, huyện Ngân Sơn bắt đầu triển khai làm một số tuyến đường nối các xã trong huyện với nhau, trong đó có tuyến Vân Tùng - Thuần Mang. Mặc dù mới chỉ là đường nhỏ (không đủ cho ô tô chạy vào) nhưng cũng giải quyết một phần nhu cầu đi lại của nhân dân.

Công tác xây dựng Đảng, sau 1 năm triển khai Nghị quyết 195/NQ-TW ngày 6/3/1970 về cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên lớp Hồ Chí Minh của Bộ Chính trị, Chi bộ xã Thuần Mang đã đạt một số thành tích, hoàn thành các mặt công tác của Đảng và Nhà nước đề ra. Đến cuối năm 1972, Chi bộ có tổng số 32 đảng viên sinh hoạt tại 5 tổ Đảng¹, trong đó có 27 đồng chí giữ các chức vụ Đảng, chính quyền và tham gia công

1. Gồm các tổ Đảng: Thị Xuân có 9 đồng chí; Nà Mu có 9 đồng chí; Bản Báng có 7 đồng chí; Bản Giang có 5 đồng chí; Bản Nìm có 2 đồng chí.

tác chỉ đạo sản xuất của hợp tác xã; còn lại 5 đảng viên thì có 3 đồng chí già yếu Chi bộ không phân công nhiệm vụ và được miễn Đảng phí, còn lại 2 đồng chí tỏ thái độ bất mãn, tiêu cực, giao nhiệm vụ nhưng không nhận nên không được xếp công việc. Đến cuối năm 1972, trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của đảng viên, Chi ủy xã Thuận Mang phân loại có 10 đồng chí đạt, 13 đồng chí chưa đạt và 9 đồng chí xếp loại kém.

Chi ủy cũng chỉ ra một số hạn chế trong công tác lãnh đạo và thực hiện nhiệm vụ như: việc sinh hoạt Đảng trong Chi ủy quy định họp 1-2 lần/tháng, nhưng do khó khăn về cuộc sống, địa bàn di chuyển rộng, trong khi cán bộ lại thiếu phương tiện nên việc họp bàn, triển khai công việc và nghị quyết, văn bản chậm... Lúc tổ chức họp, Chi ủy lại có đồng chí vắng mặt, dẫn đến thiếu nhất trí trong giải quyết công việc. Trong khi đó, việc sinh hoạt của các tổ Đảng cũng diễn ra không đồng nhất, chỉ có tổ Đảng Nà Mu, Bản Bạng và Thị Xuân là sinh hoạt tương đối đều, nội dung chủ yếu bàn về vấn đề sản xuất.

Công tác phát triển Đảng được Chi ủy quan tâm nhưng còn khó khăn. Đầu năm 1972, Chi ủy giao cho từng tổ Đảng nhiệm vụ tuyên truyền, phát triển Đảng vào vùng trắng đảng viên, nhưng thực tế có nhiều trở ngại nên đến cuối năm, Chi bộ chưa phát triển thêm được đảng viên nào. Qua triển khai Nghị quyết 195 của Trung ương, Chi bộ còn 2 đảng viên dự bị nhưng qua 3 năm thử thách vẫn chưa phân đấu đủ tiêu chuẩn đảng viên chính thức, vì vậy, sau khi xem xét, Chi ủy quyết định xóa Đảng tịch của 2

đồng chí này và được Huyện ủy ra quyết nghị chấp nhận.

Ngoài ra, chính quyền và các đoàn thể duy trì các hoạt động theo kế hoạch đề ra. Trong đó, Đoàn Thanh niên xã có sinh hoạt tương đối đều, tiêu biểu như Chi đoàn Thị Xuân. Đoàn Thanh niên giữ vai trò nòng cốt trong sản xuất, tham gia khám tuyển nghĩa vụ quân sự, thực hiện phong trào “Ba sẵn sàng”. Trong khi đó, thời gian này Hội Phụ nữ xã Thuần Mang gặp khó khăn trong công tác chỉ đạo phong trào ở địa phương do thiếu cán bộ dẫn đến tình trạng các chi hội ít họp bàn phân công nhiệm vụ; việc thu hội phí không đều; thậm chí ngay trong Ban hoạt động hạn chế, việc sơ kết, tổng kết phong trào phụ nữ “Ba đảm đang” trong 2 năm (1971-1972) chưa làm được. Hội Phụ lão: một số các cụ già vẫn hăng hái tham gia các phong trào sản xuất của hợp tác xã, nhưng hoạt động của Ban Liên lạc không đồng đều, nơi làm nơi không; có những chi hội chỉ còn tồn tại về mặt hình thức do thiếu người triển khai¹.

Đến giữa tháng 12/1972, Tổng thống Mỹ chính thức thông qua kế hoạch tập kích chiến lược nhằm hủy diệt Hà Nội, Hải Phòng, Thái Nguyên, Lạng Sơn và một số địa điểm quan trọng khác bằng máy bay B52, liên tục từ ngày 18-29/12/1972. Sau 12 ngày đêm đánh phá ác liệt, đế quốc Mỹ không những không đạt được kết quả như mong muốn mà ngược lại còn chịu tổn thất nặng nề về máy bay B52. Cuối cùng, Tổng thống Mỹ buộc phải tuyên bố chấm dứt cuộc tập kích (7 giờ sáng ngày 30/12/1972), chấp nhận

1. Trích *Báo cáo công tác lãnh đạo của Chi bộ xã Thuần Mang năm 1972*, họp ngày 16/01/1973, Lưu tại Văn phòng Đảng ủy xã Thuần Mang.

ngồi vào bàn đàm phán với Chính phủ ta tại Hội nghị Pari. Thắng lợi trên mặt trận quân sự đã góp phần đưa đến thắng lợi trên mặt trận ngoại giao thông qua việc ký kết Hiệp định Pari (27/01/1973), trong đó Mỹ thừa nhận nền độc lập và cam kết rút quân khỏi Việt Nam. Thắng lợi này tạo ra bước ngoặt quan trọng cho cuộc kháng chiến của dân tộc. Nhiệm vụ “Đánh cho Mỹ cút” đã cơ bản hoàn thành, cả nước tiến tới hoàn thành mục tiêu “Đánh cho ngụy nhào”, thống nhất đất nước.

Năm 1973, Chi bộ xã Thuận Mang tổ chức Đại hội lần thứ IX nhiệm kỳ 1973-1975. Căn cứ vào tình hình thực tế địa phương, chủ trương được Đại hội thông qua tập trung vào nhiệm vụ sản xuất, trọng tâm là vấn đề củng cố các hợp tác xã. Ngoài ra, phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ về văn hóa - xã hội, đảm bảo công tác an ninh - quốc phòng, xây dựng hệ thống chính trị của địa phương vững mạnh. Chi ủy được bầu gồm 7 đồng chí. Trong đó, đồng chí Hoàng Văn Thi được bầu giữ chức Bí thư Chi bộ; đồng chí Bé Đình Nguậy giữ chức Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban hành chính xã.

Song song với chủ trương được đề ra tại Đại hội, Chi ủy xã Thuận Mang triển khai các chỉ đạo của cấp trên, nhất là tinh thần Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Ngân Sơn lần thứ X (8/1973), trong đó “Tập trung củng cố lại phong trào hợp tác xã, giải quyết những vấn đề cơ bản để giữ vững phong trào. Đảng bộ huyện gắn công tác củng cố hợp tác xã với việc tăng cường công tác

xây dựng Đảng”¹. Mặc dù có nhiều cố gắng trong công tác cải tiến quản lý hợp tác xã, tuy nhiên trong điều kiện là một xã miền núi kinh tế chậm phát triển, địa bàn quản lý rộng; thêm vào đó năng lực của cán bộ và nhận thức của nhân dân còn hạn chế... Vì vậy, càng về sau hiệu quả sản xuất không những không tăng mà còn có chiều hướng giảm, đời sống xã viên gặp nhiều khó khăn. Xuất phát từ thực tế đó, năm 1973, Chi ủy xã Thuần Mang thực hiện điều chỉnh lại quy mô hợp tác xã. Cụ thể, Hợp tác xã Tiền Phong được chia thành 3 hợp tác xã nhỏ² gồm: Bản Giang, Bản Bạng và Nà Mu.

Nhìn chung, trong hai năm 1974-1975, xã Thuần Mang vẫn được đánh giá là một trong những xã khó khăn của huyện Ngân Sơn. Do địa hình chia cắt, chưa có đường cho ô tô là những thách thức lớn đối với yêu cầu phát triển của địa phương. Hợp tác xã nông nghiệp điều hành sản xuất chưa đạt kế hoạch đề ra; trong khi mua bán gặp khó trong việc thu hút xã viên. Hợp tác xã mua bán bị khan hiếm về nguồn hàng phục vụ nhu cầu sinh hoạt của người dân.

Dù còn nhiều khó khăn về kinh tế nhưng Chi bộ, chính quyền xã Thuần Mang vẫn cố gắng quan tâm đến sự phát triển của hoạt động văn hóa - xã hội, nhất là trong công tác giáo dục. Phong trào thi đua dạy tốt, học tốt tiếp tục được phát động trong thầy cô giáo và học sinh. Năm học 1974-1975, tỷ lệ học sinh cấp I lên lớp đạt 74%, học

1. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Ngân Sơn, *Lịch sử Đảng bộ huyện Ngân Sơn, tập II (1954-1975)*, xuất bản. 2000, tr.113.

2. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Ngân Sơn, *Lịch sử Đảng bộ huyện Ngân Sơn, tập II (1954-1975)*, xuất bản. 2000, tr.114.

sinh tốt nghiệp đạt 96%. Chính quyền xã và nhà trường cố gắng vận động để các gia đình cho con em đi học đúng tuổi, tạo điều kiện để các em theo học hết chương trình. Tuy nhiên, với những gia đình ở sâu trong bản hoặc gia đình đồng bào người Dao thì số học sinh đến trường vẫn đạt tỷ lệ thấp.

Cuối năm 1974, tình hình chiến sự miền Nam có những chuyển biến quan trọng theo hướng có lợi cho cách mạng. Ngụy quyền Sài Gòn đang suy yếu rõ rệt. Trước tình hình đó, Bộ Chính trị đã họp và đề ra chủ trương giải phóng miền Nam. Ngày 26/3/1975, chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử nổ ra. Với khí thế “Thần tốc, bất ngờ, táo bạo, chắc thắng”, quân ta đã giành nhiều chiến công vang dội trên chiến trường miền Nam. Đúng 11 giờ trưa ngày 30/4/1975, quân ta đã làm chủ toàn bộ Sài Gòn, lá cờ của quân giải phóng miền Nam tung bay trên nóc Dinh Độc Lập. Chế độ ngụy quyền Sài Gòn hoàn toàn sụp đổ, đất nước được thống nhất, giang sơn từ đây thu về một mối.

Trải qua 21 năm (1954-1975) tham gia xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và chi viện sức người sức của cho miền Nam đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, mặc dù còn nhiều khó khăn nhưng với truyền thống yêu nước, tinh thần lao động vì tập thể, Chi bộ, chính quyền và nhân dân xã Thuận Mang đã đạt được nhiều kết quả tích cực, đóng góp một phần vào thắng lợi chung của dân tộc. Đó là cơ sở để cán bộ, nhân dân các dân tộc xã vững tin, phấn đấu hoàn thành các nhiệm vụ trong thời kỳ mới - thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.